

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

**BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 18 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp ngày 31 tháng 08 năm 2025)

SCI

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 555/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty cổ phần SCI E&C

Trụ sở chính : Tầng 3 - Tháp C - Tòa nhà Golden Palace - Đường Mỹ Trì –
Phường Từ Liêm – Thành phố Hà Nội.
Điện thoại : (84.24) 33 868 243
Fax : (84.24) 3371 9676
Website : <http://scigroup.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Phan Thanh Hải
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Số điện thoại: 024.3386.8243



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 18 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp ngày 31 tháng 08 năm 2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần SCI E&C
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	: 15.245.704 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	: 152.457.040.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISIC (CN HÀ NỘI)

Địa chỉ: Tầng 6, số 36, Ngõ Hòa Bình 4, Phố Minh Khai, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3782 0045

Fax: (024) 3782 0048

Website: www.aisic.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính: Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 1900 6446

Fax: (84.24) 3773 9058

Website: www.fpts.com.vn

0057
CÔNG
CỔ P
SCI
LIÊN

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH....	10
1. Tổ chức phát hành	10
2. Tổ chức tư vấn.....	10
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	11
1. Rủi ro về kinh tế.....	11
1.1. Tăng trưởng kinh tế.....	11
1.2. Rủi ro lãi suất	13
1.3. Rủi ro lạm phát	15
1.4. Rủi ro về tỷ giá	16
2. Rủi ro về luật pháp	17
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	18
3.1. Rủi ro về giá nguyên vật liệu	18
3.2. Rủi ro cạnh tranh.....	18
3.3. Rủi ro khoản phải thu khó đòi.....	19
3.4. Rủi ro vận hành	19
3.5. Rủi ro khác	19
4. Rủi ro về đợt chào bán	19
4.1. Rủi ro của đợt chào bán	19
4.2. Rủi ro dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	20
5. Rủi ro pha loãng.....	20
5.1. Rủi ro pha loãng giá thị trường cổ phiếu.....	20
5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần.....	20
5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách	21
5.4. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết	21
6. Rủi ro quản trị công ty	21
7. Rủi ro khác.	21

III. CÁC KHÁI NIỆM.....	22
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	23
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	23
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	26
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	27
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty.....	30
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty, những công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần góp vốn chi phối.....	36
5.1 Công ty mẹ.....	36
5.2. Công ty con	36
5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty	36
5.4. Công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần góp vốn chi phối.....	36
5.5. Công ty liên doanh, liên kết	37
6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty.....	37
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.....	40
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	40
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	40
10. Hoạt động kinh doanh	41
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	41
10.2 Tài sản	45
10.3. Thị trường hoạt động	50
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính	51
10.5. Các hợp đồng lớn	53
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn.....	54
10.7. Vị thế của Công ty.....	56
10.7.1. Vị thế của Công ty trong ngành	56

10.7.2. Triển vọng phát triển ngành	57
10.7.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của tổ chức phát hành so với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của Thế giới.....	58
10.8. Hoạt động marketing.....	59
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu.....	59
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển	60
10.11. Chiến lược kinh doanh	60
10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh có điều kiện	61
11. Chính sách đối với người lao động.....	61
11.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty	61
11.2. Chính sách với người lao động	63
11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (Chương trình ESOP)	65
12. Chính sách cổ tức.....	66
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất (Trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán).....	66
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	66
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	66
16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	67
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	67
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	67
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất	67
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty	69

2. Tình hình tài chính	71
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	71
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	83
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	86
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	87
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	94
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	94
2. Thông tin về cổ đông lớn	94
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.....	99
3.1. Hội đồng quản trị.....	100
3.2. Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT (UBKT).....	106
3.3. Ban Giám đốc.....	107
3.4. Kế toán trưởng	113
3.5. Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB)	114
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	118
1. Loại cổ phiếu	118
2. Mệnh giá cổ phiếu	118
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	118
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	118
5. Giá chào bán dự kiến.....	119
6. Phương pháp tính giá	119
7. Phương thức phân phối.....	119
8. Đăng ký mua cổ phiếu	119
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	120
10. Phương thức thực hiện quyền.....	121

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	122
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	122
13. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	122
14. Các loại thuế có liên quan	123
14.1. Đối với Công ty	123
14.2. Đối với nhà đầu tư	123
15. Thông tin về các cam kết	124
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	124
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	124
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	125
1. Kế hoạch bổ sung vốn lưu động cho các công trình mà Công ty đang thi công	126
2. Kế hoạch Đầu tư xe máy thiết bị phục vụ thi công các công trình	133
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	135
1. Tổ chức tư vấn	135
2. Tổ chức kiểm toán	135
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	135
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG)	136
XIII. PHỤ LỤC	137

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty	23
Bảng 2. Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty	38
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của Công ty ngày 25/02/2025	40
Bảng 4. Cơ cấu doanh thu hợp nhất của Công ty	42
Bảng 5. Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ	43
Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất	44
Bảng 7. Cơ cấu lợi nhuận Công ty mẹ.....	45
Bảng 8. Tình hình tài sản công ty hợp nhất tại 31/12/2023	45
Bảng 9. Tình hình tài sản công ty hợp nhất tại thời điểm 31/12/2024	46
Bảng 10. Tình hình tài sản công ty hợp nhất tại thời điểm 30/09/2025	46
Bảng 11. Tình hình tài sản công ty mẹ tại 31/12/2023	47
Bảng 12. Tình hình tài sản công ty mẹ tại 31/12/2024	47
Bảng 13. Tình hình tài sản công ty mẹ tại thời điểm 30/09/2025	48
Bảng 14. Danh sách xe máy thiết bị thi công công trình của Công ty.....	48
Bảng 15. Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường trong 02 năm gần nhất.....	50
Bảng 16. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh theo thị trường	50
Bảng 17. Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện	53
Bảng 18. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty	54
Bảng 19. Cơ cấu lao động của Công ty	61
Bảng 20. Số lượng lao động trực tiếp của Công ty.....	62
Bảng 21. Tình hình phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty.....	66
Bảng 22. Tình hình chi trả cổ tức của Công ty.....	66
Bảng 23. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty	67
Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.....	69
Bảng 25. Tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty hợp nhất.....	71
Bảng 26. Tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ.....	72
Bảng 27. Số dư phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty hợp nhất.....	73
Bảng 28. Số dư phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty mẹ	73
Bảng 29. Các khoản phải thu của Công ty hợp nhất.....	75
Bảng 30. Các khoản phải thu của Công ty mẹ	77
Bảng 31. Các khoản nợ xấu của Công ty hợp nhất.....	78
Bảng 32. Các khoản phải trả của Công ty hợp nhất.....	79
Bảng 33. Các khoản phải trả của Công ty mẹ.....	81

Bảng 34. Các khoản vay của Công ty	82
Bảng 35. Số dư các quỹ của Công ty	83
Bảng 36. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất.....	83
Bảng 37. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ	85
Bảng 38. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025	87
Bảng 39. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025 và kết quả thực hiện tính đến thời điểm 30/11/2025.....	88
Bảng 40. Danh sách cổ đông lớn của Công ty	95
Bảng 41. Giao dịch của công ty với cổ đông sở hữu từ 10% và người có liên quan	98
Bảng 42. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	125

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Phan Thanh Hải	- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật
Ông Lưu Minh Thành	- Chức vụ: Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật
Ông Cao Lữ Phi Hùng	- Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện được ủy quyền: Ông **Lê Hải Nam** - Chức vụ: Phó Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp
Theo Quyết định ủy quyền số 177-2024/QĐ/FPTS-FHR ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 165/2025/FPTS/FCF-HN/SCI ngày 08 tháng 10 năm 2025 với Công ty Cổ phần SCI E&C. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần SCI E&C cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần SCI E&C, tiền thân là Nhà máy Chế tạo cơ khí Sông Đà thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 9, sau là Công ty TNHH MTV Cơ khí và sửa chữa Sông Đà 9 và cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500574676 lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 31 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp, hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh thương mại. Vì vậy công ty chịu tác động của các nhân tố rủi ro sau:

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của các lĩnh vực và ngành của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung làm tăng nhu cầu tiêu dùng của xã hội giúp gia tăng sản lượng sản xuất công nghiệp và là cơ hội để các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020 đã chứng kiến những khởi sắc mạnh mẽ nhờ vào nội lực mạnh về tài nguyên, vị trí địa kinh tế và chính trị cũng như nâng cao năng lực quản lý, lao động, sản xuất. Bên cạnh đó, những quyết sách, chủ trương của Đảng và Chính phủ từ chính sách tài khóa đến chính sách tiền tệ đều có sự linh hoạt với biến động cụ thể trong từng giai đoạn để giúp nền kinh tế giữ vững đà tăng trưởng và tạo tiền đề cho các thành phần kinh tế phát triển cũng như mở rộng thương mại ra các khu vực quốc tế.



Nguồn: Cục Thống kê

Nhìn chung diễn biến tăng trưởng GDP của Việt Nam từ đầu thập niên trước có xu hướng tăng trưởng đều qua các năm. Sau khi bị ảnh hưởng bởi cuộc Khủng hoảng Tài chính toàn cầu giai đoạn 2008-2010, Việt Nam đã lấy được đà hồi phục trong suốt những năm sau đó và đạt đỉnh tăng trưởng 7,08%

năm 2018. Sang đến năm 2019, tuy tình hình kinh tế thế giới có nhiều bất ổn nhưng Việt Nam vẫn đạt con số tăng trưởng kinh tế là 7,02%.

Bước sang giai đoạn năm 2020 – 2021 đánh dấu bước ngoặt lớn trong lịch sử kinh tế thế giới với sự bùng phát của đại dịch Covid-19. Ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch đến mọi khía cạnh kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như kết nối toàn cầu đã khiến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sụt giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây lần lượt đạt 2,91% (2020) và 2,58% (2021). Tuy nhiên, con số này vẫn khả quan hơn rất nhiều so với việc phần lớn các nước trên thế giới phải chịu mức sụt giảm kinh tế lớn nhất trong nhiều thập kỷ. Bên cạnh việc duy trì mức tăng trưởng dương thì Việt Nam cũng là một trong những mẫu hình tiêu biểu trên thế giới về phòng chống dịch khi ngăn chặn dịch lây lan ra cộng đồng. Kết quả tích cực trong phát triển kinh tế đi đôi với phòng chống dịch có được là nhờ những phản ứng quyết liệt và kịp thời của Chính phủ, sự đồng lòng đoàn kết thực hiện các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh của toàn thể người dân, khối doanh nghiệp và Chính phủ Việt Nam nhằm đạt mục tiêu “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế, xã hội”.

Từ năm 2022, kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh mẽ nhờ kiểm soát dịch bệnh, chương trình tiêm chủng được đẩy nhanh và nền kinh tế mở cửa trở lại. Tăng trưởng kinh tế đạt 8,02% – mức cao kỷ lục trong hơn một thập kỷ, nhờ sự phục hồi của sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, đầu tư công và đặc biệt là tiêu dùng nội địa. Tuy nhiên, đà phục hồi này không duy trì được trong năm 2023, khi tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 5,05% do tác động từ suy thoái kinh tế toàn cầu, đơn hàng xuất khẩu giảm mạnh, lạm phát và lãi suất quốc tế gia tăng, ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư. Sang năm 2024, nền kinh tế đã có sự cải thiện đáng kể, với mức tăng trưởng đạt 7,09%. Sự phục hồi này chủ yếu nhờ ổn định vĩ mô, các gói chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cùng sự khởi sắc của lĩnh vực dịch vụ và du lịch sau giai đoạn suy giảm.

Năm 2025, theo công bố của Cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế quý III năm 2025 ước tăng 8,23% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 14,38% của quý III năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%, đóng góp 5,04% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,46%, đóng góp 46,41%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo là điểm sáng của nền kinh tế với tốc độ tăng 9,98%; khu vực dịch vụ tăng 8,56%, đóng góp 48,55%. Về tiêu dùng Quý III năm 2025, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,79% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 59,76% vào tốc độ tăng chung của nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 8,97%, đóng góp 44,67%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 18,30%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 18,53%. Tổng kết tăng trưởng kinh tế chín tháng năm 2025 ước tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước, và chỉ thấp hơn tốc độ tăng 9,44% của chín tháng năm 2022. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 5,36% vào mức tăng tổng giá trị tăng

thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,69%, đóng góp 43,05%; khu vực dịch vụ tăng 8,49%, đóng góp 51,59%.

Mặc dù chưa đạt mục tiêu tăng trưởng 8,3% – 8,5% theo Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ, song nhiều nhận định cho rằng với quyết tâm cao và chỉ đạo quyết liệt, trong quý IV năm 2025 Việt Nam sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp để hướng tới mục tiêu tăng trưởng đã đề ra. Với mức tăng trưởng như vậy sẽ đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới. Tuy nhiên mức tăng này vẫn phải đối mặt với những rủi ro tiêu cực đang gia tăng bởi các đối tác thương mại chính của Việt Nam đang tăng trưởng chậm lại cùng với cú sốc tỷ giá thương mại và các chính sách tiền tệ tiếp tục thắt chặt ở các nước phát triển và tác động lan tỏa từ căng thẳng địa chính trị toàn cầu.

Với bối cảnh kinh tế vĩ mô còn nhiều biến động, nhưng đã có những bước bứt phá, Ban Lãnh đạo Công ty chủ trương xây dựng chiến lược phát triển và mở rộng kinh doanh đồng thời chủ trương ứng phó linh động, có đường hướng, chỉ đạo kịp thời và phù hợp để đạt được những mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn tới, vừa đảm bảo phát triển bền vững, vừa đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh đã đặt ra. Công ty luôn chủ động tìm kiếm thêm nguồn khách hàng và thị trường mới, tăng cường đầu tư để đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm.

1.2. Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một trong những nhân tố cơ bản nhất quyết định đến nhiều yếu tố như định hướng kinh tế đối với kinh tế vĩ mô, về chi phí, quyết định đầu tư sản xuất đối với doanh nghiệp. Xu hướng vận động của lãi suất bám sát xu hướng vận động của lạm phát và sau khi giảm mạnh trong giai đoạn 2014-2015 đang có xu hướng tăng lên cho đến cuối năm 2019. Đây cũng là giai đoạn kinh tế Việt Nam phát triển mạnh và mức lãi suất cao phản ánh khả năng hấp thụ vốn tốt của nền kinh tế. Sang đến giai đoạn năm 2020 - 2021, mức lãi suất đã được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giảm thấp nhằm hạn chế rủi ro và khuyến khích đầu tư.

Trong giai đoạn 2022 – 2024, mặt bằng lãi suất tại Việt Nam biến động theo xu hướng giảm dần. Năm 2022, lãi suất tăng do áp lực lạm phát và dòng vốn quốc tế, khi Ngân hàng Nhà nước phải điều chỉnh tăng lãi suất điều hành cùng trần huy động và cho vay ngắn hạn. Sang năm 2023, lãi suất giảm mạnh sau bốn lần cắt giảm lãi suất điều hành, đưa lãi suất huy động nhiều kỳ hạn về mức “đáy” chỉ 2–4%/năm, trong khi lãi suất cho vay bình quân cũng giảm khoảng 2–2,5 điểm phần trăm so với cuối năm 2022. Đến năm 2024, lãi suất dần ổn định, một số kỳ hạn huy động tăng nhẹ quanh 5–6%/năm, còn lãi suất cho vay bình quân duy trì ở mức 6,7–9,1%/năm, thấp hơn cuối năm trước khoảng 0,4 điểm phần trăm.

Bước sang năm 2025, theo Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/08/2025, nhằm thúc đẩy động lực tăng trưởng toàn xã hội có nêu nhiệm vụ như sau: “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nắm chắc tình

hình, điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, đồng bộ chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác; ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối phù hợp với điều kiện thị trường; chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí, phân đầu giảm mặt bằng lãi suất cho vay để hỗ trợ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và sinh kế người dân, tăng cường chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu phát sinh; quyết liệt, chủ động điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2025 công khai, minh bạch, phù hợp với lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu, thúc đẩy tăng trưởng đạt từ 8,3 – 8,5% và đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế; chỉ đạo các tổ chức tín dụng kiểm soát và hướng tín dụng vào các ngành sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng truyền thống của nền kinh tế (đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng) và các động lực mới (bao gồm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhà ở xã hội...). Chuẩn bị kỹ chính sách tiền tệ các tháng cuối năm 2025 và năm 2026, báo cáo Thường trực Chính phủ trước ngày 20 tháng 8 năm 2025.”

Trong xu hướng đó, các ngân hàng đã giảm mức lãi suất cho vay bình quân:

Ngân hàng	Lãi suất cho vay bình quân	
	KHCN	KHDN
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5,60%	5,18%
Ngân hàng TMCP nông nghiệp và phát triển nông thôn	6,51%	6,54%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5,60%	5,6%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	5,50%	6,00%

Nguồn: Website của các Ngân hàng

Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 6,5-8,8%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng đồng Việt Nam đối với lĩnh vực ưu tiên khoảng 3,9%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4%/năm). Tín dụng tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống và tập trung vào các động lực tăng trưởng kinh tế.

Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Tính đến ngày 26/6/2025, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 8,3% (cùng thời điểm năm trước tăng 4,85%); tổng phương tiện thanh toán tăng 7,09% so với cuối năm 2024 (cùng thời điểm năm trước tăng 2,48%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng (TCTD) tăng 6,11% (cùng thời điểm năm trước tăng 1,82%).

Điều này cho thấy mặt bằng chung lãi suất cho vay của các Ngân hàng cho doanh nghiệp có xu hướng duy trì ổn định ở mức thấp, thuận lợi cho doanh nghiệp vay vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh.

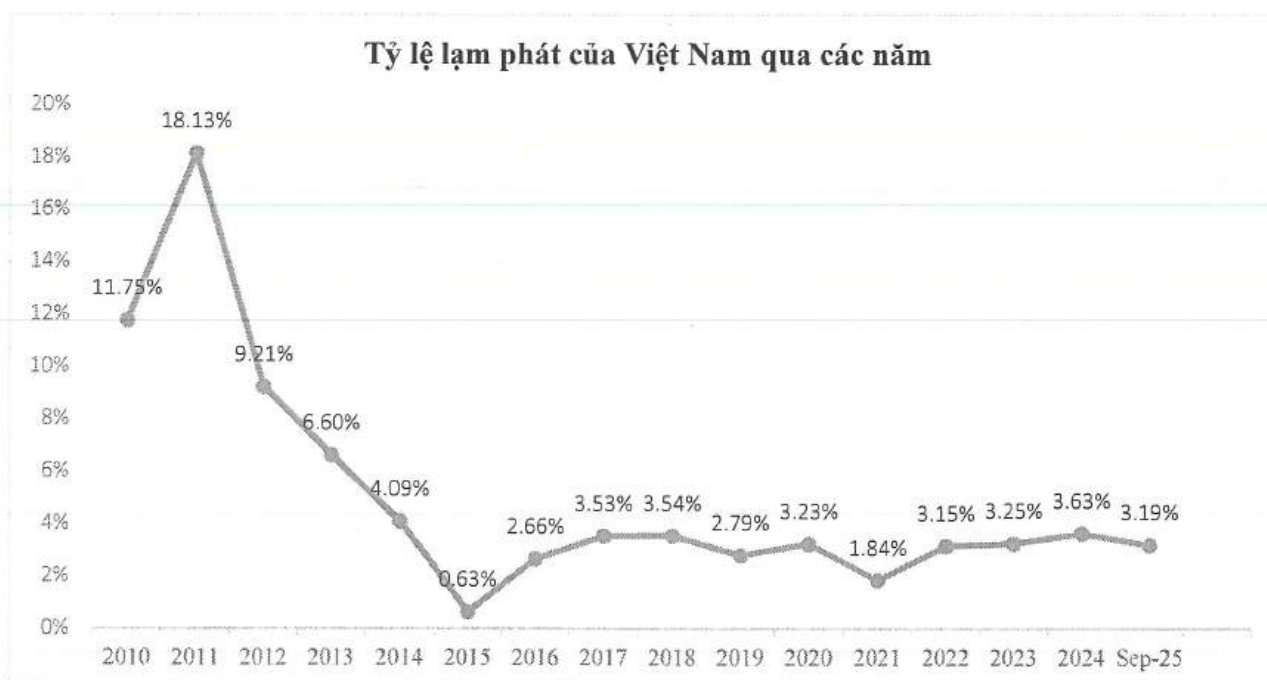
Công ty sẽ chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty phát sinh các khoản tiền

gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty sẽ có những điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ đòn bẩy cũng như cơ cấu nợ vay trên vốn chủ sở hữu, đồng thời phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được mức lãi suất có lợi nhất nhằm hạn chế tối đa những rủi ro về biến động lãi suất cũng như tối thiểu hóa chi phí vốn bình quân.

1.3. Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một trong những chỉ báo quan trọng đo lường tính ổn định về giá cả và đồng tiền của một nền kinh tế. Một nền kinh tế tăng trưởng ổn định cần phải được kiểm soát ở mức ổn định và đây cũng là mục tiêu mà Quốc hội đã đề ra.

Có thể thấy rằng, trong giai đoạn từ năm 2014 đến nay, tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam luôn được giữ ở mức thấp. Với bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trong năm 2020 đe dọa sự bất ổn của kinh tế-tài chính toàn cầu, chỉ số giá tiêu dùng bình quân vẫn được kiểm soát ở mức tăng 3,23% so với năm 2019.



Nguồn: Cục Thống kê

Trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên vật liệu đầu vào và giá cước vận chuyển liên tục tăng, tuy nhiên chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, đạt được mục tiêu của Quốc hội đề ra trong việc kiểm soát thành công lạm phát.

Trong giai đoạn 2022–2024, lạm phát của Việt Nam được duy trì trong mức kiểm soát, dao động quanh ngưỡng mục tiêu Quốc hội đề ra. Năm 2022, lạm phát tăng khoảng 3,15% chủ yếu do tác động từ giá lương thực, thực phẩm và biến động giá hàng hóa thế giới. Năm 2023, lạm phát tăng 3,25%, cao hơn năm trước. Sang năm 2024, lạm phát tăng 3,63% với áp lực chủ yếu đến từ việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giáo dục và giá lương thực.

Trong 9 tháng năm 2025, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,27% so với cùng kỳ năm 2024, nằm trong ngưỡng kiểm soát nhưng vẫn phản ánh áp lực lạm phát đáng kể từ nhiều nhóm hàng hóa, dịch vụ thiết yếu. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,3%, đóng góp 1,11 điểm phần trăm vào mức tăng CPI chung; riêng nhóm thực phẩm tăng 3,59% chủ yếu do giá thịt lợn tăng 10,1% và mỡ ăn tăng 13,08%, trong khi chi phí ăn uống ngoài gia đình cũng tăng 3,72%. Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,14%, góp phần làm CPI tăng 1,16 điểm phần trăm, trong đó giá điện sinh hoạt tăng 7,05% sau hai lần điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân (tháng 10/2024 và tháng 5/2025). Nhóm thuốc và dịch vụ y tế ghi nhận mức tăng mạnh nhất, tới 13,48%, chủ yếu do điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT, tác động làm CPI tăng thêm 0,73 điểm phần trăm. Ngoài ra, giáo dục tăng 1,81% do điều chỉnh học phí năm học 2025–2026; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,63%; và hàng hóa, dịch vụ khác tăng 5,37% do chi phí bảo hiểm, công chứng và dịch vụ cá nhân tăng.

Ở chiều ngược lại, nhóm giao thông giảm 2,9% nhờ giá xăng dầu giảm mạnh 10,63%, góp phần kéo CPI chung giảm 0,28 điểm phần trăm; bưu chính – viễn thông cũng giảm 0,47% do giá điện thoại di động giảm.

Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng tăng 3,19%, thấp hơn CPI chung (3,27%). Điều này cho thấy mức tăng CPI chủ yếu đến từ các yếu tố bên ngoài rõ tính lạm phát cơ bản như lương thực, thực phẩm, điện, y tế và giáo dục. Nhìn chung, diễn biến 9 tháng cho thấy lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát, song áp lực từ giá dịch vụ y tế, điện sinh hoạt và thực phẩm tiếp tục là những yếu tố đáng lưu ý trong những tháng cuối năm.

Hoạt động của các doanh nghiệp thi công, lắp đặt như Công ty Cổ phần SCI E&C luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả nguyên vật liệu đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

1.4. Rủi ro về tỷ giá

Rủi ro về tỷ giá là thách thức đối với các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, máy móc đầu vào để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là trong thời điểm tỷ giá ngoại tệ biến động theo chiều hướng tăng. Khi tỷ giá thay đổi, đặc biệt là khi tăng, chi phí đầu vào của Công ty sẽ tăng theo, trong khi sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng ngay lập tức, điều này làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận của công ty.

Trong năm 2025, tỷ giá USD/VND đã có nhiều biến động phức tạp. Tính đến tháng 6 năm 2025, tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố ở mức 24.982 VND/USD. Trên thị trường

ngân hàng, giá mua – bán USD dao động trong khoảng 23.783 – 26.181 VND/USD, trong khi trên thị trường tự do, giá USD có thời điểm chạm ngưỡng kỷ lục 26.720 VND/USD. Như vậy, chỉ trong 8 tháng đầu năm 2025, đồng Việt Nam đã mất giá khoảng 3,3% so với đầu năm và 5,6% so với cùng kỳ 2024 – mức suy giảm đáng kể trong nhiều năm qua. Theo một số dự báo, tỷ giá bình quân năm 2025 có thể dao động trong khoảng 26.600 – 26.750 VND/USD, tương ứng mức tăng 4,5 – 5% so với đầu năm.

Nguyên nhân khiến tỷ giá tăng trong năm 2025 đến từ nhiều yếu tố: (i) Đồng USD duy trì ở mức cao do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) giữ lãi suất chính sách ở mức cao trong phần lớn thời gian, tạo áp lực lên dòng vốn tại các thị trường mới nổi; (ii) Nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu tăng trở lại cùng với sự phục hồi sản xuất – kinh doanh, trong khi cán cân thương mại mặc dù vẫn thặng dư nhưng thấp hơn giai đoạn trước; (iii) Nhu cầu chi trả dịch vụ, du lịch và kiều hối biến động không đồng đều, cùng với tâm lý găm giữ ngoại tệ trong dân cư, cũng làm gia tăng sức ép lên thị trường.

Trong bối cảnh đó, đứng trước sức ép tỷ giá NHNN đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp điều hành nhằm giảm bớt căng thẳng, trong đó bao gồm: (i) sử dụng Quỹ dự trữ ngoại hối để can thiệp thị trường khi cần thiết; (ii) điều hành linh hoạt lãi suất, vừa để kiểm soát dòng vốn vừa để giảm áp lực tỷ giá; (iii) điều chỉnh cơ chế giao dịch ngoại tệ, kết hợp giữa bán giao ngay và các kỳ hạn phù hợp; (iv) phối hợp chặt chẽ chính sách tiền tệ – tài khóa để giữ ổn định vĩ mô. Tuy nhiên, bối cảnh thặng dư thương mại mặc dù vẫn duy trì nhưng có xu hướng giảm, trong khi nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu, trả nợ quốc tế và các dịch vụ khác tăng, khiến áp lực tỷ giá trong những tháng cuối năm vẫn còn hiện hữu.

Công ty quản lý rủi ro về tỷ giá ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro về ngoại tệ của mình.

2. Rủi ro về luật pháp

Các rủi ro từ luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống không thể tránh khỏi đối với bất cứ doanh nghiệp nào tại Việt Nam. Các thay đổi từ định hướng vĩ mô cho đến các quy định chi tiết trong các bộ luật sẽ ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là một công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh thương mại, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Xây dựng, Luật Điện lực, Luật Đấu thầu,... và các Nghị định, Thông tư, Văn bản hướng dẫn dưới luật. Hệ thống pháp luật ở Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và sửa đổi liên tục theo thực tế diễn biến và đặc điểm của từng ngành nghề, lĩnh vực. Vì vậy, rủi ro pháp lý trong thực tiễn quản lý và sản xuất sẽ xảy ra nếu Công ty vận dụng không

phù hợp và không kịp thời những điều chỉnh của luật, đặc biệt là đối với quy trình giám sát, đảm bảo và kiểm tra chất lượng sản phẩm cũng như các dự án cần cấp phép đầu tư mà Công ty tham gia. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Biến động về giá nguyên vật liệu ảnh hưởng rất lớn đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Tại Việt Nam hiện nay, nhu cầu về nâng cấp hệ thống truyền tải điện là rất lớn. Theo Quy hoạch điện VIII, tốc độ tăng trưởng công suất nguồn điện sẽ đạt 11,1%/năm, do đó nhu cầu xây dựng mạng lưới truyền tải điện vẫn còn nhiều dư địa, điều này mở ra cơ hội cho các công ty xây lắp công trình điện như SCI E&C. Tổng mức đầu tư cho ngành điện dự kiến cho giai đoạn 2021 – 2030 theo Quy hoạch điện VIII là gần 99,3 – 115,9 tỷ USD/năm, trong đó, vốn đầu tư cho phát triển nguồn điện khoảng 8,67-10,15 tỷ USD/năm. Bên cạnh đó các dự án điện gió và điện mặt trời đang dần được mở rộng do xu hướng sử dụng năng lượng sạch, dẫn tới nhu cầu nâng cấp đường truyền để đảm bảo hệ thống đáp ứng đủ công suất.

Ngành xây lắp công trình điện là ngành có rào cản gia nhập thị trường cao do ảnh hưởng đến an ninh năng lượng quốc gia và yêu cầu kỹ thuật chuyên môn đặc thù và điều kiện thi công khó khăn, nên số lượng đối thủ cạnh tranh của SCI E&C cũng không quá lớn. Với nền tảng kinh nghiệm từ Tổng công ty Sông Đà, Công ty cổ phần SCI E&C đã và đang thi công các công trình giao thông đường bộ, đường thủy, cảng biển, thủy điện, nhiệt điện,... trên địa bàn cả nước và nước ngoài. Công ty đã mạnh dạn đầu tư thiết bị thi công chuyên ngành, thu hút nhiều cán bộ chuyên môn quản lý có nhiều kinh nghiệm tham gia vào công tác điều hành, chú trọng tuyển dụng đội ngũ công nhân kỹ thuật có trình độ cao trong công tác sản xuất. Nhờ không ngừng nâng cao năng lực, áp dụng công nghệ tiên tiến,

tất cả các gói thầu SCI E&C thực hiện đều đạt tiến độ, chất lượng, an toàn và được các Chủ đầu tư, Tổng thầu đánh giá cao.

3.3. Rủi ro khoản phải thu khó đòi

Do đặc điểm của ngành xây lắp, thi công công trình, các công trình/ dự án thường có thời gian thi công kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình/ hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan. Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư tạm ứng theo từng giai đoạn trong công trình.

3.4. Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.5. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ra ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Trong đợt chào bán và phát hành này, Công ty cổ phần SCI E&C dự kiến chào bán thêm 15.245.704 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (theo tỷ lệ thực hiện quyền 2:1) với giá chào bán là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Trong trường hợp thị trường không thuận lợi và số cổ phiếu không được phân phối hết như dự kiến, tùy thuộc vào tình hình thị trường tại thời điểm chào bán, theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT sẽ quyết định tiếp tục chào bán phần còn lại (số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua) cho các nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần được chào bán hoặc quyết định không phân phối tiếp phần còn lại và kết thúc đợt chào bán.

4.2. Rủi ro dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Mục đích sử dụng vốn của đợt chào bán lần này của Công ty Cổ phần SCI E&C là để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua sắm xe máy thiết bị phục vụ cho thi công các công trình mà Công ty đang thi công với vai trò tổng thầu EPC. Các dự án công ty đang thực hiện triển khai với vai trò tổng thầu EPC là các dự án thi công liên quan đến lĩnh vực năng lượng bao gồm thủy điện và điện gió, có giá trị hợp đồng và tổng mức vốn đầu tư lớn. Các dự án này đều đảm bảo về tính pháp lý, tuy nhiên việc thi công các dự án có thể bị kéo dài so với kế hoạch do nguồn cung cấp nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho các dự án bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan như điều kiện thời tiết, thiên tai, dịch bệnh,... Công ty luôn xây dựng phương án dự phòng để hạn chế rủi ro nhất có thể cho việc thi công các dự án và đảm bảo tiến độ thi công như đã cam kết với các chủ đầu tư.

5. Rủi ro pha loãng

Việc thực hiện các phương án chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu nêu trên có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu, bao gồm:

5.1. Rủi ro pha loãng giá thị trường cổ phiếu

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu giá của cổ phiếu được điều chỉnh theo công thức:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (I * P_r)}{1 + I}$$

Trong đó:

P_{pl} : là giá thị trường của cổ phiếu sau khi pha loãng (Giá tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

P_t : giá giao dịch cổ phiếu tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền

P_r : giá chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu)

I : tỷ lệ vốn tăng do phát hành quyền mua cổ phiếu (50%)

Giả định Giá đóng cửa cổ phiếu SCI của Công ty trước ngày giao dịch không hưởng quyền P_t là: **15.000 đồng/cổ phiếu**. Như vậy, giá tham chiếu cổ phiếu của Công ty trong ngày giao dịch không hưởng quyền (P) sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P = \frac{15.000 + 10.000 * 50\%}{1 + 50\%} = 13.333 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần

Sau khi thực hiện chào bán, số cổ phiếu lưu hành trên thị trường sẽ tăng lên, vì vậy thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ được điều chỉnh

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập cơ} \\ \text{bản trên mỗi CP} \\ \text{(EPS)} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng CP đang lưu hành}} \\ \text{bình quân trong kỳ}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng CP đang lưu} \\ \text{hành bình quân trong kỳ} \end{array} = \frac{X * T + (X+Y) * T'}{12}$$

X: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành

Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

T: Thời gian lưu hành thực tế của cổ phiếu trước khi phát hành

T': Thời gian lưu hành thực tế của cổ phiếu phát hành thêm

5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sổ sách của} \\ \text{cổ phiếu (BV)} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, BV có thể bị ảnh hưởng nếu giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm chào bán.

5.4. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua).

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do hai nguyên nhân chính: (i) Sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) Sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị. Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty có các quy định về phân quyền và trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên trong bộ máy quản trị Công ty, thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định luật pháp về Quản trị Công ty và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

7. Rủi ro khác.

Bên cạnh các rủi ro nêu trên, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng đối mặt với một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai (hạn hán, lũ lụt), dịch bệnh, hỏa hoạn, biến động chính trị, xã hội ... ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài sản và con người của Công ty, đồng thời gây bất ổn định thị trường và làm sụt giảm lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải rủi ro trong quá trình sản xuất như tai nạn lao động hay các sự cố máy móc trong quá trình lao động tại các công trình thi công.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Công ty/ Tổ chức chào bán/ : Công ty Cổ phần SCI E&C
SCI E&C

Bản cáo bạch : Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ
đồng hiện hữu của Công ty cổ phần SCI E&C

Điều lệ : Điều lệ Công ty Cổ phần SCI E&C

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC : Báo cáo tài chính

CTCP : Công ty cổ phần

ĐKKD : Đăng ký kinh doanh

CCCD : Căn cước công dân

ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

HĐQT : Hội đồng quản trị

UBKT : Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị

KTNB : Kiểm toán nội bộ

Sở KHĐT : Sở Kế hoạch Đầu tư

VCSH : Vốn chủ sở hữu

VNĐ : Việt Nam đồng

UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

TNHH : Trách nhiệm hữu hạn

TNHH MTV : Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

DTT : Doanh thu thuần

LNST : Lợi nhuận sau thuế

CBCNV : Cán bộ công nhân viên

BHYT : Bảo hiểm y tế


BHXH : Bảo hiểm xã hội

BHTN : Bảo hiểm thất nghiệp

[Phần này được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần SCI E&C
Tên tiếng Anh	: SCI E&C JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: SCI – E&C
Logo	: 
Trụ sở chính	: Tầng 3 tháp C - Tòa nhà Golden Palace - Đường Mỹ Tri - P. Từ Liêm - Tp. Hà Nội
Điện thoại	: (84.24) 3386 8243
Fax	: (84.24) 3386 8243
Website	: http://scigroup.vn/
Email	: sci-enc@scigroup.vn
Vốn điều lệ đã đăng ký	: 304.914.090.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn tỷ, chín trăm mười bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).
Vốn điều lệ thực góp	: 304.914.090.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn tỷ, chín trăm mười bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).
Mã chứng khoán	: SCI
Đăng ký niêm yết tại	: HNX
Giấy CNĐKDN số	: 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 18 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp ngày 31 tháng 08 năm 2025.
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Phan Thanh Hải – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông Lưu Minh Thành – Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh

Danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng 1. Danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
1.	0710	Khai thác quặng sắt (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)
2.	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
3.	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
4.	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
5.	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
6.	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
7.	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
8.	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
9.	3511	Sản xuất điện (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)
10.	3512	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện (trừ Truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia)
11.	4101	Xây dựng nhà để ở
12.	4102	Xây dựng nhà không để ở
13.	4211	Xây dựng công trình đường sắt
14.	4212	Xây dựng công trình đường bộ
15.	4221 (Chính)	Xây dựng công trình điện Chi tiết: - Xây dựng đường dây; trạm biến áp đến 220KV; - Xây dựng nhà máy điện.
16.	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
17.	4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
18.	4229	Xây dựng công trình công ích khác
19.	4291	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Xây dựng công trình thủy như: + Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống... + Đập và đê.
20.	4292	Xây dựng công trình khai khoáng Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp khai khoáng không phải nhà như: + Nhà máy lọc dầu. + Công trình khai thác than, quặng...
21.	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp chế biến, chế tạo không phải nhà như: + Nhà máy sản xuất hoá chất cơ bản, hóa dược, dược liệu và hóa chất khác. + Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng. + Nhà máy chế biến thực phẩm...
22.	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời
23.	4311	Phá dỡ
24.	4312	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: chuẩn bị mặt bằng: - Làm sạch mặt bằng xây dựng; - Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn... - Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: Chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
		những vùng dầu và khí; - Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; - Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng; - Hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp
25.	4321	Lắp đặt hệ thống điện
26.	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
27.	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
28.	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
29.	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; Thuê cần trục có người điều khiển
30.	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
31.	4512	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)
32.	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
33.	4541	Bán mô tô, xe máy
34.	4542	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
35.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, role, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp
36.	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
37.	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
38.	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
39.	7710	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô;
40.	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển
41.	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)

Nguồn: CTCP SCI E&C

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần SCI E&C là Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà trực thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 9. Trải qua trên 15 năm phát triển, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách nhờ sự đoàn kết của tập thể CBCNV và sự lãnh đạo của Ban lãnh đạo Công ty. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty được tóm tắt dưới đây:

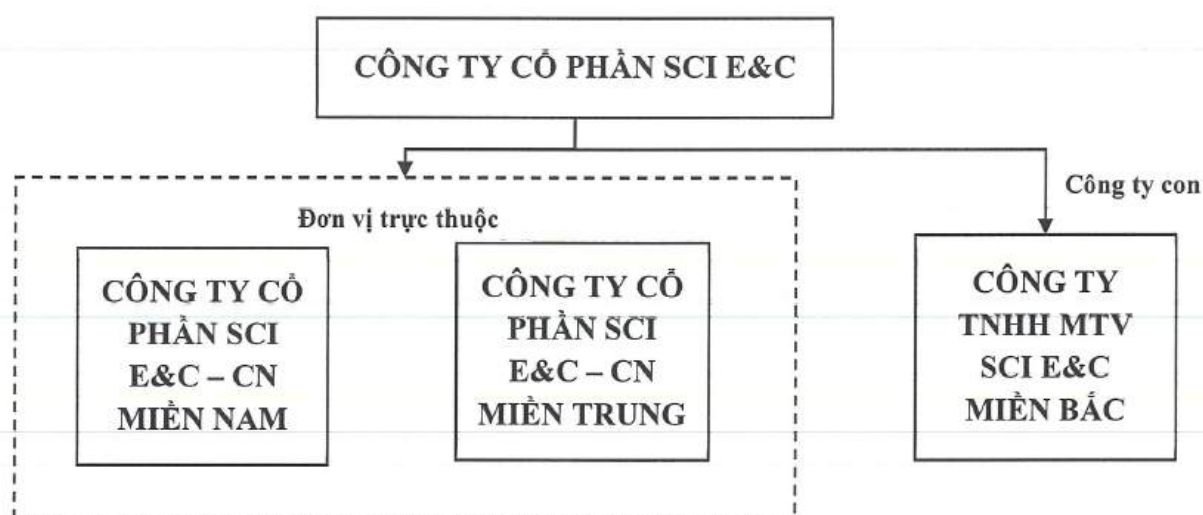
Từ năm 2006 : đến năm 2007	Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính: + Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng; + Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe; + Xây dựng đường dây và trạm biến thế.
Từ năm 2007 : đến năm 2010	Công ty TNHH MTV cơ khí và sửa chữa Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính: + Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng; + Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe; + Xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, thiết bị công nghệ xây; + Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; + Khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng.
Từ năm 2010 : đến năm 2016	Công ty tiến hành cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9. Sau khi cổ phần hóa, Công ty đã năng động hơn để thích ứng với điều kiện của kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, chú trọng vào phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, thủy điện, nhiệt điện, thủy lợi, xây lắp điện; từng bước chuyển dần một phần tỷ trọng xây lắp sang thương mại, dịch vụ, đầu tư. Tăng cường nhân lực chất lượng cao, máy móc thiết bị hiện đại. Công ty trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 17/04/2014. Ngày 30/06/2014: Công ty giao dịch lần đầu trên UPCoM với mã chứng khoán SCI. Ngày 23/12/2015: Cổ phiếu SCI được chấp thuận niêm yết trên sàn HNX.
Từ 2017 - nay :	Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần SCI E&C để đồng bộ với các Công ty trong Tập đoàn và vẫn tiếp tục phát triển các ngành nghề theo định hướng chiến lược.

	Giai đoạn 2020 - 2024, Công ty tăng vốn điều lệ lần lượt từ 120.999.680.000 đồng lên 127.048.810.000 lên 254.098.470.000 đồng và lên 304.914.090.000 đồng qua hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Hiện tại, Công ty cổ phần SCI E&C hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 31 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp.
--	---

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

3.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: CTCP SCI E&C

Công ty Cổ phần SCI E&C – CN Miền Nam

Địa chỉ: Ấp Thạnh Đức, Xã Đại Ngãi, TP Cần Thơ, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh: Xây lắp

Công ty Cổ phần SCI E&C – CN Miền Trung

Địa chỉ: Thôn Mã Lai, Xã Hướng Phùng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh: Xây lắp

Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc

Trụ sở chính: Bản Nà Cúng, Xã Khổng Lào, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam.

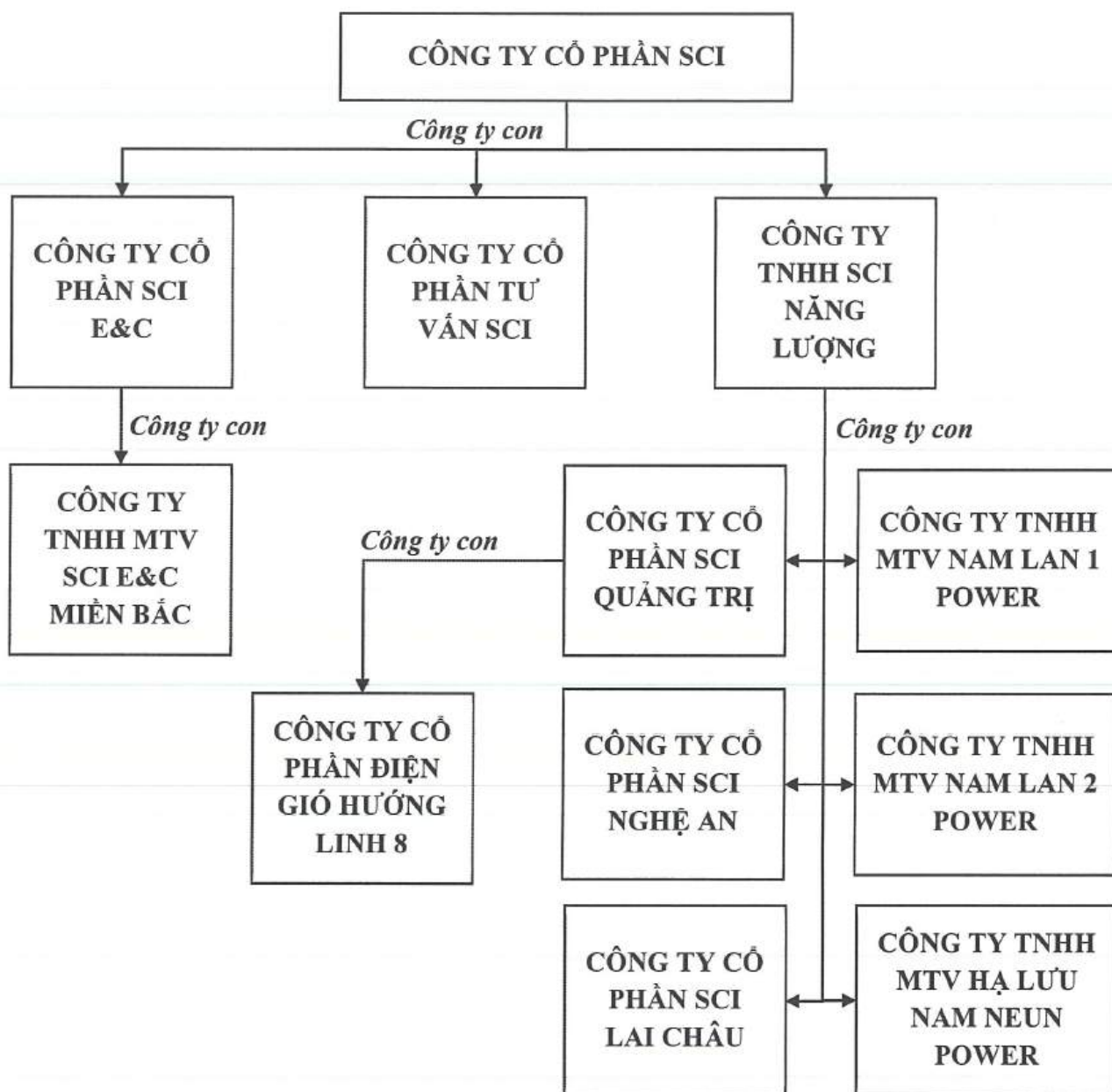
Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

3.2. Cơ cấu của nhóm Công ty

Công ty cổ phần SCI E&C hoạt động trong nhóm công ty gồm Công ty mẹ là Công ty cổ phần SCI và các công ty thành viên. Thông tin về cơ cấu trong nhóm Công ty như sau:

Sơ đồ 2. Cơ cấu nhóm công ty



Công ty Cổ phần SCI

Trụ sở chính: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 1.040.889.920.000 đồng

Công ty Cổ phần SCI E&C

Trụ sở chính: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 304.914.090.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần SCI: 51%

- **Công ty TNHH MTV SCI E&C miền Bắc**

Trụ sở chính: Bản Nà Cúng, Xã Không Lào, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam

Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần SCI: 51% (sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần SCI E&C)

Công ty Cổ phần Tư vấn SCI

Trụ sở chính: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 30.051.640.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần SCI: 65%

Công ty TNHH SCI Năng Lượng

Trụ sở chính: số 214 đường Nguyễn Du, khu phố 8, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Vốn điều lệ: 1.261.082.710.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần SCI: 100%

- **Công ty Cổ phần SCI Nghệ An**

Trụ sở chính: Bản Huổi Chi, Xã Huổi Kiếm, Huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ: 245.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần SCI: 99,29% (sở hữu gián tiếp qua Công ty TNHH SCI Năng lượng)

- **Công ty Cổ phần SCI Lai Châu**

Trụ sở chính: Thôn Tây Sơn, Xã Mường So, Huyện Phong Thổ, Tỉnh Lai Châu

Vốn điều lệ: 589.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần SCI: 99,99%

- **Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị**

Trụ sở chính: Thôn Xa Bai, Xã Hướng Phùng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Vốn điều lệ: 314.920.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần SCI: 99,99%

- **Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8**

Trụ sở chính: Thôn Xa Bai, Xã Hướng Phùng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Vốn điều lệ: 358.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần SCI: 67,01% (sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần SCI Quảng Trị)

- **Công ty TNHH MTV Hạ Lưu Nam Neun Power**

Trụ sở chính: Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

- **Công ty TNHH MTV Nam Lan 1 Power**

Trụ sở chính: Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

- **Công ty TNHH MTV Nam Lan 2 Power**

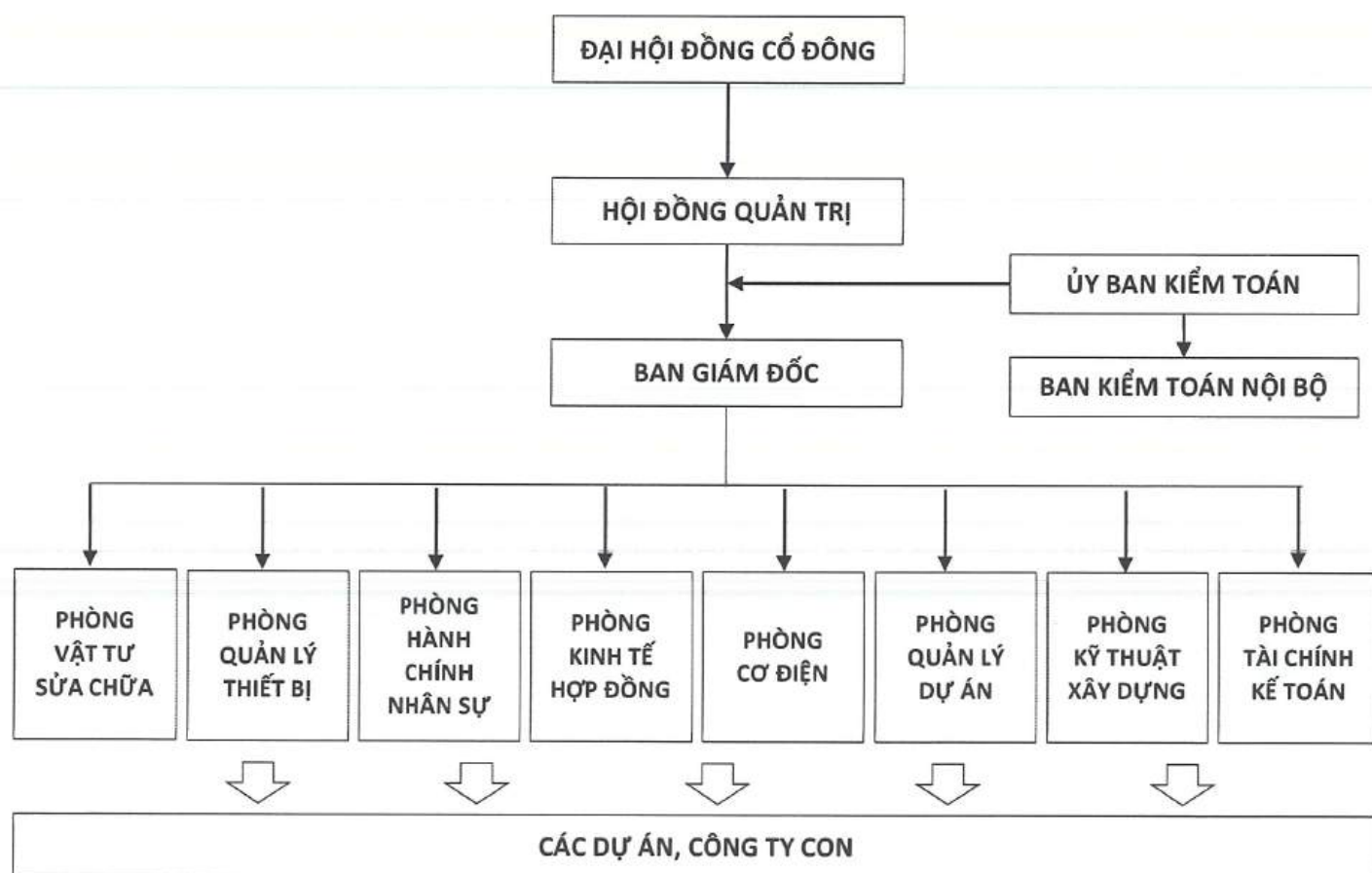
Trụ sở chính: Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Hiện tại, Công ty áp dụng mô hình cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, cũng như đảm bảo tuân



thủ các quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Sơ đồ 3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Nguồn: CTCP SCI E&C

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ chính như sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Quyết định giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty và;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị gồm 06 người, trong đó 01 Chủ tịch và 05 thành viên, bao gồm:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;
- Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng;
- Quyết định mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

- Quyết định giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty; quyết định tất cả các giao dịch khác.

Ủy ban Kiểm toán: Ủy ban kiểm toán là cơ quan giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty, tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty và các hoạt động khác nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

Ban Giám đốc: Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Giám đốc gồm 05 thành viên:

Ban giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty;
- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
- Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Phòng Vật tư sửa chữa: Là bộ phận chức năng quản giúp Ban Điều hành quản lý và thực hiện các công việc sau:

- Tìm kiếm đối tác, nhà cung cấp trong nước. Phân loại và đánh giá năng lực, chất lượng, chi phí nhà cung cấp.
- Chào giá, tham gia đàm phán soạn hợp đồng với các đối tác.
- Quản lý các công cụ dụng cụ cơ giới, xây lắp.
- Lập kế hoạch điều vận hàng tuần
- Sắp xếp quản lý và điều phối xe để hoạt động vận chuyển hiệu quả.

- Theo dõi nhập xuất tồn kho tại các kho.
- Tổng hợp danh sách vật tư, hàng hóa xuất khẩu chuyển cho bộ phận XNK mở tờ khai hải quan.

Phòng Quản lý thiết bị: Là bộ phận chức năng quản giúp Ban Điều hành quản lý và thực hiện các công việc sau:

- Tìm kiếm các đơn vị có nhu cầu thuê thiết bị. Thực hiện đàm phán hợp đồng cho thuê thiết bị để khai thác tối đa hiệu quả.
- Cân đối, điều phối nguồn lực thiết bị giữa các dự án đảm bảo hiệu quả.
- Phân tích hiệu quả kinh tế từ việc sử dụng và cho thuê thiết bị.
- Lập, quản lý và cập nhật các định mức nhiên liệu.
- Đánh giá năng suất, hiệu quả làm việc và khai thác tài sản thiết bị của từng dự án.
- Theo dõi, thực hiện tất cả các công việc liên quan đến bảo hiểm, đăng ký, đăng kiểm.
- Theo dõi, kiểm tra các công việc liên quan đến bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, cải tiến thiết bị.
- Phối hợp cùng đưa ra các đề xuất đầu tư, thay thế, cải tiến, thanh lý thiết bị.

Phòng Kinh tế hợp đồng: Là bộ phận chức năng quản giúp Ban Điều hành quản lý và thực hiện các công việc sau:

- Ban hành quy định ký kết hợp đồng kinh tế và mẫu hợp đồng kinh tế: Đảm bảo các điều khoản trong hợp đồng chặt chẽ, đúng pháp lý;
- Bảo vệ trước đơn vị Tư vấn và các Chủ đầu tư, Tổng thầu để phê duyệt dự toán các hạng mục thi công đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;
- Thực hiện lập hồ sơ đề xuất tài chính, tính toán giá thành cho các gói thầu Công ty tham gia đấu thầu;
- Triển khai lập kế hoạch chi phí và kiểm soát chi phí hàng tháng theo kế hoạch;

Phòng Quản lý dự án: Là bộ phận chức năng quản giúp Ban Điều hành quản lý và thực hiện các công việc sau:

- Nắm rõ, phân tích và đánh giá tình trạng hiện tại của việc thực hiện dự án đồng thời nắm được các quy trình thực hiện dự án để lập kế hoạch quản lý, kiểm soát dự án
- Xem xét, đánh giá những thay đổi trong thiết kế, thi công xây dựng, mua sắm vật tư, trang thiết bị, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng cháy chữa cháy, chạy thử nghiệm thu và bàn giao công trình, đào tạo vận hành,...Đảm bảo cho các thay đổi trên không ảnh hưởng tới an toàn, chất lượng cũng như tiến độ thực hiện dự án.
- Lập hồ sơ mời thầu, lựa chọn nhà thầu.
- Giám sát, điều hành tiến độ và chất lượng thực hiện hợp đồng của các nhà thầu.

- Xem xét, kiểm tra các tài liệu của các nhà thầu theo hợp đồng đã ký kết với Chủ đầu tư.
- Theo dõi, đánh giá, báo cáo mức độ thực hiện và hoàn thành tiến độ thi công của các nhà thầu.
- Giám sát và điều hành các nhà thầu thực hiện tiến độ do các nhà thầu khác lập và hiệu chỉnh. Lập lại tiến độ thực hiện dự án phù hợp với tổng tiến độ và các mốc quan trọng đã được duyệt.
- Theo dõi, đánh giá, báo cáo mức độ thực hiện và hoàn thành tiến độ thi công của các nhà thầu. Đưa ra các biện pháp xử lý và điều chỉnh kịp thời khi có sự chậm trễ nhằm đảm bảo dự án hoàn thành đúng tiến độ đề ra.
- Lập, kiểm tra, điều hành kế hoạch và các điều kiện để tiến hành thí nghiệm, kiểm định, chạy thử, nghiệm thu cho phù hợp với tổng tiến độ công trình.
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc lập và thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy, nổ của các nhà thầu
- Kiểm tra kế hoạch, điều hành quá trình đào tạo của các nhà thầu đào tạo, hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ của các nhà thầu.
- Giám sát và điều hành các nhà thầu nhằm đảm bảo việc thực hiện các công việc phù hợp với các mốc và khoảng thời gian quan trọng của dự án.
- Quản lý các rủi ro liên quan đến dự án.

Phòng Kỹ thuật xây dựng: Là bộ phận chuyên môn chức năng giúp Ban Điều hành trong các công việc cụ thể sau:

- Quản lý chặt chẽ kế hoạch khối lượng, tiến độ thi công, biện pháp thi công các hạng mục thi công trên các công trường, duy trì và thực hiện nghiêm túc việc giám sát kế hoạch tiến độ thi công, đưa ra các cảnh báo kịp thời;
- Chủ trì, phối hợp tốt với các bộ phận liên quan trong giai đoạn chuẩn bị triển khai thực hiện dự án: lập biện pháp, tiến độ thi công, lập kế hoạch cung ứng...;
- Từng bước chuyên môn hóa bộ phận kỹ thuật công ty để chủ động trong công tác thiết kế BVTC, lập biện pháp thi công, đáp ứng kịp thời tiến độ thi công của các dự án do công ty làm Tổng thầu.
- Kiểm soát chặt chẽ công tác yêu cầu, cung cấp và tiêu hao vật tư, vật liệu tại các dự án.
- Lập đề xuất kỹ thuật của công tác đấu thầu, chào giá;
- Cập nhật báo cáo định kỳ thường xuyên và chính xác để có những chỉ đạo kịp thời trong tác quản lý;
- Triển khai ứng dụng mô hình BIM vào quản lý khối lượng và lập bản vẽ thi công;
- Công tác an toàn, vệ sinh, môi trường được quan tâm, chú trọng. Tăng cường phổ biến và giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về an toàn, môi trường tại các dự án do Công

ty thi công. Trang bị thiết bị bảo hộ kịp thời đầy đủ, đảm bảo chất lượng. Người lao động thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn về an toàn lao động.

Phòng cơ điện:

- Giám sát & bảo quản, bảo dưỡng Tài sản nhằm phục vụ sản xuất một cách thông suốt, hiệu quả và an toàn tuyệt đối.
- Hướng dẫn bàn giao cách sử dụng, bảo dưỡng các Máy móc thiết bị chuyên dụng cho các đơn vị sử dụng một cách rõ ràng.
- Giám sát & thực hiện đầy đủ cách Kiểm tra & bảo dưỡng định kỳ các Thiết bị và các tiêu chuẩn Kiểm định nhà máy do khách hàng yêu cầu trong lĩnh vực mình phụ trách.
- Thực hiện các công việc khác do Ban Giám Đốc giao.

Phòng Hành chính Nhân sự: Là bộ phận giúp việc Ban Điều hành thực hiện các chức năng quản lý công tác hành chính và công tác nhân sự, bao gồm các lĩnh vực sau:

- Công tác tổ chức tuyển dụng, đào tạo và quản lý nhân sự;
- Công tác thi đua thi đua, khen thưởng, kỷ luật và chế độ của người lao động;
- Công tác hành chính văn phòng, quản trị mạng, website của Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu công việc hoặc do Ban lãnh đạo công ty giao.

Phòng Tài chính Kế toán: Là bộ phận chức năng quản lý các lĩnh vực sau:

- Công tác tài chính:
 - + Triển khai lập kế hoạch giải ngân hàng tháng để có kế hoạch tài chính phù hợp;
 - + Công tác thu vốn, thanh toán quyết toán được đặc biệt chú trọng, tập trung mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, thu hồi công nợ nhằm giảm áp lực vay vốn đối với Công ty đồng thời duy trì hoạt động SXKD liên tục;
 - + Cân đối vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công tác kế toán:
 - + Tổ chức hạch toán, ghi chép sổ sách kế toán theo đúng quy định hiện hành;
 - + Quản lý và lưu trữ hóa đơn, chứng từ, sổ sách theo đúng quy định;
 - + Thực hiện tính toán và thanh toán các khoản chi phí lương, phúc lợi hàng tháng cho người lao động theo đúng quy định của Công ty;
 - + Thực hiện công tác thanh toán nội bộ và thanh toán cho các nhà cung cấp kịp thời để đảm bảo hoạt động SXKD diễn ra bình thường;
 - + Lập và công bố các BCTC theo đúng chuẩn mực, đúng thời gian quy định;
 - + Thực hiện công tác kiểm toán theo đúng quy định. Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định về kế toán hiện hành của Nhà nước.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty, những công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần góp vốn chi phối

5.1 Công ty mẹ

Công ty cổ phần SCI

- + Ngày thành lập: 28/12/2007
- + Số Giấy CNĐKKD: 0101405355
- + Địa chỉ: Tầng 3, Tháp C, Tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường Từ Liêm, TP Hà Nội;
- + Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây lắp và cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng;
- + Vốn điều lệ thực góp: 1.040.889.920.000 đồng;
- + Tỷ lệ sở hữu tại SCI E&C: 51%.

5.2. Công ty con

Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc

- + Ngày thành lập: 13/05/2019
- + Số Giấy CNĐKKD: 6200102708
- + Địa chỉ: Bản Nà Cúng, Xã Khổng Lào, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam;
- + Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây lắp;
- + Vốn điều lệ thực góp: 2.000.000.000 đồng;
- + Tỷ lệ sở hữu của SCI E&C: 100%.

5.3. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

Công ty cổ phần SCI

- + Ngày thành lập: 28/12/2007
- + Số Giấy CNĐKKD: 0101405355
- + Địa chỉ: Tầng 3, Tháp C, Tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường Từ Liêm, TP Hà Nội;
- + Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây lắp và cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng;
- + Vốn điều lệ thực góp: 1.040.889.920.000 đồng;
- + Tỷ lệ sở hữu tại SCI E&C: 51%.

5.4. Công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần góp vốn chi phối

Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc

- + Ngày thành lập: 13/05/2019
- + Số Giấy CNĐKKD: 6200102708
- + Địa chỉ: Bản Nà Cúng, Xã Khổng Lào, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam;
- + Hoạt động kinh doanh chính: Thi công xây lắp;
- + Vốn điều lệ thực góp: 2.000.000.000 đồng;

+ Tỷ lệ sở hữu của SCI E&C: 100%.

5.5. Công ty liên doanh, liên kết

Không có

6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty

Từ khi chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần đến nay, Công ty cổ phần SCI E&C đã thực hiện 05 lần điều chỉnh tăng vốn điều lệ và không phát sinh trường hợp giảm vốn điều lệ. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng 2 dưới đây:

[Phần này được cố ý để trống]

Bảng 2. Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
Thành lập 31/05/2010	50.000.000	50.000.000	Vốn góp ban đầu	Sở KHĐT Hà Nội	Giấy CNĐKKD số 0500574676 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 31/05/2010	
20/07/2015	100.000.000	50.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 10%; - Chào bán cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 100:85; - Phát hành cho CBCNV theo chương trình ESOP: 250.000 cổ phiếu 	<ul style="list-style-type: none"> - ĐHĐCĐ - UBCKNN - Sở KHĐT Hà Nội 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 18/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 22/04/2015; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 4 ngày 16/09/2015 	Không có
22/08/2018	109.999.950	9.999.950	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 tỷ lệ 10%	<ul style="list-style-type: none"> - ĐHĐCĐ - UBCKNN - Sở KHĐT Hà Nội 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2018/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 09 ngày 10/09/2018. 	Không có
28/06/2019	120.999.680	10.999.730	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 tỷ lệ 10%	<ul style="list-style-type: none"> - ĐHĐCĐ - UBCKNN - Sở KHĐT Hà Nội 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2019/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019; 	Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C
BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp phép	Cơ sở pháp lý	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					- Giấy CNĐKKD số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 11 ngày 20/09/2019.	
28/12/2020	127.048.810	6.049.130	- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ 5%)	- ĐHĐCĐ - UBCKNN - Sở KHĐT Hà Nội	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2020/NQ-SCIEC-DHĐCĐ ngày 25/06/2020; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 301/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 11/12/2020; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2021.	Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam cho Báo cáo vốn chủ sở hữu kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến ngày 05/03/2021: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo vốn chủ sở hữu đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 05/03/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và tính bày báo cáo vốn chủ sở hữu.”
05/03/2021	254.098.470	127.049.660	- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 1:1) - Phát hành cho CBCNV theo chương trình ESOP: 545.798 cổ phiếu			
25/10/2024	304.914.090	50.815.620	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 tỷ lệ 20%	- ĐHĐCĐ - UBCKNN - Sở KHĐT Hà Nội	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-SCIEC-DHĐCĐ ngày 12/04/2024; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2025, thay đổi lần thứ 17 ngày 25/11/2024.	Không có

Nguồn: CTCP SCIE&C

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.

Trong hai năm liên tục liền trước năm 2025, Công ty không có bất cứ khoản góp vốn, thoái vốn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (gần nhất), tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành của Công ty là 30.491.409 cổ phiếu, 100% là cổ phiếu phổ thông.

Cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của Công ty ngày 25/02/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài	3.525	30.491.409	100%
1	Trong nước	3.443	30.279.958	99,31%
1.1	Nhà nước	0	0	0%
1.2	Tổ chức	6	15.608.024	51,19%
1.3	Cá nhân	3.437	14.671.934	48,12%
2	Nước ngoài	82	211.451	0,69%
2.1	Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	4	13.630	0,04%
2.2	Cá nhân	78	197.821	0,65%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác	3.525	30.491.409	100%
1	Cổ đông lớn	1	15.550.789	51,00%
2	Cổ đông khác	3.524	14.940.620	49,00%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	Tổng cộng	3.525	30.491.409	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP SCI E&C chốt tại ngày 25/02/2025 do VSDC cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi: Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: **0%** (Theo công văn số 1297/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 17/03/2022).

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: **Không quy định**

Theo Thông tin về số liệu sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại ngày 13/10/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam công bố, số lượng cổ phiếu SCI nắm giữ bởi cổ đông nước ngoài của Công ty là 163.265 cổ phiếu, chiếm 0,54% vốn điều lệ.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra đều đặn và liên tục quanh năm và không có tính thời vụ cố định.

10.1.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Công ty cổ phần SCI E&C hoạt động chính trong lĩnh vực thi công xây lắp các dự án về năng lượng với vai trò tổng thầu EPC với tỷ trọng sản lượng và doanh thu ước tính chiếm từ 70 – 80% tổng sản lượng và doanh thu toàn công ty. Lĩnh vực xây dựng công trình giao thông gồm công trình đường bộ, các công trình trên sông, biển chiếm tỷ trọng từ 5 – 10% và sản xuất một số sản phẩm cấu kiện bê tông, cơ khí chế tạo và kinh doanh vật liệu xây dựng chiếm phần còn lại trong cơ cấu sản lượng và doanh thu của công ty.

Theo lĩnh vực hoạt động, có thể chia hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thành 2 lĩnh vực chính như sau:

❖ Hoạt động xây lắp:

Các công trình thi công xây lắp của Công ty bao gồm:

Công trình thủy điện

- Nhà máy thủy điện nhà máy sau đập;
- Nhà máy thủy điện kiểu kênh dẫn.

Công trình nhiệt điện

- Thi công các hạng mục trong nhà máy nhiệt điện (Không bao gồm thi công gói thầu thiết bị).

Công trình điện gió, điện mặt trời

- Tổng thầu EPC;
- Trang trại điện mặt trời;
- Điện mặt trời áp mái;
- Điện mặt trời trên mặt nước;
- Điện gió.

Công trình trên sông, trên biển

- Kè sông, kè biển;
- Bến, cảng sông – cảng biển;

- Nạo vét sông, cửa sông, cảng;
- Đê chắn sóng, âu tàu.

Công trình giao thông đường bộ

- Công trình đường bộ;
- Công trình cầu đường bộ;
- Và các công trình trên tuyến.

❖ **Sản xuất sản phẩm:**

Một số sản phẩm chính do công ty sản xuất gồm:

Cấu kiện bê tông đúc sẵn

- Cọc bê tông dự ứng lực;
- Cừ ván bê tông dự ứng lực;
- Đúc khối Haro, Tetrapod và các sản phẩm khối Block khác.

Sản phẩm cơ khí chế tạo

- Đường ống áp lực và thiết bị cơ khí thủy công;
- Cầu thép Bailey;
- Nhà xưởng, nhà công nghiệp;
- Cột điện.

Kinh doanh vật liệu xây dựng

- Cung cấp các loại vật liệu xây dựng cấp dự ứng lực;
- Khai thác và cung cấp vật liệu đá, vật liệu địa phương cho các dự án.

10.1.2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận theo lĩnh vực

❖ **Cơ cấu doanh thu:**

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu hợp nhất của Công ty

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		09 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	1.480.235.833.532	99,43	1.007.950.534.867	98,92	690.099.979.587	97,95
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.473.071.479.451	98,95	972.332.915.864	95,42	664.091.884.922	94,26
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	7.164.354.081	0,48	35.617.619.003	3,50	26.008.094.665	3,69

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		09 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hoạt động tài chính	8.414.948.639	0,57	11.015.823.379	1,08	14.430.616.895	2,05
Tổng cộng	1.488.650.782.171	100	1.018.966.358.246	100	704.530.596.482	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý III 2025 của SCI E&C

Doanh thu hợp đồng xây dựng luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu hợp nhất của Công ty (khoảng 95% tổng doanh thu thuần và doanh thu hoạt động tài chính). Cụ thể, năm 2023, doanh thu hợp đồng xây dựng đạt 1.473 tỷ đồng, chiếm 98,95% tổng doanh thu hợp nhất. Năm 2024, mặc dù thị trường xây lắp gặp nhiều khó khăn, doanh thu mảng này vẫn ghi nhận 972 tỷ đồng, chiếm 95,42%. Trong 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu hợp đồng xây dựng đạt 664 tỷ đồng, tiếp tục chiếm 94,26% tổng doanh thu hợp nhất.

Bên cạnh đó, doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ duy trì tỷ trọng nhỏ nhưng có xu hướng gia tăng, từ 7,2 tỷ đồng năm 2023 (0,48%) lên 35,6 tỷ đồng năm 2024 (3,5%), và đạt 26 tỷ đồng (3,69%) trong 9 tháng năm 2025, chủ yếu đến từ cung cấp vật tư và dịch vụ cho đối tác, thầu phụ. Doanh thu hoạt động tài chính cũng ghi nhận sự ổn định, dao động từ 8,4 – 11 tỷ đồng, chiếm khoảng 0,57% – 2,05% tổng doanh thu, 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu hoạt động tài chính ghi nhận 14,43 (2,05%), chủ yếu đến từ lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ.

Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ cũng phản ánh xu hướng tương tự, khi doanh thu hợp đồng xây dựng giữ vai trò chủ đạo, trong khi doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ và doanh thu tài chính chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ.

Bảng 5. Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		09 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần	1.480.235.833.532	99,43	1.007.950.534.867	98,92	690.099.979.587	97,95
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.473.071.479.451	98,95	972.332.915.864	95,42	664.091.884.922	94,26

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		09 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	7.164.354.081	0,48	35.617.619.003	3,50	26.008.094.665	3,69
Doanh thu hoạt động tài chính	8.414.484.396	0,57	11.015.734.784	1,08	14.430.602.202	2,05
Tổng cộng	1.488.650.317.928	100	1.018.966.269.651	100	704.530.581.789	100

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, năm 2024 và BCTC riêng Quý III năm 2025 của SCI E&C

❖ Cơ cấu lợi nhuận

Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		09 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận gộp hợp đồng xây dựng	19.044.939.765	96,27	(4.259.225.658)	-	45.586.130.153	95,63
Lợi nhuận gộp bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	738.466.637	3,73	3.799.054.220	-	2.082.622.010	4,37
Tổng cộng	19.783.406.402	100	(460.171.438)	-	47.668.752.163	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, năm 2024 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của SCIE&C

Biên lợi nhuận gộp năm 2024 của Công ty giảm mạnh so với năm 2023 do ảnh hưởng của yếu tố bất lợi cả trong và ngoài nước. Thứ nhất, biến động tỷ giá ngoại tệ đã tác động đáng kể đến giá vốn. Các hợp đồng mua sắm thiết bị được ký kết với nhà cung cấp nước ngoài bằng đồng USD và EUR tại thời điểm tỷ giá thấp, tuy nhiên đến kỳ thanh toán, tỷ giá tăng mạnh khiến Công ty phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đáng kể. Thứ hai, tiến độ thanh toán từ phía chủ đầu tư bị chậm so với kế hoạch, làm gia tăng nhu cầu vốn lưu động và kéo theo chi phí lãi vay ngân hàng tăng thêm so với năm trước. Thứ ba, đối với các hợp đồng EPC mang tính trọn gói (lump-sum), các chi phí phát sinh do điều kiện địa chất bất lợi không được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán. Trong quá trình thi công, Công ty gặp phải nền địa chất yếu hơn so với khảo sát ban đầu, dẫn đến việc phải thực hiện khối lượng gia cố nền

lớn ngoài dự tính. Điều này không chỉ làm tăng chi phí thi công mà còn kéo dài tiến độ thực hiện dự án. Cuối cùng, tình hình căng thẳng tại khu vực Biển Đỏ trong năm 2024 khiến tuyến vận tải quốc tế bị gián đoạn. Các tàu vận chuyển thiết bị, nguyên vật liệu phải đổi hướng qua Mũi Hảo Vọng, làm kéo dài thời gian vận chuyển và làm tăng đáng kể chi phí nhiên liệu, bảo hiểm và logistics. Trong 09 tháng đầu năm, lợi nhuận gộp hợp đồng xây dựng ghi nhận 45,586 tỷ đồng, chiếm 95,63% trong cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty.

Bảng 7. Cơ cấu lợi nhuận Công ty mẹ

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		09 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lợi nhuận gộp hợp đồng xây dựng	15.581.507.629	95,48	(4.259.225.658)	-	45.586.130.153	95,63
Lợi nhuận gộp bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	738.466.637	4,52	3.799.054.220	-	2.082.622.010	4,37
Tổng cộng	16.319.974.266	100	(460.171.438)	-	47.668.752.163	100

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, năm 2024 và BCTC riêng Quý III năm 2025 của SCI E&C

10.2 Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định

Tình hình tài sản của Công ty như sau:

Bảng 8. Tình hình tài sản công ty hợp nhất tại 31/12/2023

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	478.859.098.230	76.731.366.196	16,02%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	2.739.794.343	24,42%
2	Máy móc, thiết bị	375.761.431.290	71.901.542.745	19,13%
3	Phương tiện vận tải	89.737.004.295	1.820.786.679	2,03%
4	TSCĐ khác	136.000.000	-	0,00%
5	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.003.533.718	269.242.429	13,44%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	90.414.862.271	30.265.584.727	33,47%
1	Máy móc, thiết bị	85.993.953.182	28.545.145.978	33,19%

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
2	Phương tiện vận tải	4.420.909.089	1.720.438.749	38,92%
II	Tài sản cố định vô hình	110.000.000	0	0,00%
1	Chương trình phần mềm	110.000.000	-	0,00%
	Tổng cộng	569.383.960.501	106.996.950.923	18,79%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán CTCP SCI E&C

Bảng 9. Tình hình tài sản công ty hợp nhất tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	554.542.520.201	68.450.302.980	12,34%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	2.459.266.119	21,92%
2	Máy móc, thiết bị	451.694.641.443	65.591.922.388	14,52%
3	Phương tiện vận tải	89.273.497.931	133.243.138	0,15%
4	TSCĐ khác	136.000.000	-	0,00%
5	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.217.251.900	265.871.335	11,99%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	31.439.369.895	20.042.663.819	63,75%
1	Máy móc, thiết bị	25.363.006.259	17.348.093.973	68,40%
2	Phương tiện vận tải	6.076.363.636	2.694.569.846	44,35%
II	Tài sản cố định vô hình	2.290.000.000	1.883.682.044	82,26%
1	Chương trình phần mềm	2.290.000.000	1.883.682.044	82,26%
	Tổng cộng	588.271.890.096	90.376.648.843	15,36%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán của SCI E&C

Bảng 10. Tình hình tài sản công ty hợp nhất tại thời điểm 30/09/2025

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	554.870.095.925	52.723.539.668	9,50%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	2.248.869.951	20,04%
2	Máy móc, thiết bị	447.558.816.591	48.041.009.377	10,73%
3	Phương tiện vận tải	93.526.231.840	2.108.008.662	2,25%
4	TSCĐ khác	305.000.000	155.189.142	50,88%
5	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.258.918.567	170.462.536	7,55%

II	Tài sản cố định thuê tài chính	25.197.390.805	13.523.966.911	53,67%
1	Máy móc, thiết bị	22.711.936.259	11.842.327.227	52,14%
2	Phương tiện vận tải	2.485.454.546	1.681.639.684	67,66%
II	Tài sản cố định vô hình	2.290.000.000	1.557.136.844	68,00%
1	Chương trình phần mềm	2.290.000.000	1.557.136.844	68,00%
	Tổng cộng	582.357.486.730	67.804.643.423	11,64%

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của SCI E&C

Bảng 11. Tình hình tài sản công ty mẹ tại 31/12/2023

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	478.630.189.139	76.731.366.196	16,03%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	2.739.794.343	24,42%
2	Máy móc, thiết bị	375.687.794.926	71.901.542.745	19,14%
3	Phương tiện vận tải	89.737.004.295	1.820.786.679	2,03%
4	TSCĐ khác	136.000.000	-	0,00%
5	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.848.260.991	269.242.429	14,57%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	90.414.862.271	30.265.584.727	33,47%
1	Máy móc, thiết bị	85.993.953.182	28.545.145.978	33,19%
2	Phương tiện vận tải	4.420.909.089	1.720.438.749	38,92%
II	Tài sản cố định vô hình	110.000.000	-	0,00%
1	Chương trình phần mềm	110.000.000	-	0,00%
	Tổng cộng	569.155.051.410	106.996.950.923	18,80%

Nguồn: BCTC riêng công ty mẹ năm 2023 đã kiểm toán CTCP SCI E&C

Bảng 12. Tình hình tài sản công ty mẹ tại 31/12/2024

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	554.313.611.110	68.450.302.980	12,35%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	2.459.266.119	21,92%
2	Máy móc, thiết bị	451.621.005.079	65.591.922.388	14,52%
3	Phương tiện vận tải	89.273.497.931	133.243.138	0,15%
4	TSCĐ khác	136.000.000	-	0,00%
5	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.061.979.173	265.871.335	12,89%

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
II	Tài sản cố định thuê tài chính	31.439.369.895	20.042.663.819	63,75%
1	Máy móc, thiết bị	25.363.006.259	17.348.093.973	68,40%
2	Phương tiện vận tải	6.076.363.636	2.694.569.846	44,35%
II	Tài sản cố định vô hình	2.290.000.000	1.883.682.044	82,26%
1	Chương trình phần mềm	2.290.000.000	1.883.682.044	82,26%
	Tổng cộng	588.042.981.005	90.376.648.843	15,37%

Nguồn: BCTC riêng công ty mẹ năm 2024 đã kiểm toán CTCP SCI E&C

Bảng 13. Tình hình tài sản công ty mẹ tại thời điểm 30/09/2025

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	554.641.186.834	52.723.539.668	9,51%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.221.128.927	2.248.869.951	20,04%
2	Máy móc, thiết bị	447.485.180.227	48.041.009.377	10,74%
3	Phương tiện vận tải	93.526.231.840	2.108.008.662	2,25%
4	TSCĐ khác	305.000.000	155.189.142	50,88%
5	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.103.645.840	170.462.536	8,10%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	25.197.390.805	13.523.966.911	53,67%
1	Máy móc, thiết bị	22.711.936.259	11.842.327.227	52,14%
2	Phương tiện vận tải	2.485.454.546	1.681.639.684	67,66%
II	Tài sản cố định vô hình	2.290.000.000	1.557.136.844	68,00%
1	Chương trình phần mềm	2.290.000.000	1.557.136.844	68,00%
	Tổng cộng	582.128.577.639	67.804.643.423	11,65%

Nguồn: BCTC riêng Quý III năm 2025 của SCI E&C

10.2.1. Danh sách thiết bị thi công của Công ty

Bảng 14. Danh sách xe máy thiết bị thi công công trình của Công ty

STT	Chủng loại thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng (Cái)	Xuất xứ
I	Máy xúc			
1	Xúc đào bánh xích	1,9 – 2,4 m ³	12	Nhật Bản
2	Xúc đào bánh xích	1,2 – 1,6 m ³	18	Nhật Bản, Thái Lan
3	Xúc đào bánh xích	0,1 – 1 m ³	6	Thái Lan, Hàn Quốc

STT	Chủng loại thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng (Cái)	Xuất xứ
4	Xúc đào bánh lốp	0,4 – 0,7 m ³	6	Trung Quốc, Hàn Quốc
5	Xúc đào bánh lốp	<0.4 m ³	1	Hàn Quốc
6	Xúc lật	1,7 m ³	14	Trung Quốc
II	Ô tô tự đổ			
1	Ô tô tự đổ Howo	16 – 20 m ³	62	Trung Quốc
III	Thiết bị đầm – làm đường			
1	Máy lu rung	26 – 32 tấn	9	Indonesia, Ấn Độ
2	Máy lu tĩnh	9 – 20 tấn	2	Nhật Bản
3	Máy san	90 – 110 CV	3	Nhật Bản, Trung Quốc
4	Máy ủi	170 – 200 CV	12	Nhật Bản, Trung Quốc, Mỹ
5	Máy nấu và tưới nhựa		3	Trung Quốc
IV	Dây chuyền thi công Bê tông			
1	Trạm nghiền đá	500 tấn/h	1	Trung Quốc
2	Trạm nghiền	250 tấn/h	1	Trung Quốc
3	Trạm nghiền	150 tấn/h	1	Trung Quốc
4	Trạm lạnh		1	Liên doanh TQ-VN
5	Dây chuyền RCC	360 m ³ /h	1	Liên doanh TQ-VN
6	Trạm trộn bê tông CVC	60 m ³ /h	2	Việt Nam
7	Trạm trộn bê tông CVC	90 m ³ /h	5	Liên doanh TQ-VN
8	Ô tô vận chuyển bê tông	10 m ³	25	Trung Quốc
9	Máy bơm bê tông tĩnh	25 tấn	8	Trung Quốc
10	Cần trục tháp	25 tấn	1	Trung Quốc
11	Cần trục tháp	50 tấn	1	Trung Quốc
12	Cần cẩu bánh xích	80 tấn	2	Nhật Bản, Trung Quốc
13	Cần cẩu bánh xích	50 tấn	3	Nhật Bản
14	Cần cẩu bánh lốp	25 - 50 tấn	4	Nhật Bản
15	Dây chuyền phun vữa	7 m ³ /h	7	Trung Quốc
16	Cổng trục	20 tấn	1	Việt Nam
V	Thiết bị khác			
1	Ô tô tự đổ	3,5 tấn	4	Việt Nam
2	Ô tô sơ-mi rơ-mooc	38 tấn	3	Trung Quốc, Việt Nam
3	Máy khoan tự hành	D760-105mm	10	Nhật Bản
4	Máy khoan robin		1	Trung Quốc

Nguyên: CTCP SCI E&C

10.3. Thị trường hoạt động

Hiện tại hoạt động thi công xây lắp của Công ty chủ yếu là các công trình tại Việt Nam và Lào. Với định hướng phát triển trong những năm tới, Công ty phấn đấu không ngừng đổi mới, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế để tiếp tục mở rộng thị trường ra các nước lân cận trong khu vực Đông Nam Á. Cơ cấu doanh thu hợp nhất của Công ty phân chia theo thị trường Việt Nam và ngoài Việt Nam trong 02 năm gần nhất như sau:

Bảng 15. Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường trong 02 năm gần nhất

Đơn vị: VNĐ

Thị trường	Năm 2023	Tỷ trọng	Năm 2024	Tỷ trọng
Trong nước	266.198.592.444	17,98%	166.918.808.031	16,56%
Nước ngoài	1.214.037.241.088	82,02%	841.031.726.836	83,44%
Tổng cộng	1.480.235.833.532	100%	1.007.950.534.867	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán của SCI E&C

Bảng 16. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh theo thị trường

Đơn vị: VNĐ

Thị trường	Năm 2023	Biên lợi nhuận trên Doanh thu theo Khu vực (%)	Năm 2024	Biên lợi nhuận trên Doanh thu theo Khu vực (%)
Trong nước	28.675.470.995	10,77	3.086.175.335	1,85
Nước ngoài	(25.948.141.213)	(2,14)	(59.991.706.249)	(7,13)
Tổng cộng	2.727.329.782	0,18	(56.905.530.914)	(5,65)

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán của SCI E&C

Doanh thu từ thị trường nước ngoài (tại Lào), chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu, tuy nhiên biên lợi nhuận lại thấp do chi phí giá vốn lớn với những nguyên nhân khách quan đã nêu ở phần trên (Tỷ giá ngoại tệ tăng cao; Chiến sự trên biển đỏ; Đặc thù hợp đồng EPC;...) dẫn đến Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm. Lợi nhuận của Công ty chủ yếu đến từ thị trường trong nước.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công công trình theo hình thức nhận thầu EPC (Hợp đồng thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình) từ các Chủ đầu tư/ Bên Giao thầu. Công ty không có các dự án đầu tư.

Tình hình thực hiện các hợp đồng thi công xây lắp chủ yếu của Công ty cổ phần SCI E&C tính đến thời điểm hiện tại như sau:

❖ **Công trình Thủy điện Nam Sam 3A:**

- Căn cứ thực hiện: Hợp đồng số 74/HD/EPC-NS3A/2024 ngày 08/05/2024
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV năng lượng Nam Sam 3A
- Nội dung hợp đồng: Thiết kế, mua sắm, thi công, lắp đặt, thử nghiệm, chạy thử và khắc phục sai sót thuộc Dự án Thủy điện Nam Sam 3A tại tỉnh Houaphanh, Lào.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 39,5 tháng
- Giá trị hợp đồng: 62.974.000 USD
- Tiến độ thi công hiện tại: Thực hiện đến 11,54% tổng tiến độ dự án
- Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu tiến độ công trình: 100%

❖ **Dự án Thủy điện Nậm Mỏ 2:**

- Căn cứ thực hiện: Hợp đồng số 89/HD/EPC-NM2/2023 ngày 21/04/2023
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH thủy điện Nam Mỏ 2
- Nội dung hợp đồng: Thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình – Dự án Nhà máy thủy điện Nam Mỏ 2 tại tỉnh Xiengkhoang, Lào.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 28 tháng kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng.
- Giá trị hợp đồng: 48.384.000 USD
- Tiến độ thi công hiện tại: Thực hiện đến 88,55% tổng tiến độ dự án
- Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu tiến độ công trình :100%

❖ **Công trình Thủy điện Nậm Mỏ 1:**

- Căn cứ thực hiện: Hợp đồng số 75/HD/EPC-NM1/2024 ngày 08/05/2024
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV tập đoàn Phongsubthavy
- Nội dung hợp đồng: Thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình – Dự án Nhà máy thủy điện Nam Mỏ 1
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 39,5 tháng
- Giá trị hợp đồng: 70.369.727 USD
- Tiến độ thi công hiện tại: Bước đầu huy động nhân lực, XMTB, giải phóng mặt bằng, xây dựng lán trại, đường phục vụ thi công dự án
- Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu tiến độ công trình: 50%

❖ **Dự án Thủy điện Trị An mở rộng:**

- Căn cứ thực hiện: Hợp đồng số 36.25.HĐ.TAE.XD.NM ngày 03/06/2025
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Điện 3 – Chi nhánh tập đoàn điện lực Việt Nam
- Nội dung hợp đồng: Thi công xây lắp công trình Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng thuộc dự án Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 31 tháng
- Giá trị hợp đồng: 186.818.191.857 VNĐ
- Tiến độ thi công hiện tại: Bước đầu huy động nhân lực, XMTB, giải phóng mặt bằng phục vụ thi công dự án
- Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu tiến độ công trình : 100%

❖ **Dự án nhà máy Thủy điện tích năng Bắc Ái:**

- Căn cứ thực hiện: Hợp đồng số 03.25.HĐ.BAP.XD.NM ngày 13/02/25
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Điện 3 – Chi nhánh tập đoàn điện lực Việt Nam
- Nội dung hợp đồng: Thi công xây lắp công trình Nhà máy thủy điện tích năng Bắc Ái Giai đoạn 2, đợt 1
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Theo tiến độ thực hiện dự án.
- Giá trị hợp đồng: 261.354.259.598 VNĐ
- Tiến độ thi công hiện tại: Chưa đến phần việc theo phân chia

❖ **Dự án nhà máy điện gió Hướng Phùng 1:**

- Căn cứ thực hiện: Hợp đồng số 707/HĐ-ASB2-SCI ngày 28/08/25
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2 – Chi nhánh tổng công ty phát điện 2 – Công ty cổ phần.
- Nội dung hợp đồng: Thiết kế, cung cấp, vận chuyển, bảo quản lưu kho bãi, lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh và chạy thử thiết bị cơ điện và dịch vụ kỹ thuật Nhà máy điện gió Hướng Phùng 1
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Theo tiến độ thực hiện dự án.
- Giá trị hợp đồng: 783.093.190.000 VNĐ
- Tiến độ thi công hiện tại: Bước đầu huy động nhân lực, XMTB thực hiện dự án
- Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu tiến độ công trình: 100%

[Phần này được cố ý bỏ trống]

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 17. Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc cổ đông lớn (nếu có)
1	Hợp đồng số 74/HD/EPC-NS3A/2024 ngày 08/05/2024	1.603	08/05/2024	39,5 tháng	Nhà máy thủy điện Nam Sam 3A	Công ty TNHH MTV năng lượng Nam Sam 3A	Không có
2	Hợp đồng số 89/HD/EPC-NM2/2023 ngày 21/04/2023	1.144	21/04/2023	28 tháng kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng	Nhà máy thủy điện Nam Mo 2	Công ty TNHH thủy điện Nam Mo 2	Không có
3	Hợp đồng số 75/HD/EPC-NM1/2024 ngày 08/05/2024	1.792	08/05/2024	39,5	Nhà máy thủy điện Nam Mo 1	Công ty TNHH MTV tập đoàn Phongsubthavy	Không có
4	Hợp đồng số 36.25.HD.TAE.XD.NM ngày 03/06/2025	187	03/06/2025	31	Thủy điện Trị An mở rộng	Ban Quản lý dự án Điện 3 – Chi nhánh tập đoàn điện lực Việt Nam	Không có

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (Tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Đối tác	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc cổ đông lớn (nếu có)
5	Hợp đồng số 707/HD-ASB2-SCI ngày 28/08/2025	261	28/08/2025	Theo tiến độ thực hiện dự án	Thủy điện tích năng Bắc Ái	Ban Quản lý dự án Điện 3 – Chi nhánh tập đoàn điện lực Việt Nam	Không có
6	Hợp đồng số 707/HD-SB2-SCI ngày 28/08/25	783	28/08/2025	Theo tiến độ thực hiện dự án	Nhà máy điện gió Hướng Phùng 1	Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2 – Chi nhánh tổng công ty phát điện 2 – Công ty cổ phần	Không có

Nguồn: CTCP SCI E&C

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 18. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty

Tên Khách hàng/ Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch trên doanh thu/ doanh số bán hàng dự kiến (Đơn vị: Tỷ đồng/Năm)	Sản phẩm dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc cổ đông lớn (nếu có)
Khách hàng			
Công ty cổ phần SCI	860,23	Thi công nhà máy thủy điện Nam Mo 2, Nam Sam 3A, Nam Sam 3	Là Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
BÁN CÁO BẠCH CHẢO BÁN THÊM CÓ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

SCI

Tên Khách hàng/ Nhà cung cấp	Gia trị giao dịch trên doanh thu/ doanh số bán hàng dự kiến (Đơn vị: Tỷ đồng/Năm)	Sản phẩm dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ với thành viên HDQT, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc cổ đông lớn (nếu có)
Nam Ngiep 1 Power Company Limited	10,64	Biện pháp khắc phục của Vai phải Đập chính Dự án Thủy điện Nậm Nghiệp 1	Không có
Công ty cổ phần điện gió Hướng Linh 4	11	Thi công nhà máy điện gió Hướng Linh 4	Không có
Công ty Dầu tư phát triển hạ tầng Viglacera - Chi nhánh Tổng công ty Viglacera	4,57	Thi công xây lắp các hạng mục thuộc KCN Phong Điền - tỉnh Thừa Thiên Huế	Không có
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư thương mại công nghiệp Việt Á	2,9	Thi công đường dây 220kv Nậm Sum - Nông Cống	Không có
Nhà cung cấp			
Petrovietnam Oil Lac Petroleum Domestic Trading Sole Co., Ltd	47,9	Cung cấp dầu	Không có
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	30,5	Thi công hầm	Không có
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cường Dũng	28,58	Gia công, lắp đặt đường ống áp lực	Không có
Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Hưng Hà	21,63	Thi công hầm	Không có
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Xanh	21,09	Cung cấp lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công	Không có

Nguồn: CTCP SCI E&C

10.7. Vị thế của Công ty

10.7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty cổ phần SCI E&C tiền thân là đơn vị thuộc CTCP Sông Đà 9, trực thuộc Tổng Công ty Sông Đà. Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã được tin tưởng giao trọng trách thi công nhiều công trình điện (gồm thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo, các công trình công nghiệp và dân dụng...) trên khắp mọi miền của Việt Nam và cả tại Lào. Các công trình lớn có thể kể đến như:

- **Công trình thủy điện:** Thủy điện Nậm Sam 3 (Chủ đầu tư: Tập đoàn Phongsavathavy, công suất 165 Mw, tổng mức đầu tư 400 triệu USD tại Lào), Thủy điện Lai Châu (Chủ đầu tư: Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công suất 1.200 Mw, tổng mức đầu tư 37.000 tỷ đồng), Thủy điện Nậm Lum 2 (Chủ đầu tư: CTCP SCI Lai Châu, công suất 18Mw, giá trị hợp đồng 630 tỷ đồng), Thủy điện Nam Theun 1 (Chủ đầu tư: Tập đoàn Phonensack Thái Lan, công suất 650Mw, giá trị hợp đồng 741,6 tỷ đồng), Thủy điện Nậm Lùm 1 (Chủ đầu tư: CTCP SCI Lai Châu, công suất 8 Mw, giá trị hợp đồng 300 tỷ đồng), Thủy điện Nậm Xe (Chủ đầu tư: CTCP SCI Lai Châu, công suất 20 Mw, giá trị hợp đồng 724 tỷ đồng), Thủy điện Ca Nan 1 (Chủ đầu tư: Công ty TNHH SCI Nghệ An, công suất 7 Mw, giá trị hợp đồng 220 tỷ đồng), Thủy điện Ca Nan 2 (Chủ đầu tư: Công ty TNHH SCI Nghệ An, công suất 16Mw, giá trị hợp đồng 475 tỷ đồng),
- **Công trình nhiệt điện:** Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1 (Chủ đầu tư: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công suất 1.200 Mw, tổng mức đầu tư là 1,2 tỷ USD, giá trị hợp đồng 1.300 tỷ đồng), Nhiệt điện Vũng Áng (Chủ đầu tư: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công suất 1.200 Mw, tổng mức đầu tư là 1,25 tỷ USD)
- **Dự án điện gió:** Nhà máy điện gió Hướng Phùng 2, Hướng Phùng 3 (Chủ đầu tư: CTCP Năng lượng GELEX Quảng Trị, công suất tương ứng 20 – 30 Mw, tổng mức đầu tư lần lượt 876 tỷ đồng và 1.320 tỷ đồng), Nhà máy điện gió Gelex 1, Gelex 2, Gelex 3 (Chủ đầu tư: CTCP Năng lượng GELEX Quảng Trị, công suất 30 Mw/ nhà máy, tổng mức vốn đầu tư là trên 1.300 tỷ/ nhà máy).
- **Dự án điện mặt trời:** Dự án trang trại điện mặt trời GELEX – Ninh Thuận (Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận, tổng mức vốn đầu tư là 1.334 tỷ đồng)
- **Công trình trên biển, trên sông:** Nạo vét, kè bảo vệ Sông Hồng (Chủ đầu tư: Ban quản lý các dự án đường thủy nội địa phía Bắc – Bộ Giao thông, tổng mức đầu tư 200 triệu USD), Xây dựng kè chắn sóng Lạch Giang (Chủ đầu tư: Ban quản lý các dự án đường thủy nội địa phía Bắc – Bộ Giao thông, tổng mức đầu tư 200 triệu USD)
- **Công trình giao thông:** Nâng cấp mạng lưới đường Giao thông Bắc Lào (Chủ đầu tư: Bộ Giao thông công chính Lào, tổng mức vốn đầu tư 8.219.134 USD), Thi công quốc lộ 1A đoạn qua địa

bàn tỉnh Phú Yên (Chủ đầu tư: BQL dự án Thăng Long – Bộ Giao thông vận tải, tổng mức vốn đầu tư 65 tỷ đồng)

- **Hạ tầng công nghiệp:** Khai thác mỏ núi Pháo (Chủ đầu tư: Công ty TNHH khai thác mỏ núi Pháo, giá trị hợp đồng 140 tỷ đồng), Nhà máy xi măng Hạ Long (chủ đầu tư: Nhà máy xi măng Hạ Long, công suất 2,1 tấn/năm, tổng mức đầu tư 6.486 tỷ đồng), Dự án đầu tư kho dịch vụ logistics Việt Liên Phú Mỹ (Chủ đầu tư: CTCP Kho vận Miền Nam, giá trị hợp đồng 90 tỷ đồng).

Với thế mạnh về trang thiết bị, máy móc thi công đa dạng, cán bộ chuyên môn, lao động kỹ thuật trình độ cao, có thể thấy Công ty có năng lực thi công nhiều loại hình công trình xây dựng, có công suất khác nhau của các Chủ đầu tư lớn trong và ngoài nước. Những công trình do SCI E&C thi công đều đạt tiến độ, chất lượng, an toàn, được các Chủ đầu tư, tổng thầu chính đánh giá rất cao.

10.7.2. Triển vọng phát triển ngành

Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chính vì vậy, việc đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng và năng lượng là điều tất yếu.

Ngành điện Việt Nam là một trong những ngành then chốt, hấp dẫn nhà đầu tư do tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu sử dụng điện năng tại Việt Nam ngày một tăng cao và được kỳ vọng tiếp tục phát triển trong tương lai. Tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa ở mức cao khiến hoạt động sản xuất điện hiện tại phải nỗ lực và liên tục phát triển để đáp ứng hoàn toàn nhu cầu cho sinh hoạt và sản xuất.

Theo Quy hoạch Điện VIII của Bộ Công thương trình Chính phủ, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cơ cấu công suất có sự thay đổi dần theo hướng giảm dần tỷ trọng nhiệt điện than, tăng dần tỷ trọng nguồn nhiệt điện khí và năng lượng tái tạo. Tỷ trọng thủy điện cũng sẽ giảm dần vì các dự án thủy điện lớn ở nước ta cơ bản đã khai thác và đưa vào vận hành. Khả năng khai thác các công trình thủy điện còn lại hầu hết là những dự án có công suất nhỏ và đang trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng, hoặc đang xây dựng. Nhiệt điện khí tiếp tục cạnh tranh mạnh với năng lượng tái tạo trong thời gian tới. Theo Quy hoạch Điện VIII, cơ cấu công suất có sự thay đổi theo hướng tăng dần tỷ trọng nguồn nhiệt điện khí và năng lượng tái tạo. Điện năng sản xuất từ nguồn nhiệt điện khí sẽ chiếm tỷ trọng 21,1 - 22,4% vào năm 2030 và tăng lên 23,5 - 26,9% vào năm 2045. Năng lượng tái tạo sẽ là xu hướng, đóng vai trò quan trọng trong quy hoạch điện VIII, với 24,3 - 25,7% công suất năm 2030 và 40,1 - 41,7% năm 2045 khi các nguồn khác còn ít tiềm năng khai thác.

Với nhu cầu và định hướng phát triển ngành điện nêu trên, dự kiến sau khi Quy hoạch Điện 8 được phê duyệt, nhu cầu về phát triển mạng lưới truyền tải điện hoặc phát triển các dự án điện mới, nhất là năng lượng tái tạo sẽ rất lớn. Đây là cơ hội để công ty tiếp tục mở rộng thị trường hoạt động, tiếp tục nâng cao năng lực và đấu thầu để thực hiện các dự án thi công về năng lượng trong tương lai.

Bên cạnh đó, quy hoạch phát triển các công trình giao thông, hạ tầng tại Việt Nam từ 2010 - 2020 và định hướng tới 2030 mà Chính phủ Việt Nam đưa ra, tổng mức đầu tư xây dựng giao thông đường bộ tại Việt Nam sẽ là 1.687.317 tỷ đồng, trung bình mỗi năm vốn đầu tư xây dựng giao thông đường bộ sẽ là 168.731 tỷ đồng. Ngành xây dựng đường bộ được dự báo có tốc độ tăng trưởng 11% kể từ 2015 - 2023, tốc độ tăng trưởng này được dự báo dựa trên vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Chính phủ Việt Nam, và quy hoạch phát triển giao thông đường bộ tại Việt Nam. Đây cũng là cơ hội cho các doanh nghiệp xây lắp như SCI E&C phát triển thêm trong lĩnh vực này, do hiện tại lĩnh vực xây dựng công trình giao thông mới chỉ chiếm 5 – 10% trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

10.7.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của tổ chức phát hành so với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của Thế giới

Mức tiêu thụ điện tại Việt Nam tăng bình quân khoảng 10% mỗi năm, nhanh hơn đáng kể so với GDP cả nước, nhằm đáp ứng nhu cầu điện và đầu tư khổng lồ. Tuy nhiên, sản lượng nhiên liệu hóa thạch trong nước không đủ để đáp ứng nhu cầu cũng như biến đổi khí hậu và sự phụ thuộc của Việt Nam vào năng lượng nhập khẩu để vận hành hệ thống điện chính là động lực thúc đẩy chính phủ chuyển hướng phát triển năng lượng tái tạo.

Trong những năm gần đây, các dự án năng lượng tái tạo ở Việt Nam đã thu hút được nhiều vốn đầu tư FDI và đầu tư tư nhân. Hàng tỷ USD được rót vào các dự án điện mặt trời và điện gió cho thấy Việt Nam có tiềm năng to lớn về năng lượng tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời và điện gió. Quang điện mặt trời của Việt Nam gần đây đã có sự phát triển mạnh mẽ và đây chỉ là bước đầu của quá trình chuyển đổi năng lượng của đất nước khỏi nhiên liệu than đá. Công suất điện mặt trời của cả nước đã tăng nhanh, từ 86 MW năm 2018 lên mức dự kiến khoảng 14.450 MW vào năm 2025. Điện mặt trời áp mái cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng công suất điện mặt trời tại Việt Nam. Do đó, Việt Nam đã vượt qua Thái Lan để trở thành quốc gia ASEAN có công suất lắp điện mặt trời lớn nhất. Lĩnh vực điện gió cũng đang dần khẳng định vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp năng lượng tại Việt Nam. Với 8,6% diện tích đất và nước phù hợp cho các trang trại điện gió lớn, Việt Nam mang lại tiềm năng và những cơ hội đầu tư khổng lồ. Tính đến tháng 5/2025, có khoảng 150 dự án điện gió trên bờ đã ký hợp đồng mua bán điện với EVN, với tổng công suất khoảng 8.000 MW. Theo các chuyên gia quốc tế, nếu tiếp tục mở rộng ngành năng lượng tái tạo, thì Việt Nam sẽ nhanh chóng đạt vị trí cao hơn trên thị trường, thậm chí có thể vượt qua các quốc gia như Úc hay Ý về các giải pháp đổi mới và phát triển năng lượng tái tạo.

Với định hướng như vậy, Công ty cũng thực hiện đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng trong lĩnh vực thi công các công trình năng lượng, đáp ứng được nhu cầu phát triển và ứng dụng được sự thay đổi của công nghệ trong lĩnh vực hoạt động. Như vậy có thể nói, định

hướng SCI E&C đưa ra là phù hợp với năng lực nội tại của Công ty, định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

10.8. Hoạt động marketing

Thương hiệu, uy tín chính là tài sản của Công ty, trong mọi hoạt động của mình, Công ty luôn nỗ lực xây dựng hình ảnh thương hiệu tương xứng với tầm vóc và quy mô phát triển trong từng giai đoạn với định vị thương hiệu SCI E&C.

Hiện nay, bộ nhận diện thương hiệu của SCI E&C được xây dựng và đồng bộ cùng với bộ nhận diện SCIGROUP của toàn bộ các Công ty trong cùng hệ thống. Với mục tiêu trở thành nhà thầu xây dựng có thương hiệu và uy tín cao trong lĩnh vực xây dựng thủy điện, hạ tầng giao thông thủy bộ, hạ tầng công nghiệp, bên cạnh việc nâng cao năng lực thi công, xây lắp, Công ty cũng thực hiện quảng bá hình ảnh công ty qua các kênh và các hoạt động như sau:

- Thành lập Ban truyền thông, đưa Fanpage Công ty vào hoạt động, nhằm mục đích tổ chức triển khai công tác truyền thông nội bộ, truyền thông đối ngoại, quảng bá thương hiệu cho SCI E&C nói riêng và toàn hệ thống SCIGROUP nói chung.
- Thực hiện đẩy mạnh công tác truyền thông, nghiên cứu xây dựng chiến lược truyền thông hiệu quả để tiếp cận với các đối tượng mục tiêu của Công ty.

Về hoạt động tiếp thị và đấu thầu, Công ty thiết lập kế hoạch đẩy mạnh như sau:

- Lập danh mục khách hàng/dự án tiềm năng trong khoảng 3 năm, đưa ra phương án tiếp cận khách hàng để tham gia các dự án khách hàng đầu tư;
- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm các dự án, tập trung mở rộng thị trường đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025 và các năm tiếp theo;
- Nâng cao năng lực đấu thầu, chuẩn bị hồ sơ năng lực, tài liệu của Công ty đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của dự án và Chủ đầu tư, xu hướng thị trường;
- Tiếp tục hoàn thiện năng lực pháp lý của Công ty cũng như có sẵn các đối tác Liên danh đủ điều kiện tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn về Thủy điện, Nhiệt điện, các dự án trên sông trên biển khác và hạ tầng kỹ thuật;
- Triển khai chiến lược công tác Marketing, truyền thông nhằm nhấn mạnh, tạo ấn tượng thương hiệu của Công ty để truyền bá rộng rãi, gây sự chú ý của các khách hàng trong lĩnh vực mà mình tham gia.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu

Hiện tại, Công ty sử dụng một logo chính thức và duy nhất dưới đây. Logo công ty đã được đăng ký bản quyền nhãn hiệu từ ngày 31/01/2018.



Website của Công ty: <http://scigroup.vn/>

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công công trình xây dựng nên không có chính sách nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Thay vào đó, Công ty luôn đặt mục tiêu phấn đấu “Chất lượng cho từng sản phẩm” bằng cách không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Công ty cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015, OHSAS 18001:2007 và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng. Đồng thời, công ty xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình. Công ty đã được cấp chứng nhận về Chất lượng hệ thống quản lý.

Để đảm bảo các công trình thi công xây dựng đạt chất lượng, tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo các công trình thi công không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng dẫn đến chết người. Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo ISO nhằm mục tiêu kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng quy định, quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Cơ cấu Ban chỉ đạo ISO bao gồm:

- Trưởng ban: 01 người là Phó giám đốc công ty
- Phó trưởng ban: 02 người là Trợ lý giám đốc và Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự
- Thư ký: 01 người là phòng Hành chính – Nhân sự
- Ủy viên: 05 người là các trưởng phó phòng của các phòng ban: Máy móc thiết bị, Cung ứng, Kinh tế kế hoạch, Kế hoạch Kỹ thuật, Tài chính kế toán.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Trong suốt quá trình phát triển của mình, “Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty Cổ phần SCI E&C, uy tín, danh dự để Công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Cụ thể như sau:

- Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình;

- Cung cấp các công trình xây dựng đảm bảo đạt “An toàn – Chất lượng – Tiến độ” và không ngừng cải tiến để đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng;
- Nâng cao sự hài lòng của khách hàng bằng việc liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và chất lượng sản phẩm theo nhu cầu ngày càng cao của khách hàng;
- Tạo niềm tin và uy tín đối với khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng tốt, ổn định đáp ứng, thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng cũng như các yêu cầu của Luật pháp;

Giữ vững phương châm “Chất lượng và đảm bảo tiến độ là thương hiệu” để đạt được điều đó Công ty đã không ngừng đầu tư công nghệ, đào tạo nâng cao trình độ nhân lực. Công ty luôn đưa ra những quyết sách phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ để giữ vững vị thế là một trong những công ty hàng đầu về lĩnh vực thi công các công trình thủy lợi, thủy điện. Cụ thể như sau:

- Tập trung thi công các công trình đã ký kết, đảm bảo đúng tiến độ, đúng chất lượng kỹ thuật.
- Nhanh chóng nghiệm thu các công trình đã hoàn thành, thúc đẩy quá trình thu hồi vốn để tái sản xuất.
- Nghiên cứu công nghệ mới, phục vụ cho quá trình thi công.
- Nâng cao hơn nữa hoạt động Marketing trong thời gian tới, tham gia đấu thầu các công trình, các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án về năng lượng.

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Không có.

11. Chính sách đối với người lao động

Công ty luôn thực hiện tốt các qui định, pháp luật lao động, chính sách bảo xã hội, bảo hiểm y tế đối với CBCNV.

11.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Số lượng lao động của công ty tính đến thời điểm 30/09/2025 là 546 người. Cơ cấu lao động của công ty phân theo các chỉ tiêu trong 02 năm gần nhất như sau:

Bảng 19. Cơ cấu lao động của Công ty

STT	Tính chất phân loại	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/09/2025	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo giới tính	686	100	618	100	546	100
1	Nam	620	90,3	555	89,8	500	91,6
2	Nữ	66	9,7	63	10,2	46	8,4

STT	Tính chất phân loại	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/09/2025	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
II	Theo trình độ	686	100	618	100	546	100
1	Số lao động có trình độ Đại học và trên Đại học	130	18,9	99	16	113	20,7
2	Số lao động có trình độ Cao đẳng	30	4,4	26	4,2	19	3,5
3	Số lao động có trình độ trung cấp, trung cấp nghề	261	38	261	42,2	219	40,1
4	Số lao động phổ thông	265	38,7	232	37,6	195	35,7
III	Theo Hợp đồng lao động	686	100	618	100	546	100
1	Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	165	24	153	24,8	140	25,6
2	Lao động hợp đồng có xác định thời hạn	521	76	465	75,2	406	74,4

Nguồn: CTCP SCI E&C

Số lượng người lao động là lao động trực tiếp tại thời điểm 30/09/2025 của Công ty như sau:

Bảng 20. Số lượng lao động trực tiếp của Công ty

TT	Nghề nghiệp	Số lượng (người)
	Tổng cộng	326
1	Vận hành bơm bê tông tĩnh	1
2	Vận hành bơm cần	1
3	Lái xúc xích	18
4	Lái xúc lật	8
5	Lái xúc lớp	3
6	Lái cầu xích	4

TT	Nghề nghiệp	Số lượng (người)
7	Lái cầu lốp	1
8	Vận hành cần trục tháp	2
9	Lái khoan	6
10	Lái ủi	8
11	Lái san	1
12	Lái đầm	5
13	Trưởng nhóm xe	1
14	Lái xe tải	44
15	Lái xe mix	9
16	Lái cầu tự hành	3
17	Lái xe mìn	1
18	Lái xe tải thùng	1
19	Vận hành trạm trộn bê tông	5
20	Vận hành trạm nghiền	6
21	Công nhân trạm nghiền	12
22	Trưởng nhóm vận hành trạm nghiền	1
23	Trưởng nhóm vận hành trạm lạnh	1
24	Công nhân khoan phun	21
25	Thợ mìn	8
26	Trưởng nhóm cơ khí	1
27	Thợ cơ khí	40
28	Công nhân xây lắp	73
29	Trưởng nhóm công nhân xây lắp	1
30	Lao động phổ thông	40

Nguồn: CTCP SCI E&C

11.2. Chính sách với người lao động

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Theo quy định của pháp luật về lao động (8 h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h). Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh, các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật Lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng, được nghỉ phép 12 ngày hoặc 14 ngày đối với CBCNV làm việc trong điều kiện nặng nhọc,

độc hại và thời gian làm việc không đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Nhân viên được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật Lao động và chế độ lương 1 ngày lễ vào ngày thành lập Công ty.

Nghỉ ốm, thai sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Công ty cũng trang bị đầy đủ dụng cụ và đồ bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc trong môi trường có yêu cầu về an toàn lao động. Riêng đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ và đúng quy định pháp luật các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm mức độ an toàn cao nhất cho người lao động

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; kịp thời thăm hỏi, động viên người lao động khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Công ty cũng thực hiện chế độ tiền lương, thưởng minh bạch và trả lương đúng hạn. Iliên tại, công tác trả lương, trả thưởng cho người lao động của Công ty được dựa trên đánh giá kết quả hoàn thành công việc thông qua định mức lao động, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty. Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty sẽ thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, tết; thưởng năng suất thưởng định mức. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Chính sách tuyển dụng:

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đề xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau

Chính sách đào tạo:

Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn gắn liền với chiến lược phát triển, mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và luôn được Ban Lãnh đạo quan tâm, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV đạt trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc, tại Công ty, tất cả CBCNV đều có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc, theo kế hoạch đào tạo, phát triển hàng năm; Công ty khuyến khích CBCNV chủ động đề xuất tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn trong công việc và được Công ty hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí.

Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, chính sách cho người lao động:

Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như: đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách và đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV. Công ty đã xây dựng quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống. Công ty thực hiện thu và nộp đủ, quyết toán chế độ bảo hiểm đúng thời hạn.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (Chương trình ESOP)

Căn cứ theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đánh giá sự đóng góp của người lao động trong công ty đối với kết quả này, HĐQT Công ty sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động để đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục đích của chương trình ESOP là:

- Ghi nhận nỗ lực và kết quả làm việc của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý, nhân viên chủ chốt có đóng góp cho sự phát triển của Công ty.
- Tạo động lực để Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý, nhân viên chủ chốt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Thu hút và giữ chân nhân tài tâm huyết, giàu năng lực và kinh nghiệm.

Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP, đối tượng, tiêu chuẩn tham gia theo quyết định của ĐHĐCĐ và/hoặc HĐQT Công ty (nếu được ĐHĐCĐ ủy quyền). Người lao động tham gia chương trình ESOP sẽ được các quyền lợi: (1) Được quyền mua cổ phiếu chào bán tương ứng với thành tích đạt được, (2) Được hưởng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông theo quy định. Cổ phiếu phát hành

ESOP tuân theo quy định về việc hạn chế chuyển nhượng theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 02 lần, cụ thể:

Bảng 21. Tình hình phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty

STT	Thời điểm phát hành	Phương án phát hành
1	20/07/2015	Phát hành cho CBCNV theo chương trình ESOP: 250.000 cổ phiếu
2	05/03/2021	Phát hành cho CBCNV theo chương trình ESOP: 545.798 cổ phiếu

Nguồn: CTCP SCI E&C

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ Công ty, ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần SCI E&C quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại. Tình hình chi trả cổ tức của Công ty được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 22. Tình hình chi trả cổ tức của Công ty

STT	Năm	Tỷ lệ	Hình thức	Thời gian thanh toán
1	2020	70%	Bằng tiền	31/05/2021
2	2023	20%	Cổ phiếu	25/10/2024

Nguồn: CTCP SCI E&C

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất (Trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán)

Trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán, Công ty chỉ thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2024, không có đợt chào bán chứng khoán để huy động vốn nào khác.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngày 08/10/2025, Công ty Cổ phần SCI E&C nhận được các Quyết định số 921/QĐ-CTH-KĐT, Quyết định số 922/QĐ-CTH-KĐT, Quyết định số 923/QĐ-CTH-KĐT, Quyết định số 924/QĐ-CTH-KĐT ngày 19/09/2025 của Cục Thuế Thành phố Cần Thơ về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho

bạc nhà nước, tổ chức tín dụng. Số tiền bị cưỡng chế là 2.871.935.889 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng*).

Ngày 26/09/2025, Công ty nhận được Quyết định số 18686/QĐ-HAN-KTr4-XPHC ngày 26/09/2025 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, theo đó Công ty đã có các hành vi vi phạm cụ thể như sau: (1) Hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp; (2) Hành vi kê khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp; (3) Hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế; (4) Hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế. Tổng số tiền truy thu, tiền phạt, tiền chậm nộp là 1.873.925.104 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm linh bốn đồng*).

Các quyết định xử phạt hành chính nêu trên đều được Công ty Cổ phần SCI E&C thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật và nội dung vi phạm đã được khắc phục. Tới thời điểm phê duyệt lập Bản cáo bạch này, Công ty Cổ phần SCI E&C đã khắc phục hoàn toàn các vi phạm nêu trên và không tồn tại bất kỳ vi phạm nào khác.

16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty Cổ phần SCI E&C cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất

Bảng 23. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	09 tháng đầu năm 2025
Tổng tài sản	1.697.278.086.231	1.606.167.251.768	(5,37%)	1.450.717.018.556
Doanh thu thuần	1.480.235.833.532	1.007.950.534.867	(31,91%)	690.099.979.587

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	09 tháng đầu năm 2025
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(12.629.473.482)	(79.316.768.680)	-	(4.000.581.956)
Lợi nhuận khác	38.915.315.637	86.819.501.917	123,10%	(81.785.656)
Lợi nhuận trước thuế	26.285.842.155	7.502.733.237	(71,46%)	(4.082.367.612)
Lợi nhuận sau thuế	21.124.914.806	23.311.352	(99,89%)	(4.082.367.612)
Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân	4,33%	0,005%	(99,89%)	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	240,57% (*)	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	20%	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý III năm 2025 của SCI E&C

() Nguồn vốn phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần SCI E&C, đã bao gồm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế từ các năm trước và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 (tại thời điểm 31/12/2023).*

Quy mô tổng tài sản hợp nhất của Công ty năm 2024 đạt 1.606 tỷ đồng, giảm nhẹ 5,37% so với năm 2023 (1.697 tỷ đồng) và tiếp tục ghi nhận giảm xuống còn 1.450 tỷ đồng tại 9 tháng đầu năm 2025. Doanh thu thuần năm 2024 đạt 1.008 tỷ đồng, thấp hơn 31,91% so với năm 2023 do trong năm 2024, công ty bắt đầu triển khai thi công các công trình mới, kết thúc các công trình cũ nên Doanh thu và giá vốn đều giảm. Kết quả kinh doanh chịu tác động từ chi phí đầu vào tăng và tiến độ triển khai dự án chậm, khiến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2024 lỗ 79,3 tỷ đồng (so với mức lỗ của năm 2023 là 12,6 tỷ đồng). Cũng trong năm 2024, Công ty ghi nhận khoản thu nhập khác từ hoàn nhập chi phí bảo hành công trình do hết thời hạn bảo hành theo quy định.

Trong 09 tháng đầu năm 2025, Công ty ghi nhận doanh thu hợp nhất 690 tỷ đồng. Mặc dù lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh vẫn ghi nhận âm 4 tỷ đồng, nhưng thể hiện được mức tăng trưởng đáng kể so với thực hiện năm 2024. Dự kiến trong 03 tháng cuối năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục ghi nhận doanh thu và lợi nhuận từ các dự án đang triển khai và hoàn thành kế hoạch doanh thu, lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	09 tháng đầu năm 2025
Tổng tài sản	1.695.300.810.661	1.607.237.431.588	(5,19%)	1.451.795.003.942
Doanh thu thuần	1.480.235.833.532	1.007.950.534.867	(31,91%)	690.099.979.587
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(16.500.242.659)	(78.838.188.767)	377,80%	(3.974.572.390)
Lợi nhuận khác	38.925.815.637	86.819.566.923	123,04%	(81.740.009)
Lợi nhuận trước thuế	22.425.572.978	7.981.378.156	(64,41%)	(4.056.312.399)
Lợi nhuận sau thuế	18.240.480.396	501.956.271	(97,25%)	(4.056.312.399)
Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân	3,76%	0,10%	(97,30%)	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	278,61% (*)	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	20%	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý III năm 2025 của SCI E&C

(*) Nguồn vốn phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần SCI E&C, đã bao gồm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế từ các năm trước và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 (tại thời điểm 31/12/2023).

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

- Giai đoạn 2023 – 2025, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần SCI E&C chịu tác động bất lợi từ nhiều yếu tố vĩ mô và đặc thù ngành. Năm 2023, dù nền kinh tế bước vào giai đoạn phục hồi, Công ty vẫn đối mặt với giá nguyên vật liệu duy trì ở mức cao, lãi suất tín dụng hạ nhưng khả năng tiếp cận vốn hạn chế, cùng với vướng mắc pháp lý và chậm giải phóng mặt bằng khiến tiến độ dự án bị kéo dài, cơ hội trúng thầu mới giảm sút.
- Sang năm 2024, thị trường xây lắp điện – năng lượng tái tạo rơi vào trạng thái trầm lắng do cơ chế giá và hợp đồng mua bán điện (PPA) chậm ban hành, làm khối lượng công việc mới hạn chế; trong khi đó, dòng vốn tín dụng và đầu tư công chưa lưu thông hiệu quả khiến tiến độ thanh toán

từ chủ đầu tư bị chậm, gây áp lực dòng tiền. Kết quả kinh doanh năm 2024 chịu tác động bởi các nguyên nhân chính sau đây:

(1) Chi phí tài chính tăng mạnh:

- Biến động tỷ giá ngoại tệ: Các hợp đồng EPC do liên danh SCI ký với Chủ đầu tư (CĐT) được thanh toán bằng USD, trong khi hợp đồng ký của SCI E&C với Công ty cổ phần SCI (đứng đầu liên danh) lại bằng VND. Bên cạnh đó, các hợp đồng SCI E&C mua sắm thiết bị từ nước ngoài, khi tỷ giá biến động tăng mạnh từ thời điểm ký hợp đồng đến khi thiết bị về dẫn đến chi phí thiết bị tăng cao so với dự toán ban đầu.
- Tiến độ thanh toán của Chủ đầu tư chậm dẫn đến việc Công ty phải chịu chi phí lãi vay trên phần vốn đã bỏ ra để thực hiện thi công dự án.

(2) Do đặc thù của hợp đồng EPC trọn gói:

- Do đặc thù của hợp đồng EPC trọn gói nên các chi phí phát sinh trong quá trình thi công công trình do điều kiện địa chất bất lợi không được Chủ đầu tư thanh toán. Cũng trong năm 2024, bão Yagi gây hư hỏng một số hạng mục thi công của các công trình dẫn đến tăng chi phí khắc phục và kéo dài tiến độ dự án.
- Ngoài các yếu tố biến động chung, thực tế triển khai các dự án tại Lào cũng phát sinh thêm nhiều chi phí như: chi phí nhân công, nhiên liệu, vận chuyển và vật tư nhập khẩu từ Việt Nam sang Lào.

(3) Tiến độ thi công dự án bị kéo dài hơn dự kiến dẫn đến phát sinh thêm chi phí

- Các thiết bị cơ - điện chủ yếu nhập từ Châu Âu nên tình hình căng thẳng tại Biển Đỏ đã làm tăng chi phí vận tải biển do tàu phải chuyển hướng qua Mũi Hảo Vọng, kéo dài thời gian vận chuyển và tăng chi phí nhiên liệu, bảo hiểm, đồng thời cũng dẫn đến chậm trễ về tiến độ. SCI E&C cũng đã có văn bản gửi Chủ đầu tư đề nghị không áp dụng phạt chậm tiến độ, chia sẻ một phần chi phí với Công ty.
- Hạng mục đường dây đầu nối từ Việt Nam đến cửa khẩu Lào thuộc trách nhiệm của EVN bị chậm tiến độ, do đó khi SCI E&C hoàn tất lắp đặt thiết bị không thể thử nghiệm – nghiệm thu dẫn đến không thể bàn giao cho Chủ đầu tư. Việc này kéo dài tiến độ, phát sinh thêm chi phí quản lý, lưu trú chuyên gia nước ngoài.
- Đến năm 2025, Công ty tiếp tục đối diện rủi ro từ biến động giá nguyên vật liệu và chi phí nhập khẩu tăng do áp lực tỷ giá, trong khi nhiều dự án năng lượng tái tạo vẫn trì hoãn chờ cơ chế chính sách mới, làm thiếu hụt nguồn việc cho mảng xây lắp. Những thách thức này đòi hỏi Công ty phải tập trung tái cơ cấu thị trường, tăng cường quản trị chi phí và tìm kiếm cơ hội trong các lĩnh vực, dự án có tính ổn định hơn để duy trì tăng trưởng bền vững. Hiện công ty có một đội ngũ cán

bộ kỹ sư, công nhân có trình độ, có tay nghề cao và đang được chuyên nghiệp hóa để có thể ứng dụng công nghệ hiện đại, tiến tiến vào sản xuất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của chủ đầu tư.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 25. Tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
Vốn chủ sở hữu	497.512.739.000	497.231.008.882	(0,06%)	492.956.641.270
Vốn góp chủ sở hữu	254.098.470.000	304.914.090.000	20,00%	304.914.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	(3.830.997.949)	(3.830.997.949)	0,00%	(3.830.997.949)
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	9.560.557.541	0,00%	9.560.557.541
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	237.684.709.408	186.587.359.290	(21,50%)	182.312.991.678

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý III năm 2025 của SCI E&C

Trong năm 2024, Công ty đã tiến hành trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2024. Kết quả trả cổ tức bằng cổ phiếu làm tăng vốn điều lệ của Công ty từ 254.098.470.000 đồng lên 304.914.090.000 đồng.

[Phần này được cố ý để trống]

Bảng 26. Tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
Vốn chủ sở hữu	493.502.391.740	493.699.306.541	0,04%	489.450.994.142
Vốn góp chủ sở hữu	254.098.470.000	304.914.090.000	20,00%	304.914.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	(3.830.997.949)	(3.830.997.949)	0,00%	(3.830.997.949)
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	9.560.557.541	0,00%	9.560.557.541
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	233.674.362.148	183.055.656.949	(21,66%)	178.807.344.550

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV năm 2025 của SCI E&C

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	:	40 năm
Máy móc thiết bị	:	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	:	3 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	3 – 5 năm
TSCĐ hữu hình khác	:	5 năm

Công ty luôn tuân thủ chế độ quy định trong việc trích khấu hao tài sản cố định theo pháp luật. Công ty không có thay đổi trong chính sách khấu hao áp dụng với tài sản cố định của Công ty.

2.1.3. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động của Công ty năm 2023, 2024 và kế hoạch năm 2025 như sau:

- Mức lương bình quân năm 2023: 21,3 triệu đồng/người/tháng
- Mức lương bình quân năm 2024: 21,2 triệu đồng/người/tháng
- Mức lương bình quân năm 2025 (kế hoạch): 21,5 triệu đồng/người/tháng

Công ty đánh giá mức lương bình quân này tương đương với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

2.1.4. Tình hình công nợ

a. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn, trung và dài hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

b. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty bao gồm: các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân và các khoản thuế khác phải nộp theo quy định của Nhà nước.

Bảng 27. Số dư phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
Thuế TNDN	294.014.070	6.068.989.393	1964,18%	-
Thuế GTGT	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	175.007.571	405.637.342	131,78%	384.420.891
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	43.583.905	-	(100,00%)	24.413.287
Thuế phí khác	32.928.685	32.928.685	0,00%	32.928.685
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	545.534.231	6.507.555.420	1092,88%	441.762.863

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý III năm 2025 của SCI E&C

Bảng 28. Số dư phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty mẹ

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
Thuế TNDN	294.014.070	6.068.989.393	1964,18%	-
Thuế GTGT	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	169.048.511	398.886.989	135,96%	384.420.891
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	43.583.905	-	(100%)	24.413.287
Thuế phí khác	32.928.685	32.928.685	0,00%	32.928.685

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	539.575.171	6.500.805.067	1104,80%	441.762.863

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý III năm 2025 của SCI E&C

Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho công trình xây dựng ở nước ngoài là 0%
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các công trình xây dựng trong nước là 10%

Công ty được giảm thuế GTGT theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 giảm thuế GTGT 8%, Nghị quyết Kỳ họp thứ 7, Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/06/2024 và Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

Thuế xuất, nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Tiền thuê đất: Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng tại vị trí Xã Phú Nghĩa, Thành phố Hà Nội (*trước 01/07/2025 là Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội*) với mức tiền thuê 5.345 đồng/m² (*Bằng chữ: Năm nghìn ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên một mét vuông*).

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Ngày 08/10/2025, Công ty Cổ phần SCI E&C nhận được các Quyết định số 921/QĐ-CTH-KĐT, Quyết định số 922/QĐ-CTH-KĐT, Quyết định số 923/QĐ-CTH-KĐT, Quyết định số 924/QĐ-CTH-KĐT ngày 19/09/2025 của Cục Thuế Thành phố Cần Thơ về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng. Số tiền bị cưỡng chế là 2.871.935.889 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng*).

Ngày 26/09/2025, Công ty nhận được Quyết định số 18686/QĐ-HAN-KTr4-XPHC ngày 26/09/2025 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, theo đó Công ty đã có các hành vi vi phạm cụ thể như sau: (1) Hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp; (2) Hành vi kê khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp; (3) Hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế; (4) Hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế. Tổng số tiền truy thu, tiền phạt, tiền chậm nộp là 1.873.925.104 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm linh bốn đồng*).

Các quyết định xử phạt hành chính nêu trên đều được Công ty Cổ phần SCI E&C thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật và nội dung vi phạm đã được khắc phục. Tới thời điểm phê duyệt lập Bản cáo bạch này, Công ty Cổ phần SCI E&C đã khắc phục hoàn toàn các vi phạm. Các hành vi vi phạm về thuế nêu trên chủ yếu phát sinh từ đặc thù hoạt động của Công ty trong lĩnh vực thi công xây lắp theo mô hình tổng thầu EPC, đặc biệt đối với các dự án triển khai ở nước ngoài (Lào) có quy trình nghiệm thu, xác nhận khối lượng và thanh toán kéo dài qua nhiều kỳ kế toán. Việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xuất hóa đơn theo tiến độ thực hiện hợp đồng thường lệch so với thời điểm nghiệm thu thực tế của Chủ đầu tư, dẫn đến chênh lệch về niên độ kế toán theo đánh giá của cơ quan thuế. Các vi phạm được xác định trong kết luận thanh tra của cơ quan thuế không phản ánh ý chí kê khai sai, che giấu doanh thu hay trốn tránh nghĩa vụ thuế. Công ty luôn tuân thủ nguyên tắc trung thực, đầy đủ trong kê khai và nộp thuế, và các sai sót phát sinh đều được thực hiện điều chỉnh, khắc phục theo đúng chỉ đạo của cơ quan thuế.

c. Các khoản phải thu

Bảng 29. Các khoản phải thu của Công ty hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
I	Phải thu ngắn hạn	824.231.934.269	744.238.654.239	(9,71%)	406.779.186.249
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	710.445.023.556	687.315.946.576	(3,26%)	337.162.034.808
2	Trả trước cho người bán	112.935.511.085	56.132.674.840	(50,30%)	59.568.756.717
3	Phải thu ngắn hạn khác	14.108.567.519	14.047.200.714	(0,43%)	23.435.989.531
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.257.167.891)	(13.257.167.891)	0,00%	(13.387.594.807)
II	Phải thu dài hạn	4.460.050.000	1.244.838.583	(72,09%)	194.269.727.884
	Phải thu dài hạn khác	4.460.050.000	1.244.838.583	(72,09%)	194.269.727.884
	Tổng cộng	828.691.984.269	745.483.492.822	(10,04%)	601.048.914.133

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý III năm 2025 của SCI E&C

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xây lắp công trình điện, doanh thu của Công ty chỉ được ghi nhận sau khi nghiệm thu khối lượng theo tiến độ và được thanh toán sau đó. Vì vậy, trong cơ cấu

khoản phải thu, các khoản phải thu ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn, chủ yếu là phải thu khách hàng. Tại ngày 31/12/2024, tổng các khoản phải thu của Công ty đạt 745,48 tỷ đồng, giảm 10,04% so với thời điểm 31/12/2023. Riêng phải thu ngắn hạn của khách hàng đạt 687,32 tỷ đồng, chiếm 92,2% tổng số phải thu. Mức giảm chung của các khoản phải thu chủ yếu do phải thu ngắn hạn giảm 9,71%, tương ứng giảm khoảng 80 tỷ đồng so với cùng kỳ. Khoản phải thu dài hạn chiếm tỷ trọng thấp và giảm mạnh 72,09%, từ 4,46 tỷ đồng xuống còn 1,24 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024.

Tính đến ngày 30/09/2025, tổng các khoản phải thu của Công ty giảm còn 601,05 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn của khách hàng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 337,16 tỷ đồng, tương ứng 56,1% tổng các khoản phải thu. Ngược lại, phải thu dài hạn tăng mạnh từ 1,24 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024 lên 194,27 tỷ đồng tại ngày 30/09/2025. Khoản tăng này chủ yếu xuất phát từ phải thu dài hạn đối với Công ty mẹ – Công ty Cổ phần SCI, với giá trị 193,21 tỷ đồng, chiếm 99,45% tổng phải thu dài hạn. Khoản phải thu này liên quan đến Dự án Nam San 3, dự án đã hoàn thành và bàn giao cho Chủ đầu tư. Theo điều khoản hợp đồng, Chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị hợp đồng để thực hiện nghĩa vụ bảo hành, với thời gian bảo hành kéo dài trên 1 năm. Do đó khoản phải thu này được phân loại và hạch toán vào phải thu dài hạn theo quy định kế toán hiện hành. Đây là khoản phải thu phát sinh từ cơ chế hợp đồng liên danh trong các dự án EPC: Công ty Cổ phần SCI là đơn vị đứng đầu liên danh, chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng, xuất hóa đơn và ghi nhận doanh thu với Chủ đầu tư; Công ty Cổ phần SCI E&C chỉ ghi nhận doanh thu theo phần việc được phân giao và xuất hóa đơn cho Công ty Cổ phần SCI theo đúng thỏa thuận liên danh.

[Phần này được cố ý để trống]

Bảng 30. Các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
I	Phải thu ngắn hạn	821.707.058.187	744.227.854.239	(9,43%)	406.768.386.249
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	710.445.023.556	687.315.946.576	(3,26%)	337.162.034.808
2	Trả trước cho người bán	112.924.511.085	56.121.874.840	(50,30%)	59.557.956.717
3	Phải thu ngắn hạn khác	11.594.691.437	14.047.200.714	21,15%	23.435.989.531
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.257.167.891)	(13.257.167.891)	0,00%	(13.387.594.807)
II	Phải thu dài hạn	4.460.050.000	1.244.838.583	(72,09%)	194.269.727.884
1	Phải thu dài hạn khác	4.460.050.000	1.244.838.583	(72,09%)	194.269.727.884
	Tổng cộng	826.167.108.187	745.472.692.822	(9,77%)	601.038.114.133

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý III năm 2025 của SCI E&C

Các khoản phải thu của Công ty phần lớn là phải thu ngắn hạn với Khách hàng trong nước. Chi tiết một số khoản nợ xấu đã quá hạn thanh toán được thể hiện cụ thể trong bảng dưới đây:

[Phần này được cố ý để trống]



Bảng 31. Các khoản nợ xấu của Công ty hợp nhất

Đơn vị: VND

ST T	Chi tiêu	31/12/2023			31/12/2024			30/09/2025		
		Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
I	Phải thu quá hạn trên 03 năm	13.257.167.891	13.257.167.891	-	13.257.167.891	13.257.167.891	-	13.387.594.807	13.387.594.807	-
1	Công ty CP xây lắp và phát triển Thành Nam (VNCON)	6.248.083.094	6.248.083.094	-	6.248.083.094	6.248.083.094	-	6.248.083.094	6.248.083.094	-
2	Công ty CP xây dựng dịch vụ và thương mại 68	3.425.189.422	3.425.189.422	-	3.425.189.422	3.425.189.422	-	3.425.189.422	3.425.189.422	-
3	Công ty TNHH XD Chichareune	1.810.101.671	1.810.101.671	-	1.810.101.671	1.810.101.671	-	1.810.101.671	1.810.101.671	-
4	Các đối tượng khác	1.390.252.494	1.390.252.494	-	1.390.252.494	1.390.252.494	-	1.390.252.494	1.390.252.494	-
5	Trả trước cho người bán ngắn hạn							75.350.000	75.350.000	
6	Phải thu ngắn hạn khác	383.541.210	383.541.210		383.541.210	383.541.210		438.618.126	438.618.126	
II	Phải thu quá hạn từ 2 - 3 năm	-	-		-	-		-	-	
III	Phải thu quá hạn từ 1 - 2 năm	-	-		-	-		-	-	
IV	Phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-		-	-		-	-	
	Tổng cộng	13.257.167.891	13.257.167.891	-	13.257.167.891	13.257.167.891	-	13.387.594.807	13.387.594.807	-

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, năm 2024 và BCTC Quý III năm 2025 của CTCP SCI E&C

[Phần này được cố ý để trống]

Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 6, Thông tư 48/2019/TT-BTC, có hướng dẫn việc trích lập và xử lý nợ phải thu khó đòi, mức trích lập dự phòng tương ứng với thời gian quá hạn theo quy định như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức trích lập dự phòng
Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	30%
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	50%
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	70%
Từ 03 năm trở lên	100%

– Khoản phải thu với CTCP xây lắp và phát triển Thành Nam, số tiền 6.248.083.094 VNĐ liên quan đến hợp đồng thi công đào phá đá, hạng mục Forebay – Tuyển ống làm mát công trình nhà máy nhiệt điện Vũng Áng.

– Khoản phải thu với Công ty cổ phần xây dựng và thương mại 68, số tiền 3.425.189.422 VNĐ liên quan đến hợp đồng thi công xây dựng dự án nâng cấp mạng lưới đường giao thông Bắc Lào đoạn Mường Sòn đi Lèng Bèng tại tỉnh Huaphan – Lào.

– Khoản phải thu với Công ty TNHH xây dựng Chitchareune, số tiền 1.819.107.058 VNĐ liên quan đến hợp đồng xây dựng tuyến đường Na Xang – Thông Thụ tại tỉnh Huaphan – Lào.

– Các khoản phải thu khác các đối tượng khác bao gồm phải thu Công ty CAVICO Chi nhánh Xây dựng giao thông số tiền 70.000.737 VNĐ; Chi nhánh Tổng công ty Thành An tại Hòa Bình số tiền 266.288.815 VNĐ; Ban điều hành dự án thủy điện Hủa Na số tiền 141.180.542 VNĐ; Phải thu tạm ứng của CBCNV đã nghỉ việc số tiền 383.541.210 VNĐ.

Với các khoản phải thu nêu trên, nguyên nhân phát sinh nợ xấu là do các đối tác chưa quyết toán được với Chủ đầu tư trong các dự án thi công công trình và/hoặc chưa sắp xếp được nguồn để thanh toán với công ty. Công ty đã gửi đối chiếu xác nhận nợ và đơn đốc thanh toán nhưng không nhận được phản hồi của các đối tác này và vẫn chưa thu hồi được nợ. Công ty đánh giá khoản phải thu này khó có khả năng thu hồi nên đã trích lập dự phòng 100%.

d. Các khoản phải trả

Bảng 32. Các khoản phải trả của Công ty hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
I	Nợ ngắn hạn	1.078.327.457.689	1.080.745.269.590	0,22%	925.009.024.094
1	Phải trả người bán ngắn hạn	315.665.659.377	177.878.672.474	-43,65%	143.422.279.146

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	304.127.197.125	257.836.548.284	-15,22%	317.679.200.910
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	545.534.231	6.507.555.420	1092,88%	441.762.863
4	Phải trả người lao động	27.223.843.019	19.307.233.374	-29,08%	9.756.511.643
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	164.804.481.646	48.367.584.232	-70,65%	52.924.103.987
6	Phải trả ngắn hạn khác	49.032.972.866	17.952.766.310	-63,39%	19.133.686.379
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	198.917.242.496	534.884.382.567	168,90%	363.640.952.237
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.010.526.929	18.010.526.929	0,00%	18.010.526.929
II	Nợ dài hạn	121.437.889.542	28.190.973.296	-76,79%	32.751.353.192
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.316.557.395	7.180.111.816	116,49%	6.406.667.565
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	0
3	Dự phòng phải trả dài hạn	118.121.332.147	21.010.861.480	-82,21%	26.344.685.627
	Tổng cộng	1.199.765.347.231	1.108.936.242.886	-7,57%	957.760.377.286

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý III năm 2025 của SCI E&C

Tại ngày 31/12/2024, tổng nợ phải trả của Công ty là 1.108,94 tỷ đồng, giảm 7,57% so với thời điểm 31/12/2023. Trong cơ cấu nợ phải trả, nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất và hầu như không thay đổi đáng kể, chỉ tăng nhẹ 0,22% so với cùng kỳ. Đây là điểm đặc thù của lĩnh vực xây lắp công trình điện mà Công ty đang hoạt động, khi nhu cầu vốn lưu động phục vụ thi công luôn duy trì ở mức cao. Trong kỳ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác đều giảm do Công ty tập trung thực hiện thanh toán và tắt toán công nợ theo tiến độ. Ngược lại, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 168,9%, từ 198,92 tỷ đồng lên 534,88 tỷ đồng, do Công ty đang triển khai nhiều dự án quy mô lớn, phát sinh nhu cầu vốn lưu động cao để đáp ứng tiến độ thi công, trong khi tiến độ thanh toán của Chủ đầu tư chậm hơn so với nhu cầu chi trả thực tế tại công trình.

Đối với nợ dài hạn, giá trị ghi nhận tại ngày 31/12/2024 giảm 76,79% so với cuối năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu là Công ty điều chỉnh giảm trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng theo thời hạn bảo hành thực tế của các công trình đã hoàn thành, dẫn đến khoản mục này giảm 82,21%, từ 118,12 tỷ đồng xuống còn 21,01 tỷ đồng. Khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn có tăng nhưng chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng nguồn vốn.

Tính đến ngày 30/9/2025, tổng nợ phải trả của Công ty là 957,76 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Xu hướng giảm tổng nợ phải trả là do việc Công ty tiếp tục thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, đồng thời giảm bớt áp lực vốn lưu động vẫn hiện hữu do đặc thù chu kỳ thanh toán của các dự án EPC.

Bảng 33. Các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị: VND

STT	Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
I	Nợ ngắn hạn	1.080.360.529.379	1.085.347.151.751	0,46%	929.592.656.608
1	Phải trả người bán ngắn hạn	318.339.586.434	182.888.238.777	(42,55%)	148.406.845.449
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	304.127.197.125	257.836.548.284	(15,22%)	317.679.200.910
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	539.575.171	6.500.805.067	1.104,80%	441.762.863
4	Phải trả người lao động	26.925.559.520	19.307.233.374	(28,29%)	9.756.511.643
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	164.804.481.646	48.367.584.232	(70,65%)	52.924.103.987
6	Phải trả ngắn hạn khác	48.696.360.058	17.551.832.521	(63,96%)	18.732.752.590
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	198.917.242.496	534.884.382.567	168,90%	363.640.952.237
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.010.526.929	18.010.526.929	0,00%	18.010.526.929
II	Nợ dài hạn	121.437.889.542	28.190.973.296	(76,79%)	32.751.353.192
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.316.557.395	7.180.111.816	116,49%	6.406.667.565

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
3	Dự phòng phải trả dài hạn	118.121.332.147	21.010.861.480	(82,21%)	26.344.685.627
	Tổng cộng	1.201.798.418.921	1.113.538.125.047	(7,34%)	962.344.009.800

Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý III 2025 của SCI E&C

Các khoản phải trả của Công ty chủ yếu là khoản phải trả ngắn hạn trong đó chủ yếu là khoản người mua trả tiền trước và các khoản vay và nợ thuê tài chính.

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty như sau:

Bảng 34. Các khoản vay của Công ty

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	198.917.242.496	534.884.382.567	363.640.952.237
1	Vay ngắn hạn	181.202.944.302	528.322.164.147	356.794.809.669
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông	181.202.944.302	355.322.164.147	183.794.809.669
	Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	-	173.000.000.000	173.000.000.000
2	Vay dài hạn đến hạn trả	5.298.226.426	-	1.576.000.000
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông	5.298.226.426	-	1.576.000.000
3	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	12.416.071.768	6.562.218.420	5.270.142.568
	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV SUMI TRUST - CN Hà Nội	1.922.253.125	732.942.852	732.942.852
	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8.043.412.310	4.196.115.818	3.943.366.512
	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.450.406.333	1.175.966.950	136.640.404
	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Sài Gòn thương tín - CN Hà Nội	-	457.192.800	457.192.800
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.316.557.395	7.180.111.816	13.252.810.133
1	Vay dài hạn ngân hàng	5.298.226.426	-	4.635.000.000

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông	5.298.226.426	-	4.635.000.000
2	Nợ thuê tài chính dài hạn	15.732.629.163	13.742.330.236	8.617.810.133
	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV SUMI TRUST - CN Hà Nội	2.712.753.125	1.443.300.005	893.592.866
	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	9.375.817.560	10.018.180.330	6.825.588.512
	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.644.058.478	1.175.966.950	136.640.404
	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Sài Gòn thương tín - CN Hà Nội	-	1.104.882.951	761.988.351
3	Nợ đến hạn trả trong 12 tháng	(17.714.298.194)	(6.562.218.420)	(6.846.142.568)
	Tổng cộng	202.233.799.891	542.064.494.383	376.893.762.370

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý III năm 2025 của SCI E&C

e. Trích lập các quỹ theo Luật định

Công ty trích lập và sử dụng các Quỹ theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp là CTCP, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm do ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT.

Bảng 35. Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/ giảm năm 2024 so với năm 2023	30/09/2025
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.010.526.929	18.010.526.929	0,00%	18.010.526.929
2	Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	9.560.557.541	0,00%	9.560.557.541
	Tổng cộng	27.571.084.470	27.571.084.470	0,00%	27.571.084.470

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý III năm 2025 của SCI E&C

f. Những biến động lớn xảy ra ảnh hưởng đến tình hình tài chính của TCPH kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 36. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2023	2024
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,46	1,40
Hệ số thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,03	0,93
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,71	0,69
Hệ số Nợ/VCSH	Lần	2,41	2,23
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	Vòng	0,92	0,61
Vòng quay vốn lưu động (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>)	Vòng	1,01	0,65
Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Vòng	3,64	2,08
4. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (<i>LNST/Doanh thu thuần</i>)	%	1,43%	0,00%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (<i>LNST/Tổng tài sản bình quân</i>)	%	1,31%	0,00%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (<i>LNST/VCSH bình quân</i>)	%	4,33%	0,00%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	692,82	0,76

Nguồn: Số liệu tính toán căn cứ theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 của SCI E&C.

Các chỉ tiêu thanh khoản của Công ty có xu hướng giảm trong năm 2024, phản ánh nhu cầu vốn lưu động ngày càng tăng do quy mô hoạt động mở rộng. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,46 lần năm 2023 xuống 1,40 lần năm 2024, trong khi hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,03 lần xuống 0,93 lần. Mặc dù các chỉ tiêu này vẫn duy trì ở ngưỡng an toàn, xu hướng giảm cho thấy Công ty cần chủ động tăng cường nguồn vốn ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu thi công ngày một lớn. Bên cạnh đó, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu duy trì ở mức trên 2 lần, phản ánh Công ty đang sử dụng nhiều nguồn vốn vay để tài trợ cho các dự án EPC quy mô lớn, qua đó làm thu hẹp dư địa mở rộng hạn mức tín dụng trong thời gian tới.

Về khả năng hoạt động và hiệu quả kinh doanh, các chỉ tiêu vòng quay tài sản và vòng quay vốn lưu động năm 2024 có sự điều chỉnh so với năm 2023 do các dự án đang bước vào giai đoạn triển khai, dẫn đến tốc độ luân chuyển hàng tồn kho và vốn lưu động tạm thời chậm lại. Năm 2024 cũng là giai đoạn Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khi một số dự án bị chậm tiến độ so với kế hoạch, đồng thời phát sinh chi phí cao hơn dự kiến do ảnh hưởng từ các yếu tố thị trường và biến động tỷ giá. Các yếu tố này làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh nhưng chưa tương ứng với mức ghi nhận doanh thu, do phần lớn khối lượng chưa đến thời điểm nghiệm thu theo quy định của các hợp đồng EPC. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 23,31 triệu đồng, thấp hơn đáng kể so với năm 2023, là kết quả của việc các dự án chưa bước vào giai đoạn nghiệm thu doanh thu nhưng chi phí thực hiện đã phát sinh ở mức cao. Điều này cũng là nguyên nhân khiến các hệ số sinh lời ROS, ROA và ROE giảm đáng kể trong kỳ.

Các biến động trên phản ánh đặc thù chu kỳ doanh thu – chi phí của ngành thi công EPC, khi dòng tiền và lợi nhuận thường được ghi nhận tập trung vào giai đoạn nghiệm thu cuối kỳ. Trong bối cảnh Công ty đang mở rộng quy mô thi công và triển khai nhiều dự án lớn trong và ngoài nước, việc tăng cường quản trị vốn lưu động, tối ưu cấu trúc tài chính và bổ sung thêm nguồn vốn tự có là cần thiết nhằm đảm bảo năng lực tài chính, đáp ứng yêu cầu tiến độ và nâng cao hiệu quả hoạt động trong các kỳ tới.

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ cũng ghi nhận xu hướng tương tự như báo cáo hợp nhất, thể hiện áp lực về vốn lưu động, tốc độ luân chuyển vốn chậm lại và hiệu quả kinh doanh giảm do đặc thù chu kỳ thi công của các dự án EPC.

Bảng 37. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2023	2024
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,99	1,76
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,69	1,18
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,71	0,69
Hệ số Nợ/VCSH	Lần	2,44	2,26
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,92	0,61

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2023	2024
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	1,01	0,65
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	3,62	2,08
4. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (LNST/Doanh thu thuần)	%	1,23%	0,05%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (LNST/Tổng tài sản bình quân)	%	1,13%	0,03%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (LNST/VCSH bình quân)	%	3,76%	0,10%

Nguồn: Số liệu tính toán căn cứ theo BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và năm 2024 của SCI E&C.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

3.2. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

3.3. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp

nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

3.4. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

3.5. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.”

3.6. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 38. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Kế hoạch năm 2025 (*)	Tăng giảm so với năm 2024
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.850	1.046,63	56,57%	1.257,5	20,15%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch	Kế hoạch năm 2025 (*)	Tăng giảm so với năm 2024
2	Đầu tư thiết bị thi công	Tỷ đồng	936,1	29,24	3,12%	100	242,00%
3	Doanh số	Tỷ đồng	1.800	1.007,95	56,00%	1.312,8	30,24%
4	Tiền về tài khoản	Tỷ đồng	1.690	949,75	56,20%	950	0,03%
5	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tỷ đồng	36,1	7,5	20,78%	8,0	6,67%
6	Thu nhập bình quân NLĐ	Triệu đồng	21,3	21,2	99,53%	21,5	1,42%
7	Nhân lực	Người	900	713	79,22%	689	-3,37%
8	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	431,97	304,914	70,59%	304,91	0,00%
9	Trả cổ tức	%	5%	Không thực hiện	-	5%	-

Nguồn: CTCP SCI E&C

(*) Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua tại phiên họp ngày 28/03/2025 theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2023.

Căn cứ vào kế hoạch nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, các chỉ tiêu tài chính kế hoạch của công ty như sau:

Bảng 39. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	
	Thực hiện	Kế hoạch	%tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần (1)	1.007,95	1.295	28,05%
Vốn chủ sở hữu (2)	497,23	655,9	31,91%
Lợi nhuận sau thuế (3)	0,02	6,4	27.354,44%
Tỷ lệ LNST/DTT	0,0023%	0,49%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	0,0000%	0,98%	-
Tỷ lệ cổ tức	0%	5%	-

Nguồn: CTCP SCI E&C và BCTC hợp nhất Quý III năm 2025 của SCI E&C

(1) Giá định tỷ lệ Doanh thu thuần trên Doanh số bằng tỷ lệ thực hiện năm 2024;

(2) Vốn chủ sở hữu kế hoạch tại thời điểm 31/12/2025 được ước tính bằng tổng của Vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng, Thặng dư vốn cổ phần, Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

(3) Lợi nhuận sau thuế ước tính sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên lợi nhuận trước thuế dự kiến.

Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nói trên:

Bước sang năm 2025, Công ty có một số thuận lợi và khó khăn như sau:

❖ **Thuận lợi:**

- + Định hướng của Công ty tiếp tục phát triển ngành nghề thi công đang thực hiện đến năm 2025 và tìm kiếm các công việc mới trong lĩnh vực mà công ty có thế mạnh là năng lượng, hạ tầng trong năm 2025;
- + Kinh nghiệm, năng lực làm tổng thầu EPC của đội ngũ cán bộ, công nhân viên được phát triển qua các công trình làm tổng thầu EPC;
- + Việc làm, thu nhập CBCNV tiếp tục được duy trì và nâng cao;

❖ **Khó khăn:**

- + Dịch Covid đã qua nhưng ảnh hưởng của nó đến đời sống xã hội vẫn rất lớn, giá nguyên vật liệu tăng cao;
- + Vẫn còn thiếu nhân lực bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao để chuẩn bị cho một số công trình mới dự kiến triển khai trong năm 2025 và những năm tiếp theo;
- + Cơ cấu tổ chức đang có sự thay đổi và áp dụng các quy trình quản lý mới bước đầu cần phải điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp.

Trước những thuận lợi và khó khăn, trên cơ sở các dự án đang thực hiện, công ty tiếp tục nỗ lực nhằm đáp ứng mục tiêu tiến độ, chất lượng các dự án đang triển khai, cụ thể:

❖ **Công trình Thủy điện Nam Sam 3:**

- ✓ Hoàn thành công tác COD toàn bộ dự án;
- ✓ Hoàn thành sửa chữa các tồn tại, bàn giao Chủ đầu tư.

❖ **Dự án Thủy điện Nậm Mô 2:**

- ✓ Phần xây dựng: Hoàn thành 100%;
- ✓ Phần lắp đặt thiết bị: Hoàn thành 100% lắp đặt tổ máy, sẵn sàng cho công tác thí nghiệm và hòa lưới điện.

❖ **Công trình Thủy điện Nam Sam 3A:**

- ✓ Công trình phụ trợ: Hoàn thành 100%;
- ✓ Đập chính RCC: Hoàn thành 28%;
- ✓ Nhà máy: Hoàn thành 15%;

❖ **Công trình Thủy điện Nậm Mô 1:**



- ✓ Công trình phụ trợ: Hoàn thành 100%;
- ✓ Đập chính: Hoàn thành 20%;
- ✓ Cống hợp: Hoàn thành 10%;
- ✓ Hàm dẫn nước: Hoàn thành 30%;
- ✓ Nhà máy: Hoàn thành 10%.

Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo công ty cũng đề ra những biện pháp để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

Quản trị chiến lược

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Công ty;
- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức Dự án theo mô hình mới để nâng cao vai trò, trách nhiệm, hiệu quả công việc của các bộ phận tại Dự án;
- Triển khai cơ chế khoán cho các bộ phận tại Dự án.

Quản trị nhân sự

- Cân đối, sắp xếp nhân sự khối văn phòng, dự án theo hướng tinh gọn, hiệu quả;
- Phát triển các kênh tuyển dụng;
- Hoàn thiện và cải tiến quy trình, quy định, quy chế, chính sách liên quan đến quản trị nhân sự phù hợp với thực tế, góp phần nâng cao năng suất lao động.

Về công tác tiếp thị, đấu thầu

Để hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 cũng như kế hoạch các năm tiếp theo, các biện pháp tiếp thị, đấu thầu phải được đẩy mạnh, có hiệu quả như:

- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm các dự án, tập trung mở rộng thị trường, tiếp cận với các Chủ đầu tư mới;
- Nâng cao năng lực đấu thầu, chuẩn bị hồ sơ năng lực, tài liệu của Công ty đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của dự án và Chủ đầu tư, xu hướng thị trường;
- Tiếp tục hoàn thiện năng lực pháp lý của Công ty cũng như có sẵn các đối tác Liên danh đủ điều kiện tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn về Thủy điện, Nhiệt điện, các dự án trên sông trên biển khác và hạ tầng kỹ thuật;
- Triển khai chiến lược công tác Marketing, truyền thông nhằm nhấn mạnh, tạo ấn tượng thương hiệu của Công ty để truyền bá rộng rãi, gây sự chú ý của các khách hàng trong lĩnh vực mà mình tham gia.

Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công

- Kế hoạch giá trị đầu tư năm 2025 là 100 tỷ đồng.

Kỹ thuật - Thi công - An toàn:

- Tiếp tục triển khai công tác đào tạo nội bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật đủ về số lượng, năng lực đáp ứng về yêu cầu công việc theo nhiệm vụ kinh doanh của Công ty;

- Xây dựng, nâng cao năng lực đội ngũ Kỹ thuật bao gồm các bộ phận:
 - ✓ Bộ phận kế hoạch: Phối hợp với dự án lập kế hoạch khởi tạo, kế hoạch thực hiện cụ thể, chi tiết;
 - ✓ Bộ phận quản lý dự án : Theo dõi, đôn đốc, giám sát công tác thực hiện của các dự án, đưa ra cảnh báo cần thiết đối với việc thực hiện Dự án ;
- Tập trung đặc biệt vào công tác nghiệm thu để hoàn thành mục tiêu doanh số cũng như giảm tỷ lệ dở dang tại các công trình là thấp nhất;
- Kiểm soát chất lượng, khối lượng, biện pháp tổ chức thi công và tiến độ thi công chặt chẽ theo Hợp đồng đã ký và phù hợp với giá ngân sách cho từng hạng mục;
- Duy trì và thực hiện nghiêm túc việc giám sát thi công và đảm bảo công tác an toàn lao động trên công trường HSES;
 - ✓ Xây dựng hệ thống HSES;
 - ✓ Đào tạo huấn luyện tại các dự án.
- Tuân thủ thực hiện và kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác HSES tại các công trường.

Công tác kinh tế:

- Tập trung kiểm soát tình hình thực hiện hợp đồng ký với Chủ đầu tư nhằm phòng ngừa các rủi ro, đưa ra những cảnh báo, phương án giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng một cách kịp thời;
- Xây dựng giá ngân sách triệt để-hợp lý-chính xác cho tất cả các hạng mục thi công trước khi triển khai công tác thi công. Đồng thời kiểm soát việc thực hiện dùng ngân sách cho từng hạng mục trong suốt quá trình thi công theo các kỳ báo cáo/kiểm soát;
- Tập trung Đặc biệt công tác thu vốn, quyết toán dứt điểm các hạng mục còn lại tại công trình đã và đang thi công.

Tài chính - Tín dụng - Kế toán

- Lập kế hoạch tài chính, kế hoạch dòng tiền để thực hiện điều chỉnh cơ cấu thu - chi phù hợp, đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty. Đảm bảo kế hoạch chi tiêu hợp lý, hiệu quả, mang lại lợi nhuận cao cho Công ty;
- Tập trung hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính. Cần chủ động tiếp cận và tìm kiếm các kênh huy động vốn trên thị trường tài chính và phải coi chi phí sử dụng vốn là một phần của hiệu quả đầu tư và sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện phân tích tình hình tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty qua các số liệu trên Báo cáo tài chính từ đó để nắm rõ tình hình tài chính của Công ty để đưa ra các chiến lược phù hợp;
- Tập trung thực hiện thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản công nợ quá hạn để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty;
- Đối với các khoản nợ khó đòi sẽ thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định và phân công

trách nhiệm cụ thể để bám sát thu hồi nợ;

- Tư vấn cho Ban lãnh đạo Công ty về việc xem xét, lựa chọn cơ cấu sử dụng vốn sử dụng sao cho tiết kiệm và đạt hiệu quả nhất.

Quản lý máy móc thiết bị

- Cung cấp vật tư kịp thời, kiểm tra, giám sát công tác sửa chữa bảo dưỡng xe máy thiết bị của dự án;
- Với mục đích nâng cao tính hiệu quả trong công tác nhập xuất vật tư cũng như phục vụ công tác kiểm soát thiết bị của toàn công ty, công tác quản lý máy móc thiết bị đã thực hiện gắn mã cho từng thiết bị và từng chi tiết vật tư, đảm bảo sự thông suốt giữa dự án và từng phòng ban công ty trong công tác nhập xuất vật tư và quản lý thiết bị;
- Lập báo cáo hiệu quả sử dụng xe máy thiết bị để thấy được hiệu suất sử dụng, chi phí sửa chữa bảo dưỡng xe máy của các Dự án, của từng thiết bị; Đưa ra giải pháp và cảnh báo đối với các thiết bị có hiệu suất thấp;
- Lập kế hoạch và theo dõi việc sử dụng công cụ dụng cụ hàng tháng, báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn công cụ dụng cụ theo đối tượng;
- Kiểm soát thực hiện việc quyết toán nhiên liệu với các XMTB.

Cung ứng

- Tăng cường công tác tìm kiếm nguồn vật tư từ Lào để phục vụ thi công các Dự án Nam Sam 3A, Nậm Mô 1, Nậm Mô 2 đảm bảo tiến độ và hiệu quả;
- Xây dựng kế hoạch mua hàng một cách chi tiết, chính xác dựa trên kế hoạch khởi tạo, kế hoạch thi công cho từng Dự án/Hạng mục để quá trình mua hàng được thực hiện dễ dàng, không để tình trạng bị động;
- Bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tránh tình trạng ứ đọng hàng hoá, giảm thiểu chi phí bảo quản, chi phí kho bãi, chi phí hao hụt không đáng có. Tránh trường hợp thiếu hàng dẫn tới việc ngừng thi công gây thiệt hại cho Công ty;
- Tăng cường kết nối kho giữa các công trình, đảm bảo luân chuyển hàng hóa hợp lý;
- Tiếp tục mở rộng danh sách nhà cung ứng, tìm kiếm nguồn hàng ổn định lâu dài, đáp ứng chủng loại, số lượng, chất lượng các Dự án;
- Theo dõi sự biến động về lượng và giá của các loại hàng hoá có giá trị lớn và cốt lõi cần cho công tác sản xuất và đề ra kế hoạch cung ứng phù hợp.

Kết quả tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025 tính đến thời điểm 30/11/2025

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty chịu ảnh hưởng đáng kể bởi đặc thù triển khai các công trình mới và sự gia tăng áp lực chi phí. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ và Giá vốn hàng bán giảm so với năm 2024 do một số dự án như Nhà máy thủy điện Nam Sam 3A, Nậm Mô 1, Nhà máy điện gió Hướng Phùng,... đang trong giai đoạn thi công ban đầu, khối lượng nghiệm thu chưa nhiều, trong khi các dự án đã nghiệm thu phần lớn giá trị trong năm 2023–2024

không còn tiếp tục ghi nhận doanh thu trong năm 2025 (như dự án Nam San 3, Nậm Lùm 1,...). Chi phí tài chính tăng cao chủ yếu do chi phí lãi vay tăng, phản ánh nhu cầu vốn lưu động lớn cho các dự án EPC và lãi suất huy động vốn thực tế cao hơn so với năm trước.

Tính đến thời điểm 30/11/2025, Công ty ghi nhận doanh thu thuần 780 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2,26 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1,81 tỷ đồng. Trong lĩnh vực tổng thầu EPC và xây lắp công trình, phần lớn các hạng mục khối lượng thi công thường được nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành và ghi nhận doanh thu vào giai đoạn cuối năm, đặc biệt tập trung vào quý IV – thời điểm Chủ đầu tư thực hiện nghiệm thu tổng hợp và thanh toán giá trị lớn theo tiến độ hợp đồng. Do vậy, số liệu ghi nhận tại thời điểm hiện tại chưa phản ánh đầy đủ giá trị sản xuất kinh doanh mà Công ty đã và đang triển khai. Ước tính đến hết 31/12/2025, Công ty ghi nhận doanh thu thuần 930 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 4,25 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 3,4 tỷ đồng.

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm 30/11/2025 vẫn chịu nhiều áp lực từ tiến độ thi công và nhu cầu vốn lưu động lớn, kết quả kinh doanh của Công ty đã ghi nhận sự cải thiện đáng kể so với năm 2024. Cần lưu ý rằng lợi nhuận năm 2024 chủ yếu đến từ khoản thu nhập khác phát sinh không thường xuyên, trong khi lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2024 ghi nhận âm do đặc thù các dự án EPC chưa đến kỳ nghiệm thu. Ngược lại, trong năm 2025, biên lợi nhuận gộp được cải thiện và chi phí được kiểm soát tốt hơn, giúp kết quả kinh doanh phản ánh sát hơn hiệu quả hoạt động thực tế của Công ty. Điều này cho thấy SCI E&C đang từng bước phục hồi năng lực tài chính và cải thiện hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh ngành xây lắp và các dự án đang triển khai còn nhiều thách thức.

Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng dựa trên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần SCI E&C. Trên cơ sở diễn biến thực tế của các dự án và bối cảnh ngành EPC trong giai đoạn gần đây, chúng tôi nhận thấy Công ty đang chịu áp lực lớn về vốn lưu động và tiến độ thi công, có thể ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tuy nhiên, với năng lực thi công, kinh nghiệm triển khai các dự án EPC trong và ngoài nước, cùng sự chủ động của Ban lãnh đạo trong việc cơ cấu lại nguồn vốn và kiểm soát chi phí, Công ty vẫn có khả năng duy trì hoạt động kinh doanh có lãi và đảm bảo ổn định tài chính trong thời gian tới.

Chúng tôi xin lưu ý rằng các nhận định trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá độc lập của tổ chức tư vấn, dựa trên các nguồn thông tin được thu thập có chọn lọc và trong điều kiện không xuất hiện các yếu tố bất thường làm thay đổi đáng kể hoạt động của Công ty. Các nhận định này không phải là cam kết về giá trị chứng khoán và chỉ có tính chất tham khảo để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần SCI E&C được thành lập và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010. Tính đến thời điểm hiện tại, các quy định về hạn chế chuyển nhượng không còn hiệu lực nên Danh sách các cổ đông sáng lập của Công ty sẽ không được liệt kê trong Bản cáo bạch này.

2. Thông tin về cổ đông lớn

❖ Danh sách cổ đông lớn của Công ty

Tại thời điểm hiện tại, Công ty có 01 cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ, thông tin như sau:

Công ty cổ phần SCI

- Ngày thành lập: 28/12/2007
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2007, thay đổi lần thứ 23 ngày 30/09/2025.
- Vốn điều lệ: 1.040.889.920.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật:
 - + Ông Nguyễn Công Hùng – Chủ tịch HĐQT
 - + Ông Nguyễn Văn Phúc – Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo ủy quyền tại TCPH: Không có

[Phần này được cố ý để trống]

Bảng 40. Danh sách cổ đông lớn của Công ty

Cá nhân/Tổ chức	Mối quan hệ với cổ đông lớn (với người có liên quan)	Địa chỉ liên lạc/ Trụ sở chính	SLCP năm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Tỷ lệ trên vốn điều lệ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	SLCP năm giữ hiện tại	Tỷ lệ trên vốn điều lệ hiện tại	SLCP năm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán (*)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ mới
Công ty cổ phần SCI (SCI)		Tầng 3 tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.100.000	51%	15.550.789	51%	23.326.183	51%
Danh sách người có liên quan của Cổ đông lớn								
Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT/ TGD tại SCI		0	0	0	0	0	0
Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT SCI		268.845	2,69%	25.801	0,084%	38.701	0,084%
Đoàn Thế Anh	Thành viên HĐQT/ Phó TGD SCI		0	0	0	0	0	0
Kim Mạnh Hà	Thành viên độc lập HĐQT SCI		0	0	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

SCI

Cá nhân/Tổ chức	Mối quan hệ với cổ đông lớn (với người có liên quan)	Địa chỉ liên lạc/ Trụ sở chính	SLCP năm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Tỷ lệ trên vốn điều lệ trở thành cổ đông lớn	SLCP năm giữ hiện tại	Tỷ lệ trên vốn điều lệ hiện tại	SLCP năm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán (*)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ mới
Hoàng Trọng Minh	Thành viên độc lập HĐQT SCI		0	0	0	0	0	0
Ngô Vũ An	Thành viên HĐQT SCI		0	0	0	0	0	0
Nguyễn Anh Huy	Thành viên HĐQT SCI		0	0	0	0	0	0
Phạm Văn Nghĩa	Phó TGĐ SCI		0	0	267.300	0,88%	400.950	0,88%
Nguyễn Văn Độ	Phó TGĐ SCI		0	0	0	0	0	0
Vũ An Minh	Phó TGĐ SCI		0	0	0	0	0	0
Phan Dương Mạnh	Kế toán trưởng SCI		0	0	0	0	0	0
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Công ty con của SCI	Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Từ Liêm, Hà Nội	0	0	0	0	0	0
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con của SCI	Bản Nà Cúng, xã Không Láo, tỉnh Lai Châu	0	0	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
BÁN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



Cá nhân/Tổ chức	Mối quan hệ với cổ đông lớn (với người có liên quan)	Địa chỉ liên lạc/Trụ sở chính	SLCP năm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Tỷ lệ trên vốn điều lệ thời điểm trở thành cổ đông lớn	SLCP năm giữ hiện tại	Tỷ lệ trên vốn điều lệ hiện tại	SLCP năm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán (*)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ mới
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con của SCI	Bản Huồi Thở, xã Hữu Kiêm, tỉnh Nghệ An	0	0	0	0	0	0
Công ty Cổ phần Điện giá Hương Linh 8	Công ty con của SCI	Thôn Xa Bai, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị	0	0	0	0	0	0
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	Công ty con của SCI	Thôn Xa Bai, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị	0	0	0	0	0	0
Công ty TNHH SCI Năng Lượng	Công ty con của SCI	Thôn Xa Bai, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng			5.368.845	53,69%	15.843.890	51,964%	23.765.834	51,964%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 25/02/2025 của CTCP SCI E&C do VSDC cấp

(*) Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau đợt chào bán là số lượng cổ phiếu dự kiến mua trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (Tỷ lệ 2:1). Vốn điều lệ sau đợt chào bán dự kiến là: 457.371.130.000 đồng.

❖ **Giao dịch của Công ty với cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty.**

[Phần này được cố ý bỏ trống]

Bảng 41. Giao dịch của công ty với cổ đông sở hữu từ 10% và người có liên quan

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Nội dung giao dịch	Tổng giá trị giao dịch	Thời điểm giao dịch với công ty	Cấp thẩm quyền phê duyệt (nếu có)
1	Công ty cổ phần SCI (SCI)	Công ty mẹ của SCI E&C	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.195.529.747.437	Năm 2023	Các hợp đồng thi công công trình do HĐQT phê duyệt
			Mua hàng hóa dịch vụ	28.084.674.975		
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	795.587.481.919	Năm 2024	
			Mua hàng hóa, dịch vụ	16.439.830.548		
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	631.386.282.761	09 tháng đầu năm 2025	
2	Công ty cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con của SCI	Mua hàng hóa, dịch vụ	15.555.367.818		Các hợp đồng thi công công trình do HĐQT phê duyệt
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.318.579.963	Năm 2024	
3	Công ty cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con của SCI	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	233.982.956.477	Năm 2023	Các hợp đồng thi công công trình do HĐQT phê duyệt
			Mua hàng hóa, dịch vụ	1.148.725.418		
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.535.312.983	Năm 2024	
			Mua hàng hóa dịch vụ	290.693.333		
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.377.142.052	09 tháng đầu năm 2025	
4	Công ty cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con của SCI	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.332.775.366	Năm 2023	Các hợp đồng thi công công trình do HĐQT phê duyệt
			Mua hàng hóa, dịch vụ	2.189.629.564		
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.603.833	Năm 2024	
			Mua hàng hóa, dịch vụ	2.025.694.626	09 tháng đầu năm 2025	
			Vay vốn trong năm	173.000.000.000	Năm 2024	
5	Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	Công ty con của SCI	Lãi vay phát sinh	5.074.493.151		Các hợp đồng thi công công trình do HĐQT phê duyệt
			Lãi vay phát sinh	6.469.726.027	09 tháng đầu năm 2025	

Nguồn: CTCP SCI E&C

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức vụ	Quốc tịch
1	Ông Phan Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT (Được ĐHĐCĐ bầu thông qua ngày 28/03/2025)	Việt Nam
2	Ông Lưu Minh Thành	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Được ĐHĐCĐ bầu thông qua ngày 28/03/2025)	Việt Nam
3	Bà Mai Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (Được ĐHĐCĐ bầu thông qua ngày 28/03/2025)	Việt Nam
4	Ông Lê Huy Thành	Thành viên độc lập HĐQT (Được ĐHĐCĐ bầu thông qua ngày 28/03/2025)	Việt Nam
5	Ông Nguyễn Duy Toàn	Thành viên độc lập HĐQT (Được ĐHĐCĐ bầu thông qua ngày 28/03/2025)	Việt Nam
6	Ông Nguyễn Chính Đại	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 01/01/2025)	Việt Nam
7	Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên độc lập HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/03/2025)	Việt Nam
8	Ông Nguyễn Quang Thiện	Thành viên độc lập HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/03/2025)	Việt Nam
Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị			
1	Ông Lê Huy Thành	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	Việt Nam
2	Ông Nguyễn Duy Toàn	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Việt Nam
Ban Điều hành			
1	Ông Lưu Minh Thành	Giám đốc (Được bổ nhiệm từ ngày 01/05/2022)	Việt Nam
2	Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Giám đốc (Được bổ nhiệm từ ngày 18/07/2019)	Việt Nam
3	Bà Mai Thị Vân Anh	Phó Giám đốc (Được bổ nhiệm từ ngày 01/05/2022)	Việt Nam
4	Ông Nguyễn Chí Tuyền	Phó Giám đốc (Được bổ nhiệm từ ngày 15/05/2023)	Việt Nam

5	Ông Bùi Chí Giang	Phó Giám đốc (Được bổ nhiệm từ ngày 26/06/2023)	Việt Nam
Kế toán trưởng			
1	Ông Cao Lữ Phi Hùng	Kế toán trưởng (Được bổ nhiệm từ ngày 01/06/2020)	Việt Nam

3.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Phan Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Ông Lưu Minh Thành	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Điều hành
3	Bà Mai Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Điều hành
4	Ông Lê Huy Thành	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành
5	Ông Nguyễn Duy Toàn	Thành viên độc lập HĐQT	Không điều hành

3.1.1. Ông Phan Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT

Quốc tịch	:	Việt Nam
Năm sinh	:	1984
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2007 – 12/2008	: Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT	Kỹ sư
01/2009 – 08/2010	: Công ty cổ phần hệ thống thông tin FPT	Kỹ sư
09/2010 – 06/2011	: Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9	Nhân viên P.TCKT
07/2011 – 07/2012	: Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Phó phòng TCHC
08/2012 – 04/2014	: Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Đội phó Đội XL số 1
05/2014 – 06/2015	: Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	TV BKS - Trợ lý giám đốc
07/2015 – 08/2016	: Công ty CP SCI E&C	Phó phòng TCKT
08/2016 – 11/2017	: Công ty CP SCI E&C	Trưởng phòng TCKT
11/2017 – 04/2018	: Công ty CP SCI E&C	Phó Giám đốc

05/2018 – 12/2019	:	Công ty CP SCI E&C	Giám đốc
01/2020 – 04/2021	:	Công ty CP SCI E&C	Thành viên HĐQT
04/2021 – Nay	:	Công ty CP SCI E&C	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Chủ tịch HĐQT	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân	:	25.856 cổ phiếu, chiếm 0,084% vốn điều lệ hiện hành	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền	:	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan	:	Công ty cổ phần SCI: 15.550.789 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ hiện hành (ông Phan Thanh Hải là người đại diện vốn của CTCP SCI tại SCI E&C)	
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty	:	Công ty cổ phần SCI	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán)	:	Lương và Thù lao thành viên HĐQT: - Năm 2023: 527,1 triệu đồng - Năm 2024: 548,5 triệu đồng - 09 tháng năm 2025: 471 triệu đồng	
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có			

3.1.2. Ông Lưu Minh Thành – thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Quốc tịch	:	Việt Nam	
Năm sinh	:	1991	
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư xây dựng công trình thủy	
Quá trình công tác		Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/2015 đến 07/2016	:	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Kỹ thuật

Từ 07/2016 đến 02/2017	:	Công ty Cổ phần Trung Nam	Tr.ban Kế hoạch dự án Sunrise Bay Đà Nẵng
Từ 28/2/2017 đến 01/04/2018	:	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Phó Giám đốc
Từ 01/04/2018 đến 07/05/2020	:	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Giám đốc
Từ 05/2020 đến 30/04/2022	:	Công ty Cổ Phần SCI E&C	Phó Giám đốc dự án Nam Sam 3
Từ 01/05/2022 đến 21/08/2022	:	Công ty Cổ Phần SCI E&C	Phó Giám đốc
Từ 22/08/2022 đến 31/12/2022	:	Công ty Cổ Phần SCI E&C	Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Từ 01/01/2023 đến nay	:	Công ty Cổ Phần SCI E&C	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân	:	7.320 cổ phiếu, chiếm 0,024% vốn điều lệ hiện hành	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền	:	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan	:	Không có	
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty	:	Không có	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên	:	Lương và thù lao: - Năm 2023: 605,6 triệu đồng	

tục liên trước năm đăng ký chào bán)	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2024: 680,9 triệu đồng - 09 tháng 2025: 517 triệu đồng
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có	

3.1.3. Bà Mai Thị Vân Anh – thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty

Quốc tịch	:	Việt Nam
Năm sinh	:	1989
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân tài chính ngân hàng
Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/2011 đến 04/2016	:	Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long Nhân viên
Từ 05/2016 đến 11/2017	:	Công ty Cổ Phần SCI E&C Chuyên viên P.KTHĐ
Từ 12/2017 đến 08/2019	:	Công ty Cổ Phần SCI E&C Phó phòng cung ứng
Từ 09/2019 đến 03/2022	:	Công ty Cổ Phần SCI E&C Trưởng phòng cung ứng
Từ 04/2022 đến 03/2025	:	Công ty Cổ Phần SCI E&C Phó Giám đốc
Từ 03/2025 đến nay	:	Công ty Cổ Phần SCI E&C TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân	:	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền	:	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan	:	Không có
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty	:	Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty :	Không
Các khoản nợ đối với Công ty :	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán)	Lương và thù lao: - Năm 2023: 456,5 triệu đồng - Năm 2024: 529,5 triệu đồng - 09 tháng 2025: 404 triệu đồng
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có	

3.1.4. Ông Lê Huy Thành – Thành viên độc lập HĐQT

Quốc tịch	:	Việt Nam	
Năm sinh	:	1991	
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kiểm toán	
Quá trình công tác			
	Đơn vị công tác	Chức vụ	
Từ 06/2013 đến 06/2019	:	Công ty TNHH Kiểm toán Vaco	Kiểm toán viên
Từ 07/2019 đến 04/2020	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời	Chuyên viên Ban tài Chính
Từ 05/2020 đến 06/2021	:	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore Aisc.	Phó phòng Kiểm toán
Từ 07/2021 đến nay	:	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn VSA	Phó Tổng Giám đốc
Từ 03/2025 đến nay	:	Công ty Cổ Phần SCI E&C	TV độc lập HĐQT
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Không có	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:			
	Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/2021 đến nay	:	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn VSA	Phó Tổng Giám đốc
Từ 01/2022 đến nay	:	Công ty TNHH Đào tạo và Tư vấn Á Châu	Giám đốc
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân	:	Không có	

Thông tin người có liên quan : là cổ đông, người nội bộ Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty :	Không
Các khoản nợ đối với Công ty :	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán)	Lương và thù lao: - Năm 2023: Chưa bỏ nhiệm - Năm 2024: Chưa bỏ nhiệm - 09 tháng 2025: 48 triệu đồng
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có	

3.1.5. Ông Nguyễn Duy Toàn – Thành viên độc lập HĐQT

Quốc tịch	:	Việt Nam	
Năm sinh	:	1960	
Dân tộc	:	Kinh	
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ kỹ thuật công trình Thủy lợi	
Quá trình công tác		Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 06/1984 đến 06/2012	:	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1	- Phó trưởng Đoàn Thiết kế thủy điện 1;
			- Phó trưởng Đoàn Thiết kế thủy điện Sơn La;
			- Phó chủ nhiệm thiết kế thủy điện Tuyên Quang;
			- Phó chủ nhiệm thiết kế thủy điện Sơn La.
Từ 07/2012 đến 12/2020	:	Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	- Phó Trưởng BQL dự án thủy điện Trung Sơn;
			- Trưởng phòng thẩm định thiết kế dự án.
Từ 2021 đến nay	:	Nghỉ hưu theo chế độ nhà nước, tham gia với tư cách	

	chuyên gia tư vấn cho một số dự án thủy điện, năng lượng tại Việt Nam và Lào	
Từ 03/2025 đến nay	Công ty Cổ Phần SCI E&C	TV độc lập HĐQT
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Không có	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan	Không có	
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty	Không có	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán)	Lương và thù lao: - Năm 2023: Chưa bổ nhiệm - Năm 2024: Chưa bổ nhiệm - 09 tháng 2025: 48 triệu đồng Lợi ích khác: Không có	
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có		

3.2. Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT (UBKT)

STT	Họ tên	Chức danh
-----	--------	-----------

1	Ông Lê Huy Thành	Chủ tịch UBKT
2	Ông Nguyễn Duy Toàn	Thành viên UBKT

Sơ yếu lý lịch đã được trình bày tại Mục 3.1 Bản cáo bạch này.

3.3. Ban Giám đốc

STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Lưu Minh Thành	Giám đốc
2	Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Giám đốc
3	Bà Mai Thị Vân Anh	Phó Giám đốc
4	Ông Nguyễn Chí Tuyền	Phó Giám đốc
5	Ông Bùi Chí Giang	Phó Giám đốc
6	Ông Trần Hoài Nam	Phó Giám đốc

3.3.1. Ông Lưu Minh Thành – Phó Giám đốc

Sơ yếu lý lịch đã được trình bày tại Mục 3.1 Bản cáo bạch này.

3.3.2. Ông Nguyễn Công Hòa – Phó Giám đốc

Quốc tịch	:	Việt Nam	
Năm sinh	:	1980	
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư xây dựng	
Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ	
Từ 08/2003 đến 11/2004	:	Công ty TNHH Anh Sơn	Chuyên viên
Từ 11/2004 đến 07/2006	:	Công ty Đầu tư và Phát triển Đô thị Kinh Bắc	Chuyên viên
Từ 09/2010 đến 10/2011	:	Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Chuyên viên phòng KTCL – TCAT
Từ 10/2011 đến 09/2012	:	Công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9	Đội phó Đội xây lắp số 2
Từ 09/2012 đến 11/2017	:	Công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9	Phó phòng Kinh tế
Từ 12/2017 đến 07/2019	:	Công ty Cổ phần SCI E&C	Trưởng phòng Cung ứng
Từ 07/2019 đến hiện tại	:	Công ty Cổ phần SCI E&C	Phó giám đốc
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Phó Giám đốc	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân	:	24.240 cổ phiếu, chiếm 0,079% vốn điều lệ hiện hành	

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền	: Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan	: Ông Nguyễn Công Hùng (Anh trai), nắm giữ 25.801 cổ phiếu, chiếm 0,084% vốn điều lệ hiện hành.
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty	: Ông Nguyễn Công Hùng (Anh trai) là cổ đông Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán)	: Lương Phó giám đốc: - Năm 2023: 736 triệu đồng - Năm 2024: 851,7 triệu đồng - 9 tháng năm 2025: 623,7 triệu đồng
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có	

3.3.3. Bà Mai Thị Vân Anh – Phó Giám đốc

Sơ yếu lý lịch đã được trình bày tại Mục 3.1 Bản cáo bạch này.

3.3.4. Ông Nguyễn Chí Tuyển – Phó Giám đốc

Quốc tịch	:	Việt Nam	
Năm sinh	:	1983	
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư công trình thủy	
Quá trình công tác		Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/2007 đến 06/2008	Công ty TNHH MTV Sông Đà 908 / Sông Đà 9		Kỹ sư kỹ thuật chất lượng
Từ 07/2008 đến 06/2010	Công ty TNHH MTV Sông Đà 908 / Sông Đà 9		Phó phòng Kỹ Thuật chất lượng
Từ 07/2010 đến 06/2012	Công ty CP ĐT Thanh Sơn		Giám đốc, Đội Trưởng Gói thầu Hệ thống CCLĐ Hệ thống lan can/

		Cao Tốc Cầu Giẽ Ninh Bình
Từ 07/2012 đến 06/2014	Công ty Kiểm Toán Vạn An	Trợ lý Kiểm toán
	Công ty TNHH Cơ Khí CXT	Giám đốc
Từ 07/2014 đến 06/2015	Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Trưởng phòng Kỹ Thuật
Từ 07/2015 đến 07/2016	Công ty CP Xây dựng và đầu tư Sông Đà 9 (nay là Công ty Cổ phần SCI E&C)	Phó Giám đốc chi nhánh phía Nam
Từ 08/2016 đến 04/2023	Công ty Cổ phần SCI E&C	Phó Chủ nhiệm dự án Nam Theun 1, Phó Chủ nhiệm dự án Nam Sam 3
Từ 05/2023 – Hiện tại	: Công ty Cổ phần SCI E&C	Phó Giám đốc
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Phó Giám đốc	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân	: Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền	: Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan	: Không có	
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty	: Không có	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên	Lương Phó Giám đốc: - Năm 2023: 486,1 triệu đồng - Năm 2024: 642,6 triệu đồng	

tục liền trước năm đăng ký chào bán)	- 9 tháng năm 2025: 454 triệu đồng Lợi ích khác: Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có	

3.3.5. Ông Bùi Chí Giang – Phó Giám đốc

Quốc tịch	:	Việt Nam
Năm sinh	:	1981
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư thủy lợi
Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 8/2007 đến 07/2009	: Công Ty CP Tư Vấn Sông Đà	Kỹ sư Thiết kế Chi Nhánh Tây Bắc
Từ 8/2009 đến 09/2010	: Công Ty CP Tư Vấn Sông Đà	Trưởng Ban Kỹ thuật Chi Nhánh Tây Bắc
Từ 10/2010 đến 01/2012	: Công Ty CP Tư Vấn Sông Đà	Phó Giám Đốc Chi Nhánh Tây Bắc
Từ 02/2010 đến 06/2012	: Công Ty CP Sông Đà 5	Phó Phòng Kinh tế
Từ 07/2012 đến 09/2013	: Công Ty CP Sông Đà 5	Phó Phòng Kỹ Thuật
Từ 10/2013 đến 04/2015	: Công Ty CP Sông Đà 5	Phó Phòng Đấu Thầu
Từ 05/2015 đến 03/2017	: Công Ty CP Sông Đà 5	Trưởng Phòng Kỹ Thuật
Từ 04/2017 đến 02/2018	: Công Ty CP Sông Đà 5	Phó Tổng Giám Đốc
Từ 03/2018 đến 12/2019	: Công Ty CP Sông Đà 5	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Ban Điều hành dự án Nhà máy Thép Hòa Phát
Từ 01/2020 đến 03/2022	: Công Ty CP Sông Đà 5	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Ban Điều hành dự án Thủy điện Nam Emuon - Lào
Từ 04/2022 đến 06/2023	: Kinh doanh tự do	
Từ 6/2023 đến Hiện tại	: Công ty Cổ phần SCI E&C	Phó Giám đốc
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Phó Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác :	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân :	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền :	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan :	Không có
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty :	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty :	Không
Các khoản nợ đối với Công ty :	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán) :	Lương Phó Giám đốc: - Năm 2023: 262,3 triệu đồng - Năm 2024: 616,5 triệu đồng - 9 tháng năm 2025: 475 triệu đồng Lợi ích khác: Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có	

3.3.6. Ông Trần Hoài Nam – Phó Giám đốc

Quốc tịch	:	Việt Nam	
Năm sinh	:	1982	
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp	
Quá trình công tác		Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 8/2004-:05/2005	:	Xí nghiệp 1 - Công ty CP Sông Đà 909	Kỹ thuật hiện trường
Tháng 6/2005-:10/2006	:	Xí nghiệp 1 - Công ty CP Sông Đà 909	Trưởng ca Khu mỏ đá

Tháng 11/2006-:-06/2009	:	Xí nghiệp 1 - Công ty CP Sông Đà 909	Chi huy trưởng (Khu trưởng)
Tháng 07/2009-:-04/2010	:	Xí nghiệp 1 - Công ty CP Sông Đà 909	Đội trưởng đội xây lắp số 1
Tháng 05/2010-:-06/2015	:	Công ty CP SCI E&C	Đội trưởng Đội xây lắp số 3 – Công ty CP SCI E&C
Tháng 07/2015-:-08/2019	:	Công ty CP SCI E&C	Giám đốc Chi nhánh Miền Nam
Tháng 09/2019-:-12/2019	:	Công ty CP SCI E&C	Giám đốc BĐH Dự án Thủy điện Nậm Sam 3 tại CHDCDN Lào
Tháng 01/2020-:-11/2021	:	Công ty CP SCI E&C	Giám đốc BĐH Dự án Điện gió Gelex 1,2,3, Dự án Điện gió Hướng Phùng 2,3, Dự án Điện gió Hướng Linh 7,8
Tháng 12/2021-:-02/2025	:	Công ty CP SCI E&C	Phó phòng Quản lý dự án
Tháng 03/2025-:- Nay	:	Công ty CP SCI E&C	Trưởng phòng Quản lý thiết bị
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Phó Giám đốc	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân	:	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền	:	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan	:	Không có	
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty	:	Không có	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không	

Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán)	Lương Trưởng phòng Quản lý thiết bị (Được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc từ 04/12/2025) Lợi ích khác: Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có	

3.4. Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Cao Lữ Phi Hùng	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch của ông Cao Lữ Phi Hùng như sau:

Quốc tịch	:	Việt Nam
Năm sinh	:	1987
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ tài chính kế toán – CPA Việt Nam
Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/2010 đến 03/2013	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	Trưởng nhóm kiểm toán
Từ 04/2013 đến 05/2014	Trường Đại học kinh tế - ĐHQG Hà Nội	Chuyên viên kế toán
Từ 06/2014 đến 12/2014	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Kế toán tổng hợp
Từ 01/2015 đến 06/2015	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Phó kế toán trưởng
Từ 07/2015 đến 08/2017	Công ty cổ phần SCI	Kế toán trưởng
Từ 09/2017 đến 04/2018	Công ty CP Tập đoàn Mặt trời (Sungroup)	Chuyên viên cao cấp Ban tài chính
Từ 05/2018 đến 06/2018	Công ty CP Mặt trời Tây Ninh	Phó phòng TCKT
Từ 07/2018 đến 03/2019	Công ty CP cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Kế toán trưởng
Từ 04/2019 đến 03/2020	Công ty CP tập đoàn Mặt trời (Sungroup)	Chuyên viên cao cấp Quản lý thuế
Từ 04/2020 đến 05/2020	Công ty cổ phần SCI E&C	Phó phòng TCKT
Từ 06/2020 đến nay	Công ty cổ phần SCI E&C	Kế toán trưởng

Chức vụ công tác hiện nay : tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân	13.800 cổ phiếu, chiếm 0,045% vốn điều lệ hiện hành
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan	Không có
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán)	Lương Kế toán trưởng Lợi ích khác: Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có	

3.5. Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB)

STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Đức Duy	Trưởng ban KTNB
2	Ông Lê Tuấn Anh	Phó Trưởng ban KTNB
3	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên ban KTNB

3.5.1. Ông Nguyễn Đức Duy – Trưởng ban KTNB

Quốc tịch	: Việt Nam
Năm sinh	: 1992
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 12/2014 đến 03/2017	: Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	Trợ lý Kiểm toán /Kiểm toán viên
Từ 03/2017 đến 03/2019	: Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP	Kế toán tổng hợp
Từ 04/2019 đến 03/2020	: Công ty Cổ phần SCI E&C	Kế toán tổng hợp
Từ 04/2020 đến nay	: Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Kế toán trưởng
Từ 08/2020 đến nay	: Công ty CP SCI E&C	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tư vấn SCI	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền	Không có	
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan	Không có	
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty	Không có	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán)	Không	
Lợi ích liên quan tại Doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:		

Doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn	Sản phẩm	Chức vụ, SLCP nắm giữ và tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Tư vấn SCI	Tư vấn thiết kế	Các dự án thủy điện vừa và nhỏ, các dự án năng lượng sạch như điện gió, điện mặt trời	Việt Nam, Lào	Dịch vụ tư vấn thiết kế	Ông Nguyễn Đức Duy – Kế toán trưởng Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 cổ phiếu (Tỷ lệ: 0%)
Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Thành viên Ban kiểm toán nội bộ có nghĩa vụ báo cáo đầy đủ với Hội đồng quản trị khi có các phát sinh lợi ích liên quan với công ty.					

3.5.2. Ông Lê Tuấn Anh – Phó Trưởng ban KTNB

Quốc tịch	:	Việt Nam
Năm sinh	:	1990
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân ngành kế toán, kiểm toán
Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2012 đến 2016	: Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	Trưởng nhóm kiểm toán
Từ 2016 đến 2020	: Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	Chuyên viên Ban Tài chính kế toán
Từ 2020 đến nay	: Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Kế toán trưởng
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần SCI Lai Châu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân	:	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền	:	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan	:	Không có
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty	:	Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không				
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không				
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán)	: Không				
Lợi ích liên quan tại Doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:					
Doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn	Sản phẩm	Chức vụ, SLCP nắm giữ và tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần SCI Lai Châu	Truyền tải, phân phối điện	EVN	Việt Nam	Điện năng	Ông Lê Tuấn Anh – Kế toán trưởng Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 cổ phiếu (Tỷ lệ: 0%)
Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Thành viên Ban kiểm toán nội bộ có nghĩa vụ báo cáo đầy đủ với Hội đồng quản trị khi có các phát sinh lợi ích liên quan với công ty.					

3.5.3. Ông Nguyễn Văn Hùng – Thành viên Ban KTNB

Quốc tịch	:	Việt Nam
Năm sinh	:	1986
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư
Quá trình công tác	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2009 – 8/2013	: Công ty Cổ phần CienCo 5	Kỹ sư chất lượng
9/2013 – 2/2018	: Công ty Cổ phần Hạ tầng Thiên Ân	Phó phòng kỹ thuật
3/2018 – 05/2021	: Công ty Cổ phần SCI E&C	Phó phòng KTHĐ kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ
05/2021 - Nay	: Công ty Cổ phần SCI E&C	Phó phòng KTHĐ kiêm Thành viên Kiểm toán nội bộ

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty :	Phó phòng Kinh tế hợp đồng kiêm Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác :	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ cá nhân :	5.000 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ hiện hành
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người đại diện theo ủy quyền :	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của người có liên quan :	Không có
Thông tin người có liên quan là cổ đông, người nội bộ Công ty :	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty :	Không
Các khoản nợ đối với Công ty :	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty (trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán) :	Lương phó phòng kinh tế kế hoạch
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có	

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 15.245.704 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 152.457.040.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, để bảo vệ lợi ích của cổ đông và nâng cao tỷ lệ chào bán thành công của đợt chào bán, đảm bảo nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn, HĐQT Công ty đã trình ĐHĐCĐ thông qua mức giá chào bán là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.

Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu chào bán thêm).

Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết: Số lượng cổ phiếu chào bán cho mỗi cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Toàn bộ số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số lượng cổ phiếu mà nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán này (nếu có), Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác (kể cả cổ đông của công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo quy định của pháp luật với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu).

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu, cổ đông A sở hữu 579 cổ phiếu, tương ứng với 579 quyền mua. Số lượng cổ phiếu cổ đông A được mua thêm trong đợt chào bán là: $(579:2) \times 1 = 289,5$ cổ phiếu, làm tròn xuống còn 289 cổ phiếu mới.

Hội đồng Quản trị thực hiện phân phối số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua nêu trên tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian xin gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và Hội đồng Quản trị quyết định kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: thời gian cụ thể sẽ được thông báo sau khi có chấp thuận của UBCKNN và đảm bảo tối thiểu là 20 ngày.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Phương thức xử lý cổ phần còn lại chưa phân phối hết: Tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền mua, cứ 02 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm).

Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán này (nếu

có) do Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cho các đối tượng khác (kể cả cổ đông của công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo quy định của pháp luật với điều kiện giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (tối thiểu 10.000 đồng/cổ phiếu).

Hội đồng Quản trị thực hiện phân phối số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua nêu trên tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian xin gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và Hội đồng Quản trị quyết định kết thúc đợt chào bán.

Phương thức thanh toán: Trong thời hạn tối thiểu 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc danh sách người sở hữu quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ đăng ký thực hiện quyền mua tại trụ sở Công ty và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa.

Chuyển giao cổ phiếu: Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi lưu ký chứng khoán; toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Trung tâm Lưu ký chứng khoán phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại trụ sở của Công ty, hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Đợt chào bán không quy định tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối trong năm 2026 (dự kiến) và sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định, Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN có hiệu lực

Dự kiến thời gian phân phối cổ phiếu như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN	D

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
2	Gửi hồ sơ đến VSD, HNX, thông báo về việc thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua	D+1 đến D+3
3	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7
4	Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền	D+ 11 đến D+13
4	Công ty nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền	D+15
5	Các cổ đông tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần	D+20 đến D+40
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý đối với sổ sổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có)	D+41 đến D+60
7	Báo cáo kết quả phát hành; chuyển giao cổ phiếu và hoàn tất thủ tục lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu	D+61 đến D+70
8	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung	D+70 đến D+90

(Trong đó D là ngày làm việc)

10. Phương thức thực hiện quyền

Điều kiện thực hiện quyền: Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua.

Thời gian thực hiện quyền: Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến ở trên

Phương thức thực hiện quyền: Cổ đông đã lưu ký chứng khoán đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản chứng khoán. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán sẽ thực hiện các quyền tương tự trên tại Công ty Cổ phần SCI E&C.

Quyền lợi của người mua cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu có quyền mua hoặc từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng

quyền mua cổ phần của mình (nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần – người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba) cho người khác theo giá thỏa thuận giữa Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền. Đối với việc chuyển nhượng quyền mua, để đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty, các cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư trong nước.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua trong thời gian quy định theo thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (kể cả thời gian gia hạn – nếu có) không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các đối tượng khác không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 4 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
- Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các đối tượng khác khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
- Số lượng cổ phiếu được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có) sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu, chi tiết như sau:

Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần SCI E&C

Số tài khoản: 8631368368

Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Đông

13. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo công văn số 1297/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 17/03/2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần SCI E&C là 0%.

Theo quy định Khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Công ty có tỷ lệ sở hữu nước ngoài vượt qua tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này, công ty phải đảm bảo không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty, và các nhà đầu tư nước ngoài chỉ được phép bán ra cổ phiếu cho đến khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Nghị định này, ngoại trừ việc nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc mua cổ phiếu trong đợt phát hành thêm cho cổ đông

hiện hữu. Đối tượng chào bán của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng này là cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký Chứng khoán và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua nên cổ đông hiện hữu là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) thực hiện quyền mua sẽ không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty.

Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo đúng quy định, Hội đồng quản trị quyết định:

- Đối với việc chuyển nhượng quyền mua để đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty: Các cổ đông sở hữu quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư trong nước.
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối tiếp: Hội đồng quản trị sẽ chỉ phân phối tiếp cho Nhà đầu tư trong nước.

14. Các loại thuế có liên quan

14.1. Đối với Công ty

14.1.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế

14.1.2. Thuế Giá trị gia tăng (VAT)

Thuế suất thuế VAT áp dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định hiện hành của pháp luật.

14.1.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của Pháp luật hiện hành.

14.2. Đối với nhà đầu tư

14.2.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

14.2.2. Đối với Nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%

Đối với tổ chức nước ngoài: Doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

15. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán thêm trên hệ thống giao dịch chứng khoán, đảm bảo tuân thủ quy định.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng được ưu tiên sử dụng theo thứ tự sau: (1) Bổ sung vốn lưu động cho các công trình mà Công ty đang thi công và (2) Đầu tư xe máy thiết bị phục vụ thi công các công trình.

+ Trong giai đoạn năm 2024 – 2025, Công ty liên tục trúng thầu nhiều gói thi công mới, dẫn đến quy mô hoạt động và doanh thu dự kiến trong năm 2026 tăng lên đáng kể. Khi quy mô doanh thu mở rộng, nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh cũng tăng tương ứng, đặc biệt đối với các khoản chi trả vật tư, vật liệu, nhân công và chi phí triển khai thi công. Tổng giá trị dự toán chi phí cho 4 công trình Dự án nhà máy thủy điện Nậm Sam 3A, nhà máy thủy điện Nậm Mô 1, nhà máy điện gió Hướng Phùng 1, nhà máy thủy điện Trị An mở rộng là 3.841,5 tỷ đồng, trong đó giá trị đã được tạm ứng của Chủ đầu tư chỉ chiếm khoảng 5-10% giá trị hợp đồng.

+ SCIE&C không phải Chủ đầu tư của các Dự án, mà tham gia với vai trò thành viên trong liên danh tổng thầu EPC, thực hiện các hạng mục thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình các dự án thủy điện và điện gió. Việc thanh toán từ Chủ đầu tư cho Công ty chỉ được thực hiện theo tiến độ và theo từng đợt nghiệm thu, dẫn đến dòng tiền không đủ để đáp ứng toàn bộ nhu cầu vốn lưu động của các hạng mục thi công. Trong khi đó, hạn mức tín dụng do các ngân hàng thương mại cấp cho Công ty là có giới hạn, không thể đáp ứng toàn bộ nhu cầu chi trả cho vật tư, vật liệu và cho các nhà thầu phụ trong quá trình thi công (nhu cầu về vốn cần bổ sung cho 04 dự án nêu trên là 529,9 tỷ đồng). Do đó, Công ty cần thiết phải chủ động huy động thêm nguồn vốn để bổ sung vốn lưu động kịp thời, đảm bảo khả năng thanh toán cho các nhà cung cấp và nhà thầu phụ, từ đó duy trì tiến độ thi công và hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng EPC.

+ Năm 2026, Công ty đã ký được các dự án mới bao gồm: Thi công san nền đợt 1 (60 ha) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Dốc Đá Trắng; Dự án nhà máy thủy điện Xekaman 4, Dự án nhà máy điện gió Tân Thành và Hướng Việt do công ty SCI mẹ là Chủ đầu tư. Theo tiến độ thi công và kế hoạch nghiệm thu của các dự án EPC, giá trị sản xuất kinh doanh năm 2026 dự kiến 3.000 tỷ đồng và doanh thu năm 2026 dự kiến 2.500 tỷ đồng, phản ánh rõ nét nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Trên nền tảng tăng trưởng doanh thu và giá trị sản lượng thi công, nhu cầu vốn lưu động cần thiết để phục vụ mua sắm vật tư, thanh toán cho các nhà cung cấp và nhà thầu phụ cũng tăng tương ứng. Việc lập kế hoạch về vốn được xây dựng dựa trên nhu cầu vốn thực tế của các dự án đang triển khai và nhu cầu dòng tiền phát sinh theo tiến độ thi công. Do đó, phương án huy động vốn nhằm bổ sung vốn lưu động của SCI E&C là hợp lý, cần thiết và phù hợp với kế hoạch kinh doanh năm 2026 đã được Công ty xây dựng.

+ Ngoài ra, Công ty cũng có kế hoạch đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2025 là 100 tỷ đồng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Bảng 42. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền thu được dự kiến (Đồng)	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (dự kiến)
1	Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các công trình mà Công ty đang triển khai thi công	147.004.480.000	Từ Quý IV/2025 đến hết Quý II/2026
1.1	<i>Dự án nhà máy thủy điện Nậm Sam 3A (Hợp đồng số 74/HD/EPC-NS3A/2024 ngày 08/05/2024)</i>	67.004.480.000	
-	<i>Thanh toán tiền vật tư, vật liệu thi công công trình</i>	35.000.000.000	
-	<i>Thanh toán cho nhà thầu phụ</i>	32.004.480.000	
1.2	<i>Dự án nhà máy thủy điện Nậm Mô 1 (Hợp đồng số 75/HD/EPC-NM1/2024 ngày 08/05/2024)</i>	40.000.000.000	

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền thu được dự kiến (Đồng)	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (dự kiến)
-	Thanh toán tiền vật tư, vật liệu thi công công trình	20.000.000.000	
-	Thanh toán cho nhà thầu phụ	20.000.000.000	
1.3	Dự án nhà máy điện gió Hướng Phùng 1 (Hợp đồng số 707/HĐ-ASB2-SCI ngày 28/08/2025)	30.000.000.000	
-	Thanh toán tiền vật tư, vật liệu thi công công trình	20.000.000.000	
-	Thanh toán cho nhà thầu phụ	10.000.000.000	
1.4	Dự án nhà máy thủy điện Trị An mở rộng (Hợp đồng số 36.25.HĐ.TAE.XD.NM ngày 03/06/2025)	10.000.000.000	
-	Thanh toán tiền vật tư, vật liệu thi công công trình	8.000.000.000	
-	Thanh toán cho nhà thầu phụ	2.000.000.000	
2	Đầu tư xe máy thiết bị phục vụ thi công	5.452.560.000	
Tổng cộng		152.457.040.000	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, số tiền thu được từ đợt chào bán vẫn được ưu tiên sử dụng theo thứ tự: (1) cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho các công trình mà Công ty đang thi công và (2) Đầu tư xe máy thiết bị phục vụ thi công các công trình, đồng thời Hội đồng quản trị xem xét huy động nguồn vốn vay ngân hàng hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.

1. Kế hoạch bổ sung vốn lưu động cho các công trình mà Công ty đang thi công

Thông tin về các dự án Công ty đang thi công và Kế hoạch sử dụng vốn thu được để bổ sung vốn lưu động cho các dự án thi công như sau:

❖ Dự án nhà máy thủy điện Nậm Sam 3A

- Địa điểm: Tỉnh Houaphanh, Lào.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV năng lượng Nam Sam 3A.
- Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có
- Nhà thầu: Liên doanh SCI gồm Công ty Cổ phần SCI; Công ty Cổ phần SCI E&C và Công ty Cổ phần tư vấn SCI.

STT	Tên Công ty	Vai trò trong liên doanh	Nội dung công việc đảm nhận
1	Công ty Cổ phần SCI	Thành viên đứng đầu liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Ký toàn bộ các văn bản, tài liệu, biên bản ghi nhớ để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham gia chào giá; - Chỉ trì quá trình thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng EPC với Chủ đầu tư cùng với đại diện Các Bên; - Quản lý thực hiện Hợp đồng EPC; - Đại diện cho Liên doanh trực tiếp làm việc với Chủ đầu tư và các bên liên quan về việc thực hiện hợp đồng EPC, bao gồm cả việc ký kết các công văn, văn bản, tài liệu liên quan; - Đại diện liên doanh làm việc với cơ quan chính phủ Lào để giải quyết các vấn đề liên quan đến Hợp đồng EPC; - Thực hiện bảo đảm/bảo lãnh cho Chủ đầu tư theo Hợp đồng EPC; - Đại diện Liên doanh, xuất hóa đơn giá trị khối lượng công việc thực hiện cho Chủ đầu tư và nhận các khoản tạm ứng/thanh toán từ Chủ đầu tư. Phân chia và thanh toán giá trị thực hiện tương ứng cho Các Bên; - Được quyền giữ lại số tiền mà Chủ đầu tư đã thanh toán nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ mở bảo lãnh theo yêu cầu từ phía Ngân hàng và đảm bảo nghĩa vụ/trách nhiệm trước Chủ đầu tư theo Hợp đồng EPC; - Chịu phí bảo lãnh cho các bảo lãnh theo quy định của Hợp đồng EPC (<i>Bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành</i>).
2	Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Thành viên liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; - Thiết kế kỹ thuật; - Thiết kế chi tiết;

STT	Tên Công ty	Vai trò trong liên doanh	Nội dung công việc đảm nhận
			- Thực hiện vai trò giám sát thi công của tổng thầu.
3	Công ty Cổ phần SCI E&C	Thành viên liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm, thi công lắp đặt, thử nghiệm, chạy thử và khắc phục sai sót của Dự án; - Mua bảo hiểm rủi ro cho thiết bị và nhân sự tham gia thi công xây dựng; - Mua bảo hiểm công trình trong quá trình xây dựng, nhập khẩu, cấp phép và mua thuốc nổ, điện thi công, rà phá bom mìn (nếu có).

- Thời gian thực hiện: 39,5 tháng.
- Giá trị hợp đồng: 62.974.000 USD.
- Tiến độ triển khai công trình đến thời điểm hết Quý III/2025: Thực hiện đến 11,54% tổng tiến độ dự án.
- Kế hoạch bổ sung vốn lưu động dự kiến:

STT	Mục đích sử dụng	Vốn lưu động cần sử dụng dự kiến (Đồng)	Thời gian sử dụng vốn
1	Thanh toán tiền vật tư, vật liệu thi công công trình	35.000.000.000	Từ Quý IV/2025 đến hết Quý II/2026
2	Thanh toán cho nhà thầu phụ	32.004.480.000	
	Tổng cộng	67.004.480.000	

❖ **Dự án nhà máy thủy điện Nậm Mô 1**

- Địa điểm: Tỉnh Xiengkhuang, Lào.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV tập đoàn Phongsubthavy.
- Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có
- Nhà thầu: Liên doanh SCI gồm Công ty Cổ phần SCI; Công ty Cổ phần SCI E&C và Công ty Cổ phần tư vấn SCI.

STT	Tên Công ty	Vai trò trong liên doanh	Nội dung công việc đảm nhận
1	Công ty Cổ phần SCI	Thành viên đứng đầu liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Ký toàn bộ các văn bản, tài liệu, biên bản ghi nhớ để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham gia chào giá; - Chỉ trì quá trình thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng EPC với Chủ đầu tư cùng với đại diện Các Bên;

STT	Tên Công ty	Vai trò trong liên doanh	Nội dung công việc đảm nhận
			<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý thực hiện Hợp đồng EPC; - Đại diện cho Liên doanh trực tiếp làm việc với Chủ đầu tư và các bên liên quan về việc thực hiện hợp đồng EPC, bao gồm cả việc ký kết các công văn, văn bản, tài liệu liên quan; - Đại diện liên doanh làm việc với cơ quan chính phủ Lào để giải quyết các vấn đề liên quan đến Hợp đồng EPC; - Thực hiện bảo đảm/bảo lãnh cho Chủ đầu tư theo Hợp đồng EPC; - Đại diện Liên doanh, xuất hóa đơn giá trị khối lượng công việc thực hiện cho Chủ đầu tư và nhận các khoản tạm ứng/thanh toán từ Chủ đầu tư. Phân chia và thanh toán giá trị thực hiện tương ứng cho Các Bên; - Được quyền giữ lại số tiền mà Chủ đầu tư đã thanh toán nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ mở bảo lãnh theo yêu cầu từ phía Ngân hàng và đảm bảo nghĩa vụ/trách nhiệm trước Chủ đầu tư theo Hợp đồng EPC; - Chịu phí bảo lãnh cho các bảo lãnh theo quy định của Hợp đồng EPC (<i>Bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành</i>).
2	Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Thành viên liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; - Thiết kế kỹ thuật; - Thiết kế chi tiết; - Thực hiện vai trò giám sát thi công của tổng thầu.
3	Công ty Cổ phần SCI E&C	Thành viên liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm, thi công lắp đặt, thử nghiệm, chạy thử và khắc phục sai sót của Dự án; - Mua bảo hiểm rủi ro cho thiết bị và nhân sự tham gia thi công xây dựng; - Mua bảo hiểm công trình trong quá trình xây dựng, nhập khẩu, cấp phép và mua thuốc nổ, điện thi công, rà phá bom mìn (nếu có).

- Thời gian thực hiện: 39,5 tháng.
- Giá trị hợp đồng: 70.369.727 USD.
- Tiến độ triển khai công trình đến thời điểm hết Quý III/2025: Bước đầu huy động nhân lực, XMTB, giải phòng mặt bằng, xây dựng lán trại, đường phục vụ thi công dự án.

- Kế hoạch bổ sung vốn lưu động dự kiến:

STT	Mục đích sử dụng	Vốn lưu động cần sử dụng dự kiến	Thời gian sử dụng vốn
1	Thanh toán tiền vật tư, vật liệu thi công công trình	20.000.000.000	Từ Quý IV/2025 đến hết Quý II/2026
2	Thanh toán cho nhà thầu phụ	20.000.000.000	
	Tổng cộng	40.000.000.000	

❖ **Dự án nhà máy điện gió Hướng Phùng 1**

- Địa điểm: tỉnh Quảng Trị.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2 – Chi nhánh tổng công ty phát điện 2 – Công ty cổ phần.
- Mối quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có
- Nhà thầu: Liên doanh SCI gồm Công ty Cổ phần SCI E&C và Công ty Cổ phần tư vấn SCI.

STT	Tên Công ty	Vai trò trong liên doanh	Nội dung công việc đảm nhận
1	Công ty Cổ phần SCI E&C	Thành viên đứng đầu liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả Liên doanh; - Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT; - Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả Liên doanh; - Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng; - Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị; - Nhận tiền tạm ứng và thanh toán của Liên doanh trong quá trình thực hiện Hợp đồng; - Thực hiện toàn bộ các hạng mục công việc sau: <ul style="list-style-type: none"> + Công việc chung; + Cung cấp Hàng hóa, thiết bị, vật tư; + Công tác xây dựng, lắp đặt; + Hoàn hóa, vật tư, thiết bị khác (nếu có).
2	Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Thành viên liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện toàn bộ “Công tác thiết kế” trong hạng mục công việc.

- Thời gian thực hiện: Theo tiến độ thực hiện dự án.
- Giá trị hợp đồng: 783.093.190.000 VNĐ.

- Tiến độ triển khai công trình đến thời điểm hết Quý III/2025: bước đầu huy động nhân lực, XMTB thực hiện dự án.
- Kế hoạch bổ sung vốn lưu động dự kiến:

STT	Mục đích sử dụng	Vốn lưu động cần sử dụng dự kiến	Thời gian sử dụng vốn
1	Thanh toán tiền vật tư, vật liệu thi công công trình	20.000.000.000	Từ Quý IV/2025 đến hết Quý II/2026
2	Thanh toán cho nhà thầu phụ	10.000.000.000	
	Tổng cộng	30.000.000.000	

❖ **Dự án nhà máy thủy điện Trị An mở rộng**

- Địa điểm: Đồng Nai.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Điện 3 – Chi nhánh tập đoàn điện lực Việt Nam.
- Mọi quan hệ với Công ty và người có liên quan của Công ty: Không có
- Nhà thầu: Liên doanh Gói thầu XL04-TAMR gồm Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô; Tổng Công ty Sông Đà – CTCP; Công ty Cổ phần SCI E&C; Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn; Công ty Cổ phần Xây dựng 47 và Công ty Cổ phần Lilama 10.

STT	Tên Công ty	Vai trò trong liên doanh	Nội dung công việc đảm nhận
1	Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	Thành viên đứng đầu liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả Liên doanh; - Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT; - Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả Liên doanh; - Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng; - Ký hợp đồng mua bảo hiểm công trình xây dựng; - Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị; - Thực hiện hạng mục công trình Kênh dẫn nước và cửa nhận nước; - Thực hiện một phần các hạng mục công trình phụ trợ và phục vụ thi công liên quan; - Thực hiện các công việc khác được giao.
2	Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	Thành viên liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thi công nhà máy thủy điện tương ứng ½ khối lượng hạng mục Nhà máy;

STT	Tên Công ty	Vai trò trong liên doanh	Nội dung công việc đảm nhận
			<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một phần các hạng mục công trình phụ trợ và phục vụ thi công liên quan; - Bảo hiểm công trình xây dựng; - Thực hiện các công việc khác được giao.
3	Công ty Cổ phần SCI E&C	Thành viên liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các hạng mục công trình chính sau: Đường ống áp lực; Một phần kênh xả; - Thực hiện một phần hạng mục đường thi công, đường thi công vận hành; - Thực hiện một phần các hạng mục công trình phụ trợ và phục vụ thi công liên quan; - Bảo công trình xây dựng; - Thực hiện các công việc khác được giao.
4	Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	Thành viên liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một phần hạng mục Kênh xả; - Thực hiện một phần hạng mục đường thi công, đường thi công vận hành; - Thực hiện một phần các hạng mục công trình phụ trợ và phục vụ thi công liên quan; - Bảo hiểm công trình xây dựng; - Thực hiện các công việc khác được giao.
5	Công ty Cổ phần Xây dựng 47	Thành viên liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thi công nhà máy thủy điện tương ứng ½ khối lượng hạng mục Nhà máy; - Thực hiện một phần các hạng mục công trình phụ trợ và phục vụ thi công liên quan; - Bảo hiểm công trình xây dựng; - Thực hiện các công việc khác được giao.
6	Công ty Cổ phần Lilama 10	Thành viên liên doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt: <ul style="list-style-type: none"> + Thiết bị cơ khí thủy công (Cửa nhận nước, đường ống áp lực, hạ lưu nhà máy); + Thiết bị nhà máy (Thiết bị khí thủy lực, thiết bị cơ điện, hệ thống thiết bị điện phụ); + Thiết bị quan trắc (Bao gồm quan trắc trong giai đoạn thi công và vận hành). - Cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> + Vật tư thiết bị đường dây 220kV; + Thiết bị quan trắc trong giai đoạn thi công. - Thực hiện một phần hạng mục công trình phụ trợ và phục vụ thi công liên quan; - Bảo hiểm công trình xây dựng; - Thực hiện các công việc khác được giao.

- Thời gian thực hiện: 31 tháng.

- Giá trị hợp đồng: 186.818.191.857 VNĐ.
- Tiến độ triển khai công trình đến thời điểm hết Quý III/2025: Bước đầu huy động nhân lực, XMTB, giải phóng mặt bằng phục vụ thi công dự án.
- Kế hoạch bổ sung vốn lưu động dự kiến:

STT	Mục đích sử dụng	Vốn lưu động cần sử dụng dự kiến	Thời gian sử dụng vốn
1	Thanh toán tiền vật tư, vật liệu thi công công trình	8.000.000.000	Từ Quý IV/2025 đến hết Quý II/2026
2	Thanh toán cho nhà thầu phụ	2.000.000.000	
	Tổng cộng	10.000.000.000	

Ghi chú:

Do đặc thù hoạt động thi công xây lắp EPC, nhu cầu vốn lưu động của Công ty phụ thuộc trực tiếp vào tiến độ thực hiện từng hạng mục của dự án. Tại thời điểm lập phương án sử dụng vốn, các dự án mới đang trong giai đoạn khởi động, một số hạng mục thi công chưa phát sinh khối lượng thực hiện nên Công ty chưa tiến hành lựa chọn nhà thầu phụ và chưa ký kết các hợp đồng cung ứng vật tư, vật liệu. Việc xác định danh sách nhà thầu phụ và giá trị hợp đồng cụ thể chỉ được thực hiện khi dự án bước vào giai đoạn triển khai chi tiết và khối lượng thi công được Chủ đầu tư phê duyệt.

Vì vậy, Công ty không trình bày danh sách nhà thầu phụ và các hợp đồng tương ứng trong phương án sử dụng vốn. Tuy nhiên, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng đúng mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm thanh toán cho các nhà thầu phụ, chi phí vật tư - vật liệu phục vụ trực tiếp cho việc thi công các gói thầu EPC của Công ty. Công ty cam kết quản lý và sử dụng nguồn vốn thu được một cách minh bạch, đúng mục đích, đúng đối tượng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành cũng như các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

2. Kế hoạch Đầu tư xe máy thiết bị phục vụ thi công các công trình

Theo phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được HĐQT Công ty thông qua chi tiết, Công ty dự kiến sử dụng **5.452.560.000 đồng** cho mục đích đầu tư xe máy thiết bị phục vụ thi công các công trình theo kế hoạch đã được HĐQT thông qua tại Nghị quyết HĐQT số: 14/2025/NQ-SCIEC-HĐQT:

- **Tổng giá trị đầu tư:** 18.175.200.000 đồng.
- **Thời gian đầu tư:** Từ Quý IV năm 2025 đến hết Quý II năm 2026.
- **Danh mục xe máy thiết bị đầu tư:**

STT	Loại xe máy thiết bị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nhà cung cấp (dự kiến)
1	Xe ô tô bơm bê tông Sany cần 43-47 mét	1	6.222.000.000	6.222.000.000	CTCP Thiết bị và Dịch vụ TCE
2	Máy ủi Shantui gắn định vị Laze	1	3.520.000.000	3.520.000.000	Shandong Shantui Construction Machinery Imp. & Exp. Co., Ltd
3	Xe oto Howo 70 tấn	2	1.550.000.000	3.100.000.000	CTCP Thiết bị 365
4	Máy san XCMG	1	1.740.000.000	1.740.000.000	CTCP Tập đoàn 911
5	Máy phát điện 600KVA	2	831.600.000	1.663.200.000	Công ty TNHH Thiết bị Công nghệ Makawa
6	Máy lu rung Sakai tự trọng 12,5 tấn	1	1.930.000.000	1.930.000.000	Công ty TNHH Vitechco
Tổng cộng				18.175.200.000	

HĐQT đã ủy quyền cho Giám đốc Công ty:

- Tổ chức lập, phê duyệt và triển khai kế hoạch mua sắm chi tiết theo quy định nội bộ Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- Quyết định lựa chọn, thay đổi hoặc đàm phán với nhà cung cấp (bao gồm cả lựa chọn nhà cung cấp khác với các đơn vị được nêu tại Điều 1) trong quá trình thực hiện, đảm bảo tiêu chí hiệu quả kinh tế cao nhất tại thời điểm mua sắm;
- Ký kết các hợp đồng mua sắm, hợp đồng dịch vụ, hồ sơ thanh toán, nghiệm thu và các văn bản liên quan, trong phạm vi tổng giá trị đầu tư được thông qua tại Điều 1;
- Báo cáo kết quả thực hiện, tình hình giải ngân và hiệu quả đầu tư cho HĐQT sau khi hoàn thành;
- Trong trường hợp phát sinh vượt tổng mức đầu tư đã được thông qua, Giám đốc có trách nhiệm trình HĐQT xem xét và phê duyệt bổ sung trước khi triển khai.

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã tiến hành đầu tư mua Máy lu rung Sakai tự trọng 12,5 tấn. Các thiết bị còn lại trong danh mục dự kiến đầu tư (từ mục 1 đến mục 5) vẫn chưa được triển khai mua sắm do tiến độ các gói thầu chưa phát sinh nhu cầu sử dụng ngay. Việc mua sắm các thiết bị này sẽ được Công ty thực hiện theo đúng tiến độ triển khai của từng dự án và phù hợp với nhu cầu thực tế phát sinh, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ trụ sở chính: 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 1900 6446

Fax: 024 3773 9058

Website: www.fpts.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISIC (CN HÀ NỘI)

Địa chỉ: Tầng 6, số 36, Ngõ Hòa Bình 4, Phố Minh Khai, Phường Bạch Mai, Hà Nội.

Điện thoại: (84.24) 3782 0045

Fax: (84.24) 3782 0048

Website: www.aisic.com.vn

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG)

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHAN THANH HẢI

GIÁM ĐỐC



LƯU MINH THÀNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

A blue ink signature of Cao Lữ Phi Hùng.

CAO LỮ PHI HÙNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



PHÓ GIÁM ĐỐC
TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
Lê Hải Nam

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 18 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp ngày 31 tháng 08 năm 2025;

2. Phụ lục II:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2025 kèm Biên bản họp ĐHĐCĐ và Tờ trình số 05/2025/TTr-SCIEC-HĐQT ngày 28/03/2025 của HĐQT về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 13/2025/NQ-SCIEC-HĐQT ngày 15/10/2025 về việc thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 19/2025/NQ-SCIEC-HĐQT ngày 04/12/2025 thông qua chi tiết phương án bổ sung vốn lưu động cho các công trình mà Công ty đang triển khai; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/2025/NQ-SCIEC-HĐQT ngày 04/12/2025 về việc thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;

3. Phụ lục III: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần SCI E&C;

4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính năm 2023, 2024 được kiểm toán, Báo cáo tài chính quý III năm 2025 (BCTC riêng của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất).

5. Phụ lục V: Các tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng; Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 14/2025/NQ-SCIEC-HĐQT ngày 15/10/2025 thông qua việc đầu tư mua xe máy thiết bị. *